

Số: 1542 /BVHTTDL-DSVH
V/v xin ý kiến Đề án “Xây dựng và
Phục dựng Phố Hiến cổ”, tỉnh Hưng Yên

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được Công văn số 2844/VPCP-KGVX ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ đề nghị Nghiên cứu Đề án “Xây dựng và Phục dựng Phố Hiến cổ” trên địa bàn các phường Minh Khai, Hiến Nam, Lam Sơn, Hồng Châu và các xã Quảng Châu, Hoàng Hanh, Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (kèm Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên) trong đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và giao: “1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Ngoại giao, Tư pháp và các cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên tại Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025; đề xuất hướng xử lý và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của các bộ, cơ quan, địa phương liên quan theo tinh thần “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả” báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong ngày 15 tháng 4 năm 2025”.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Tư pháp phối hợp nghiên cứu, có ý kiến đối với các đề xuất, kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (tại Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025) liên quan đến sự cần thiết: về chủ trương triển khai thực hiện dự án; về chống ngập lụt và bảo vệ môi trường; về nguồn vốn đầu tư; về ưu đãi đầu tư; về tiến độ giải phóng mặt bằng theo chức năng quản lý nhà nước của các Bộ để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Ý kiến bằng văn bản của Quý Bộ xin gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 14 tháng 4 năm 2025.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Hoàng Đạo Cương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, DSVH, VHN.10.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Đạo Cương

Số: 21/BC-UBND

Hưng Yên, ngày 04 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Về đề án "Xây dựng và Phục dựng Phố Hiến cổ" trên địa bàn trên địa bàn các phường Minh Khai, Hiến Nam, Lam Sơn, Hồng Châu và các xã Quảng Châu, Hoàng Hanh, Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030; tầm nhìn 2050; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 3956-CP/BCSĐCP ngày 27/01/2025 về việc chuẩn bị chương trình làm việc của Bộ Chính trị năm 2025; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX về Chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề án "Xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ" trên địa bàn trên địa bàn các phường Minh Khai, Hiến Nam, Lam Sơn, Hồng Châu và các xã Quảng Châu, Hoàng Hanh, Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên với những nội dung chính cụ thể như sau:

I- SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ PHỤC DỰNG PHỐ HIẾN CỔ

1- Căn cứ chính trị và pháp lý

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2408/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt cho Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Khu di tích Phố Hiến;

Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-TTg ngày 27/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến gắn với phát triển du lịch, thông qua quy hoạch sẽ hoàn thiện không gian kiến trúc về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Phố Hiến, đề Hưng Yên không những phát triển về kinh tế - xã hội mà còn mở ra tiềm năng lớn về văn hóa du lịch;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX về Chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo 1164-TB/TU ngày 12/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xây dựng đề án "Xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ"; Văn bản số 3345-CV/VPTU ngày 08/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hoàn thiện Đề án "Xây dựng và Phục dựng Phố Hiến cổ"

Căn cứ Quy chế làm việc số 22-QC/TU ngày 04/12/2024 của Tỉnh ủy;

2. Sự cần thiết của đề án

"Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến" - câu ca dao đã đi vào tiềm thức người Việt như một minh chứng cho sự sầm uất, thịnh vượng của thương cảng Phố Hiến trong thế kỷ 16-17. Là trung tâm giao thương quốc tế lớn thứ hai chỉ sau Kinh đô Thăng Long, Phố Hiến từng là biểu tượng cho sự giao thoa văn hóa, kinh tế giữa Việt Nam và thế giới. Ngày nay, những dấu ấn của thương cảng Phố Hiến vẫn còn hiện diện trên các công trình kiến trúc, tín ngưỡng và trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Hưng Yên. Tuy nhiên, trước những biến động lịch sử và sự phát

triển hiện đại, di sản quý giá này đang đứng trước nguy cơ mai một, đòi hỏi sự đầu tư kịp thời và toàn diện để bảo tồn và phát huy giá trị, cụ thể:

2.1- Bảo tồn giá trị lịch sử và văn hóa quốc gia: Phố Hiến từng là một trong những thương cảng quan trọng nhất của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, với vai trò là cửa ngõ giao thương giữa miền Bắc Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

- **Vai trò lịch sử:** Nhờ vị trí chiến lược trên các con sông lớn như sông Hồng, sông Thái Bình, và sông Đáy, Phố Hiến đã trở thành trung tâm giao thương nhộn nhịp, nơi tập trung thuyền buôn từ 12 quốc gia: **Nhật Bản, Trung Quốc, Xiêm (Thái Lan), Lữ Tống (Philippines), Mã Lai (Malaysia), In-đô (Indonesia), Ấn Độ, Anh, Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha.** Cảnh "trên bến dưới thuyền", cùng các thương điểm (văn phòng đại diện) của các nước lớn như Nhật Bản, Anh, Hà Lan ... đã biến Phố Hiến thành một đô thị kinh tế, chính trị và văn hóa sầm uất.

- **Dấu ấn văn hóa:** Sự đa dạng văn hóa được thể hiện qua các công trình kiến trúc độc đáo, từ chùa Chuông, đình An Vũ, đến hội quán Đông Đô Quảng Hội, đền Thiên Hậu, nhà thờ Thiên Chúa giáo, và các phố phường mang phong cách giao thoa giữa Việt Nam với Nhật Bản, Trung Quốc và phương Tây.

Ngày nay, các di tích và di sản này không chỉ là minh chứng lịch sử mà còn là tài sản vô giá của nền văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, nếu không được bảo tồn và phục dựng kịp thời, những giá trị này sẽ tiếp tục bị mai một, làm mất đi một phần quan trọng trong bản sắc văn hóa dân tộc.

2.2- Phát triển kinh tế - du lịch dựa trên thương hiệu Phố Hiến: Phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ là bảo tồn di sản, mà còn mở ra cơ hội lớn để phát triển kinh tế - du lịch, thương mại, dịch vụ bền vững cho tỉnh Hưng Yên.

- **Tận dụng tiềm năng phát triển du lịch văn hóa:** Được công nhận Di tích quốc gia đặc biệt, Phố Hiến đã khẳng định vị thế của mình trong hệ thống di sản văn hóa Việt Nam. Sự đa dạng về kiến trúc, lễ hội và nghệ thuật truyền thống như ca trù, chèo, hát trống quân là những "sản phẩm văn hóa" độc đáo có thể thu hút hàng triệu du khách mỗi năm.

- **Hiệu quả kinh tế:** Tạo ra nguồn thu lớn từ các hoạt động du lịch, bao gồm lưu trú, ẩm thực, và dịch vụ; phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương như nhãn lồng Hưng Yên, tương Bần, và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ gắn liền với thương hiệu Phố Hiến.

- **Tăng việc làm và cải thiện đời sống người dân:** Trong quá trình triển khai và đi hoạt động dự án không chỉ tạo hàng ngàn việc làm trực tiếp trong lĩnh vực du lịch mà còn thúc đẩy các ngành kinh tế phụ trợ, cải thiện đời sống của người dân địa phương.

2.3- Tính cấp thiết của việc phục dựng Phố Hiến

- **Nguy cơ mai một di sản:** Nhiều công trình kiến trúc, phố phường và lễ hội truyền thống của Phố Hiến đã biến mất hoặc xuống cấp nghiêm trọng. Nếu không có sự đầu tư kịp thời, nguy cơ mất mát toàn bộ các giá trị văn hóa và lịch sử là rất lớn.

- **Cơ hội vàng để phát triển du lịch vùng:**

+ Với vị trí gần Hà Nội và nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng, Phố Hiến có lợi thế lớn về kết nối giao thông, dễ dàng thu hút du khách trong và ngoài nước.

+ So sánh với các địa phương khác như Hội An, Huế hay Hà Nội, du lịch Hưng Yên vẫn chưa được khai thác xứng tầm. Phục dựng Phố Hiến là cơ hội để tỉnh bứt phá trong lĩnh vực này.

2.4- Hiệu ứng lan tỏa từ dự án:

- Động lực phát triển kinh tế vùng: Dự án phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ thúc đẩy sự phát triển của Hưng Yên mà còn tạo động lực cho các tỉnh lân cận trong khu vực đồng bằng sông Hồng.

- Quảng bá hình ảnh Việt Nam: Biến Phố Hiến thành một điểm đến du lịch văn hóa tầm cỡ quốc gia và quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên bản đồ du lịch toàn cầu.

Từ nguyên do trên việc phục dựng Phố Hiến cổ là nhiệm vụ **cấp thiết** và mang tính **chiến lược lâu dài**. Dự án không chỉ giúp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa mà còn mở ra cơ hội lớn để phát triển kinh tế - du lịch thương mại dịch vụ, nâng cao đời sống người dân, và xây dựng thương hiệu Hưng Yên như một trung tâm du lịch văn hóa hàng đầu miền Bắc. Việc triển khai dự án đòi hỏi sự chung tay của các cấp chính quyền, ngành văn hóa, các nhà đầu tư và cộng đồng, nhằm biến tiềm năng này thành hiện thực.

II- THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐỀ ÁN

1- Bố cục đề án: Đề án gồm 3 chương, trong đó

- Chương 1 tập trung vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên và kết quả việc bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích lịch sử Phố Hiến, những vấn đề đặt ra đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử Phố Hiến.

- Chương 2 của đề án trình bày các nội dung về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử Phố Hiến

- Chương 3 của đề án là các kiến nghị, đề xuất để thực hiện hoạt động đầu tư, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử Phố Hiến.

2- Tên đề án: XÂY DỰNG VÀ PHỤC DỰNG PHỐ HIẾN CỔ.

3- Địa điểm diện tích thực hiện: tại Khu đất có diện tích khoảng 1.708,9 ha trên địa bàn các phường Minh Khai, Hiến Nam, Lam Sơn, Hồng Châu và các xã Quảng Châu, Hoàng Hanh, Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Ranh giới cụ thể như sau: Phía Bắc tiếp giáp đất nông nghiệp (bãi sông) thuộc

phường Lam Sơn; Phía Nam tiếp giáp huyện Tiên Lữ; Phía Đông tiếp giáp đường kết nối di sản văn hóa du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng; Phía Tây tiếp giáp sông Hồng.

4- Mục tiêu đề án:

Xây dựng Phố Hiến thành điểm đến văn hóa - lịch sử tâm cỡ quốc gia và quốc tế, hướng tới **đề nghị UNESCO công nhận Phố Hiến là Di sản Văn hóa Thế giới**. Với việc phục dựng các khu phố cổ, thương cảng, thuyền cổ, văn hóa giao thoa và phát triển kinh tế - xã hội bền vững, dự án không chỉ thúc đẩy kinh tế địa phương mà còn đóng góp quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản cho các thế hệ mai sau.

4.1- Xây dựng Phố Hiến cổ trở thành công trình văn hóa - lịch sử mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế

- Phục dựng và phát triển Phố Hiến cổ trở thành điểm đến di sản văn hóa đặc sắc, nơi hội tụ các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc và kinh tế nổi bật của Việt Nam và thế giới.

- Hướng tới đề nghị **UNESCO công nhận Phố Hiến là Di sản Văn hóa Thế giới**, khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

4.2- Khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến

- Tái hiện không gian **đô thị cổ Phố Hiến**, bao gồm quy hoạch, kiến trúc và không gian chức năng của thương cảng lớn nhất Việt Nam thế kỷ 16-17.

- Phục dựng các di tích hiện hữu: Khôi phục các công trình lịch sử như đình, đền, chùa, nhà thờ, cùng các công trình kiến trúc mang dấu ấn giao thoa văn hóa giữa người Việt và các cộng đồng thương nhân nước ngoài.

- Lồng ghép giữa không gian đô thị cổ với cuộc sống đương đại, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn giá trị truyền thống và phát triển hiện đại, phục vụ mục tiêu khai thác và phát triển du lịch bền vững.

4.3- Phục dựng không gian giao thương quốc tế

- **Phục dựng các khu phố cổ:** Tái hiện các ngôi nhà cổ đặc trưng của Việt Nam và 12 quốc gia từng giao thương tại Phố Hiến, bao gồm:

+ Châu Á: Nhật Bản, Trung Quốc, Xiêm (Thái Lan), Lữ Tống (Philippines), Mã Lai (Malaysia), In-đô (Indonesia), Ấn Độ;

+ Phương Tây: Anh, Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha;

- **Phục dựng thương cảng Xích Đằng:**

+ Khôi phục hệ thống giao thông đường thủy gồm sông, hồ, luồng lạch, bến cảng để tái hiện hình ảnh giao thương nhộn nhịp của Phố Hiến xưa.

+ Phát triển hệ thống thuyền cổ đặc trưng của các quốc gia, tái hiện phương tiện vận chuyển và buôn bán hàng hóa tại thương cảng cổ.

4.4- Bảo tồn và phục dựng văn hóa giao thoa đa quốc gia:

- Phục dựng trang phục cổ: Tái hiện trang phục truyền thống của người Việt Nam và 12 quốc gia giao thương tại Phố Hiến.

- Phục dựng hàng hóa giao thương cổ: Tái hiện các loại hàng hóa, đặc sản, và sản phẩm từng được trao đổi, buôn bán tại Phố Hiến, bao gồm cả các mặt hàng du nhập từ nước ngoài.

- Ẩm thực giao thoa: Khôi phục ẩm thực truyền thống của người Việt Nam và các món ăn của thương nhân nước ngoài từng đến Phố Hiến.

- Tái hiện lễ hội và phong tục tín ngưỡng: Phục dựng các hoạt động lễ hội cổ, nghi lễ tín ngưỡng gắn với đời sống văn hóa, tâm linh của người Việt và cộng đồng quốc tế từng sinh sống tại Phố Hiến.

4.5- Phát triển kinh tế - xã hội và tạo công ăn việc làm

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho ít nhất 10.000 lao động, đồng thời nâng cao thu nhập và chất lượng sống của người dân địa phương.

- Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua nguồn thu từ du lịch, dịch vụ, và các hoạt động kinh tế phụ trợ.

- Thúc đẩy kinh tế tỉnh Hưng Yên: Biến Phố Hiến trở thành một trung tâm kinh tế - văn hóa - du lịch của vùng đồng bằng sông Hồng, hướng tới phát triển bền vững.

4.6- Bảo vệ môi trường và phát triển sinh thái

- Xây dựng và phục dựng các công trình kiến trúc gắn với cảnh quan môi trường hài hòa, xanh, đẹp, bao gồm cây xanh, thảm cỏ, hồ nước và hệ thống không gian công cộng.

- Phát triển du lịch sinh thái ven sông Hồng, gắn kết bảo tồn thiên nhiên với khai thác du lịch bền vững.

- Áp dụng các giải pháp bảo vệ môi trường trong xây dựng và vận hành dự án, đảm bảo phát triển bền vững và không làm động tiêu cực đến hệ sinh thái.

4.7- Định vị Phố Hiến cổ là điểm đến du lịch tâm cổ quốc gia và quốc tế

- Biến Phố Hiến cổ trở thành **điểm sáng về du lịch văn hóa**, thu hút hàng triệu lượt khách tham quan mỗi năm.

- Kết hợp với các địa điểm di sản khác ở đồng bằng sông Hồng như: Chùa Hương, Hà Nội; Tam Chúc, Hà Nam; Tràng An - Bái Đính, Ninh Bình v.v... để xây dựng chuỗi du lịch liên vùng, tạo ra sức hút mạnh mẽ cho du khách trong và ngoài nước.

4.8- Công trình di sản cho các thế hệ mai sau

- Phố Hiến cổ không chỉ là dự án phục dựng di sản mà còn là biểu tượng văn hóa và lịch sử trường tồn, lưu giữ giá trị cho các thế hệ tương lai.

- Tạo lập một mô hình kết hợp giữa bảo tồn di sản, phát triển kinh tế và giáo dục văn hóa cho cộng đồng.

5- Quy mô đầu tư

5.1- Tổng diện tích quy hoạch

Dự án “Xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ” có quy mô diện tích khoảng 1.708,9 ha trên địa bàn các phường Minh Khai, Hiến Nam, Lam Sơn, Hồng Châu và các xã Quảng Châu, Hoàng Hanh, Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Ranh giới cụ thể như sau: Phía Bắc tiếp giáp đất nông nghiệp (bãi sông) thuộc phường Lam Sơn; Phía Nam tiếp giáp huyện Tiên Lữ; Phía Đông tiếp giáp đường kết nối di sản văn hóa du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng; Phía Tây tiếp giáp sông Hồng.

5.2- Cơ cấu sử dụng đất

Tổng diện tích sử dụng đất: 1.708,90 ha, trong đó:

+ Đất thương mại - dịch vụ:	273,71 (16,01 %) ha;
+ Đất công cộng:	82,23 (4,81 %) ha;
+ Đất tôn giáo:	30,82 (1,80 %) ha;
+ Mặt nước:	924,01 (54,06 %) ha;
+ Công viên cây xanh:	398,13 (23,32 %) ha;

5.3. Hình thức giao đất, cho thuê đất

5.3.1. Cho thuê đất:

- **Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:** Theo quy định tại khoản 2 Điều 120 Luật đất đai 2024, gồm:

+ Đất thương mại – dịch vụ: Khu vực chợ, cửa hàng, dịch vụ ăn uống, và các không gian kinh doanh phục vụ khách du lịch. Đất xây dựng khu nghỉ dưỡng, khách sạn, và các dịch vụ hỗ trợ du lịch;

+ Đất xây dựng công trình lưu trú: các khu homestay, nhà ở phong cách truyền thống, tái hiện không gian sinh hoạt đời sống cư dân xưa;

- **Thời gian thuê đất:** Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 172 Luật đất đai 2024: Thời gian thuê đất 70 năm kể từ ngày hoàn thành đưa vào khai thác.

- **Giao đất không thu tiền sử dụng đất:** Theo quy định tại điều 118 Luật đất đai 2024, gồm:

+ Đất công trình công cộng: Xây dựng Quảng trường, công viên, đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, và các công trình phục vụ lợi ích cộng đồng.

+ Đất công trình văn hóa: Xây dựng các công trình văn hóa, bảo tàng, di tích lịch sử, khu vực tái hiện đời sống Phố Hiến cổ;

+ Đất tôn giáo: Xây dựng các công trình phục vụ hoạt động tín ngưỡng, như chùa, đền, nhà thờ. Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho tổ chức tôn giáo để phục vụ mục đích hợp pháp;

5.4- Quy mô đầu tư:

5.4.1- Phục dựng Phố Hiến cổ:

a. *Phương án phục dựng:* Phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ góp phần bảo tồn di sản mà còn tạo ra tiềm năng phát triển du lịch văn hóa, cụ thể:

- *Bảo tồn nguyên trạng các di tích hiện có:*

+ Khảo sát và lập hồ sơ di tích: Tiến hành nghiên cứu chi tiết các di tích còn lại như chùa Hiến, đình chùa Chuông, đền Trần, Đông Đô Quảng Hội... để xác định các yếu tố cần bảo tồn.

+ Cải tạo không gian: Giữ nguyên kiến trúc gốc, chỉ tu sửa những phần xuống cấp. Dùng vật liệu truyền thống (gỗ, gạch nung) để tái hiện phong cách cổ.

+ Chống xuống cấp: Sử dụng các phương pháp khoa học hiện đại để bảo vệ các công trình khỏi ảnh hưởng thời tiết và sự hủy hoại tự nhiên.

- *Phục dựng theo hình ảnh thương cảng Phố Hiến xưa:*

+ Tái hiện không gian thương cảng: Phục dựng lại các dãy phố cổ ven sông, bến thuyền, và các kho hàng với kiến trúc mang đậm nét Việt Nam kết hợp với phong cách Á – Âu.

+ Chợ cổ và thương mại: Xây dựng một khu chợ cổ tái hiện hoạt động buôn bán sầm uất của Phố Hiến, gồm các gian hàng bán đồ thủ công mỹ nghệ, trà, lụa và các sản vật đặc trưng.

+ Không gian sinh hoạt cộng đồng: Tạo không gian tổ chức các lễ hội như lễ hội đền Mẫu, hội chùa Chuông, tái hiện cuộc sống người dân xưa.

- *Kết hợp giữa di sản và hiện đại:*

+ Quy hoạch cảnh quan: Xây dựng công viên văn hóa lịch sử xung quanh các di tích, kết hợp hồ nước và cây xanh.

+ Hệ thống ánh sáng và công nghệ: Sử dụng ánh sáng nghệ thuật và công nghệ thực tế ảo để tái hiện lịch sử Phố Hiến.

+ Khu trải nghiệm di sản: Tạo các không gian trải nghiệm như nhà cổ, xưởng thủ công, khu vực chụp ảnh với trang phục cổ.

- *Phát triển du lịch bền vững:*

+ Phát triển giao thông nội bộ: Sử dụng các phương tiện thân thiện môi trường như xe điện, xe đạp để di chuyển trong khu phố cổ.

+ Hướng dẫn viên và thông tin đa ngôn ngữ: Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn với nhiều ngôn ngữ nhằm phục vụ du khách quốc tế.

+ Tổ chức tour tham quan: Tạo các tour du lịch gắn với khám phá Phố Hiến cổ, thăm làng nghề truyền thống, và trải nghiệm ẩm thực đặc sản Hưng Yên.

- *Khôi phục các giá trị văn hóa phi vật thể:*

+ Lễ hội truyền thống: Phục hồi các lễ hội đặc sắc như lễ hội đền Trần, lễ hội chùa Hiến để thu hút du khách.

+ Nghệ thuật truyền thống: Biểu diễn ca trù, quan họ, hoặc hát chèo tại các không gian tái hiện văn hóa.

+ Làng nghề truyền thống: Khuyến khích phục dựng và phát triển các nghề cổ như làm lụa, gốm, mây tre đan...

- *Hợp tác quốc tế và cộng đồng:*

+ Tham khảo ý kiến chuyên gia quốc tế: Làm việc với các chuyên gia di sản UNESCO để đảm bảo tính nguyên bản và giá trị văn hóa.

+ Thu hút sự tham gia của cộng đồng: Mời người dân địa phương tham gia vào các hoạt động tái hiện văn hóa, đồng thời tạo việc làm cho họ từ các hoạt động dịch vụ du lịch.

Phương án phục dựng cần cân nhắc hài hòa giữa yếu tố lịch sử, văn hóa và nhu cầu phát triển kinh tế bền vững, qua đó biến Phố Hiến trở thành một điểm đến đặc sắc mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

b- Phân khu chức năng

Dự án phục dựng Phố Hiến được phân chia thành **04 phân khu chính** với **tổng diện tích 1.708,90 ha**, mỗi phân khu có chức năng riêng biệt trong tổng thể chung, đồng bộ nhằm tái hiện nét độc đáo và lịch sử của khu vực, đồng thời phát triển du lịch bền vững. Chi tiết từng phân khu như sau:

- Phân khu I - Phân khu Phục Hiến (399,3 ha): Tâm điểm là khu vực tái hiện thương cảng quốc tế Phố Hiến xưa, kết hợp không gian kinh tế đêm và các tuyến phố đi bộ đa văn hóa.

- Phân khu II - Phân khu Lễ Hội (427,5 ha): Là khu vực trung tâm dành cho các hoạt động văn hóa, lễ hội, hội nghị, với sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

- Phân khu III - Phân khu Dịch vụ và Biểu diễn Thực Cảnh (467,0 ha): Phân khu kết hợp dịch vụ du lịch và các chương trình biểu diễn thực cảnh tái hiện lịch sử, văn hóa Phố Hiến.

- Phân khu IV - Phân khu Cây xanh sinh thái ven sông Hồng (415,1 ha): Khu vực xanh mát, tạo không gian trải nghiệm nông nghiệp và thư giãn cho du khách.

c- Thiết bị phục vụ đường thủy

Để tăng trải nghiệm đường thủy, dự án sẽ:

- Đầu tư 4.000 thuyền chèo tay và 100 thuyền gỗ cổ 2 tầng tái hiện các thuyền giao thương từ 12 quốc gia.

- Bố trí thuyền máy cứu hộ và các thiết bị hỗ trợ để đảm bảo an toàn.

- Phục vụ các chương trình trình diễn thực cảnh và tham quan toàn dự án qua tuyến đường thủy.

Phương án phân khu chức năng đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn di sản, phát triển kinh tế và văn hóa, tạo ra một không gian vừa truyền thống vừa hiện đại, thu hút du lịch trong nước và quốc tế.

5.4.2- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu phục dựng phố Hiến:

a- Tuyến đê bao kết hợp giao thông

Đây tuyến đê bao bảo vệ toàn bộ khu đất của dự án, đồng thời đóng vai trò là tuyến đường giao thông trục chính chạy suốt chiều dài dự án, cao trình đỉnh đê đạt tần xuất trên mức nước bão động III tối thiểu là 1 m (khoảng +9,3 đến +9,8 m); Dự kiến tổng chiều dài tuyến khoảng 17,5Km, được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng (TCVN 4054-05).

b- Tuyến giao thông trục kết nối các khu chức năng

Đây là tuyến đường trục chạy xuyên qua và kết nối các khu chức năng của dự án: Tổng chiều dài tuyến dự kiến khoảng 15Km, được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-05).

c- Hồ nhân tạo

Hồ nhân tạo được xây dựng phục vụ giao thông thủy cho tàu thuyền và kiến tạo không gian cảnh quan cho dự án: Quy mô hồ có diện tích khoảng 361,39ha; chiều sâu hồ theo cốt quy hoạch, đảm bảo giao thông thủy cho các loại tàu thuyền lưu thông (đào sâu trung bình 4m); dọc theo chu vi hồ (bờ hồ) được gia cố bằng tường chắn bê tông, bê tông cốt thép kết hợp với gia cố ốp mái tùy thuộc vị trí rộng hẹp của hồ nước cũng như điều kiện địa chất khu vực.

6- Tổng mức đầu tư xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ (dự kiến): 47.241 tỷ đồng (Bốn mươi bảy nghìn, hai trăm bốn một tỷ đồng)

7- Nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình

Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong công tác giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nguồn vốn từ nhà đầu tư được lựa chọn tự bỏ vốn, huy động các nguồn hợp pháp để thực hiện.

8- Tiến độ đầu tư

8.1- Thời gian thực hiện: 10 năm, từ 2025 ÷ 2035.

8.2- Giai đoạn đầu tư:

+ **Giai đoạn 1:** 5 năm, từ 2025 - 2030:

- *Công tác GPMB*: Ưu tiên bàn giao mặt bằng tuyến đề bao, tuyến giao thông trục chính kết nối các khu chức năng, khu phục dựng phố Hiến cổ trong năm 2025; Toàn bộ mặt bằng còn lại trong năm 2026.

- *Xây dựng phục dựng Phố Hiến cổ*: Hoàn thành khu đón tiếp, khu Phố Hiến cổ Việt Nam và 12 quốc gia đến giao thương tại Phố Hiến.

- *Xây dựng hạ tầng kỹ thuật*: Hoàn thành tuyến đề bao, tuyến giao thông trục chính kết nối các khu chức năng;

+ **Giai đoạn 2**: 5 năm tiếp theo, từ 2031 - 2035: Hoàn thành toàn bộ Dự án đưa vào hoạt động.

9- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm:

- Đầu tư xây dựng dự án theo chấp thuận đầu tư;
- Quảng bá hình ảnh Phố Hiến và thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế;
- Đảm bảo bảo trì và vận hành các hạng mục công trình trong thời gian đầu tư;

10- Thời gian hoạt động của dự án

Theo khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư năm 2020, thời hạn hoạt động của dự án là 70 năm, trường hợp chậm bàn giao đất cho Nhà đầu tư thì thời gian Nhà nước chậm bàn giao đất không tính vào thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi được BCT, BBT đồng ý về chủ trương triển khai, Tỉnh ủy, HĐND, UBND dân tỉnh sẽ thành lập Ban chỉ đạo, các tiểu ban giúp việc Ban chỉ đạo cụ thể hóa đề án thành Kế hoạch chương trình hành động.

1- Thành lập Ban chỉ đạo

Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban chỉ đạo, Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Trưởng ban chỉ đạo thường trực, giám đốc các sở ngành: Kế hoạch, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài Chính, Công an tỉnh và Chủ tịch UBND thành phố làm thành viên Ban chỉ đạo.

2- Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án

Ban chỉ đạo sẽ phân công cụ thể cho lãnh đạo các sở, ngành, các địa phương, đơn vị xây dựng Kế hoạch, Chương trình của từng ngành để triển khai Đề án bảo đảm chất lượng, tiến độ.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo đề án phục dựng Phố Hiến cổ được thực hiện một cách khoa học, hiệu quả và bền vững, các cấp chính quyền, nhà đầu tư và cộng đồng cần có các biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ, duy trì và phát triển khu vực di sản một cách

lâu dài. Tỉnh ủy Hưng Yên kính đề nghị Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ xem xét:

1. Cho chủ trương triển khai thực hiện dự án

Xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ là dự án lớn có tác động lan tỏa mang lại giá trị kinh tế, văn hóa không chỉ cho tỉnh Hưng Yên mà còn mang lại giá trị cho các địa phương trên cả nước, giúp lan tỏa văn hóa Việt Nam đến các nước trên thế giới. Để thực hiện thuận lợi cần có chủ trương triển khai của Chính phủ, Ban Bí thư, Bộ Chính trị. Quá trình triển khai xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành và quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về chống ngập lụt và bảo vệ môi trường

Dự án xây dựng và phục dựng phố Hiến cổ nằm tại khu vực bãi bồi ngoài đê, chịu ảnh hưởng của lũ lụt từ hệ thống sông Hồng và sông Luộc. Để đảm bảo an toàn khu vực phục dựng di sản, cần có giải pháp chống ngập lụt lâu dài, kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị chỉ đạo các bộ ngành cho phép tỉnh Hưng Yên được xây dựng tuyến đê bao bảo vệ toàn bộ dự án. Tuyến đê sẽ đồng thời là tuyến đường giao thông trục chính có chiều dài khoảng 17,5km, với cao trình đỉnh đê đạt tần xuất trên mức nước báo động III tối thiểu là 1 m (khoảng +9,3 đến +9,8 m);

3. Về nguồn vốn đầu tư

- **Vốn Ngân sách Nhà nước:** Việc phục dựng Phố Hiến cổ là một dự án quan trọng cấp quốc gia, do đó cần có sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách Nhà nước trong đó Ngân sách trung ương hỗ trợ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc GPMB cho toàn bộ dự án.

- **Vốn nhà đầu tư huy động:** Xây dựng toàn bộ dự án phục dựng Phố Hiến cổ: 27.813 tỷ đồng;

4. Về ưu đãi đầu tư

Đề nghị ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, thiết bị cho dự án; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất theo quy định tại Điều 16 Luật đầu tư 2024.

5. Về tiến độ giải phóng mặt bằng

Đề nghị ưu tiên bàn giao mặt bằng tuyến đê bao, tuyến giao thông trục chính kết nối các khu chức năng, khu phục dựng phố Hiến cổ trong năm 2025; Toàn bộ mặt bằng còn lại trong năm 2026.

6. Về đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới

Dự án xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ đặt mục tiêu xây dựng thành điểm đến văn hóa - lịch sử tầm cỡ quốc gia và quốc tế, với sự độc đáo về giao thoa văn hóa trong lịch sử Đông Nam Á, một di tích quan trọng phản ánh một thời

kỳ hoàng kim của giao thương và phát triển văn hóa quốc tế, thể hiện sự phát triển đô thị đặc sắc, pha trộn giữa các phong cách kiến trúc Á - Âu, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận chủ trương sau khi hoàn thành xây dựng sẽ lập hồ sơ **đề nghị UNESCO công nhận Phố Hiến là Di sản Văn hóa Thế giới**.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

(Cụ thể tại Đề án "Xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ" gửi kèm theo)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH^V.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Văn

HUNG
YEN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**PHỤC DỰNG PHỐ HIỂN CỔ - BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ
DI SẢN VĂN HOÁ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG
TỈNH HƯNG YÊN**

CHỦ ĐẦU TƯ: DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG XUÂN TRƯỜNG



ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THÀNH PHỐ HƯNG YÊN – TỈNH HƯNG YÊN

NINH BÌNH, THÁNG 1 NĂM 2025

Số: 19/TTr-DNXT

Ninh Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v chấp thuận Đề án phục dựng phố Hiến cổ - Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững tại Hưng Yên

Kính gửi : Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường - Ninh Bình là một trong những đơn vị tiên phong và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng các khu du lịch văn hóa tâm linh tại Việt Nam. Với những dự án mang tầm vóc quốc gia và quốc tế, doanh nghiệp đã khẳng định vị thế không chỉ về năng lực đầu tư mà còn ở tầm nhìn phát triển bền vững.

Những dự án đầu tư thành công mang dấu ấn nổi bật của doanh nghiệp, điển hình như: **Dự án Khu du lịch Tràng An - Chùa Bái Đính (Ninh Bình):** Đây là khu du lịch văn hóa, tâm linh lớn nhất Việt Nam, có tổng diện tích 12.000 ha, sau 14 năm đầu tư, Tràng An được UNESCO công nhận là Di sản hỗn hợp Văn hóa - Thiên nhiên Thế giới duy nhất Đông Nam Á tính đến nay. Dự án không chỉ bảo tồn và phát huy giá trị độc đáo về văn hóa và thiên nhiên, mà còn trở thành một trong những điểm đến du lịch tâm linh hàng đầu Việt Nam; **Dự án Khu du lịch Tam Chúc (Hà Nam):** có tổng diện tích là 5.200 ha, sau 10 năm đầu tư, Dự án được Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam chọn làm nơi tổ chức Đại lễ Phật đản Vesak Liên Hợp Quốc năm 2019. Sự kiện này đã đón tiếp đại biểu từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ, để lại dấu ấn sâu sắc trong mắt bạn bè quốc tế, đồng thời khẳng định giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc Việt Nam và **xây dựng 16 ngôi chùa trên Quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa):** Đây là nhiệm vụ không chỉ góp phần bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa tâm linh mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Với mục tiêu bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống cho người dân, Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường xin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên **“Đề án phục dựng Phố Hiến cổ”** mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế, góp phần đưa Phố Hiến trở thành điểm đến lý tưởng trên bản đồ du lịch thế giới, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước.

Phố Hiến là một địa danh nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam, nằm ở tỉnh Hưng Yên. Vào thế kỷ 16-18, nơi đây từng là một thương cảng sầm uất, chỉ đứng sau Thăng Long, với sự giao thương nhộn nhịp giữa Việt Nam và nhiều nước như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Anh, Pháp, Hà Lan... Phố Hiến không

chỉ là một trung tâm thương mại mà còn là nơi giao thoa văn hóa với sự hội tụ của nhiều luồng tư tưởng, tín ngưỡng. Tuy nhiên, trước những biến động lịch sử và sự phát triển hiện đại, di tích quý giá này đang đứng trước nguy cơ mai một, đòi hỏi sự đầu tư kịp thời và toàn diện để bảo tồn và phát huy giá trị.

Việc phục dựng Phố Hiến cổ hoàn toàn phù hợp với các định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, cụ thể:

- **Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:** Hướng đến phát triển du lịch văn hóa, du lịch bền vững, xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc.

- **Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị:** Xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó phát triển du lịch văn hóa là một trong những trụ cột chính.

- **Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị:** Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tại Mục 6: Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; trong đó: **Phố Hiến (Hưng Yên)** là 1 trong 4 Tỉnh của cả nước có di tích quốc gia đặc biệt (*cùng với Tràng An - Ninh Bình; Yên Tử - Quảng Ninh; Côn Sơn - Kiếp Bạc, Hải Dương*) được đưa vào chương trình "*rà soát, phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị, di tích lịch sử, di sản văn hóa của các địa phương*"

- **Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021:** Tập trung "*giữ gìn, chấn hưng và phát triển văn hóa dân tộc*", nhấn mạnh việc bảo tồn các giá trị di tích lịch sử văn hóa để phục vụ phát triển bền vững.

Dựa trên các căn cứ pháp lý và chiến lược phát triển nêu trên, doanh nghiệp đề nghị đề án phục dựng Phố Hiến cổ với các nội dung như sau:

1. Tên đề án: Đề án phục dựng Phố Hiến cổ - Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững tại Hưng Yên;

2. Địa điểm, hiện trạng khu đất:

2.1. Địa điểm: Dự án thuộc địa phận các phường Minh Khai, Hiến Nam, Lam Sơn, Hồng Châu và các xã Quảng Châu, Hoàng Hanh, Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp đất nông nghiệp (bãi sông) thuộc phường Lam Sơn;
- Phía Nam tiếp giáp huyện Tiên Lữ;
- Phía Đông tiếp giáp đường kết nối di sản văn hóa du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng;

- Phía Tây tiếp giáp sông Hồng.

2.2. Hiện trạng khu đất: Tổng diện tích khoảng: **1.708,9 ha**, gồm:

- Đất ở (khoảng 765 hộ bị ảnh hưởng):	18,55 ha;
- Đất nông nghiệp (trồng khoai, chuối):	868,85 ha;
- Đất phi nông nghiệp:	23,26 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản:	75,10 ha;

- Đất khác (mặt nước, lưu không...): 723,14 ha;

- Mặt nước sông Hồng: 520,75 ha;

Với vị trí và hiện trạng thuận lợi của khu đất như trên, việc phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ nhằm bảo tồn giá trị lịch sử mà còn khai thác lợi thế để phát triển kinh tế - du lịch bền vững.

3. Mục tiêu đầu tư:

Đề án phục dựng Phố Hiến cổ đặt mục tiêu xây dựng thành điểm đến văn hóa - lịch sử tầm cỡ quốc gia và quốc tế, hướng tới **đề nghị UNESCO công nhận Phố Hiến là Di sản Văn hóa Thế giới**. Với việc phục dựng các khu phố cổ, thương cảng, thuyền cổ, văn hóa giao thoa và phát triển kinh tế - xã hội bền vững, dự án không chỉ thúc đẩy kinh tế địa phương mà còn đóng góp quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản cho các thế hệ mai sau, góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

3.1. Định vị Phố Hiến trên bản đồ di sản thế giới:

- Xây dựng Phố Hiến cổ thành điểm đến văn hóa - lịch sử tầm cỡ quốc gia và quốc tế, hướng tới đề nghị UNESCO công nhận Di sản Văn hóa Thế giới, nâng tầm giá trị Phố Hiến trong hệ thống di sản quốc tế.

- Trở thành một điểm đến di sản tiêu biểu của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, kết nối với các di sản nổi bật như Malacca (Malaysia), Ayutthaya (Thái Lan), Nagasaki (Nhật Bản).

- Quảng bá hình ảnh Phố Hiến như một trung tâm giao thương lịch sử, thể hiện sự giao thoa văn hóa Á - Âu từ thế kỷ 16 - 18.

3.2. Bảo tồn và phục dựng di sản đô thị cổ:

- Tái hiện kiến trúc, cảnh quan và không gian đô thị cổ Phố Hiến theo tư liệu lịch sử, bảo tồn giá trị nguyên bản của một thương cảng giao thương sầm uất.

- Phục dựng các di tích tiêu biểu, công trình tín ngưỡng như chùa, đền, nhà thờ, phố cổ, thương cảng Xích Đằng, tái hiện sinh động đời sống văn hóa, kinh tế của Phố Hiến xưa.

- Giữ gìn, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, bao gồm tín ngưỡng, lễ hội, trang phục, ẩm thực và các ngành nghề thủ công truyền thống.

3.3. Phát triển du lịch văn hóa - lịch sử bền vững:

- Xây dựng Phố Hiến thành trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử quy mô lớn, kết nối với các di sản quan trọng như Hà Nội, Chùa Hương, Tam Chúc, Tràng An - Bái Đính, tạo thành tuyến du lịch liên vùng hấp dẫn.

- Xây dựng các không gian trải nghiệm thực tế, bao gồm phố đi bộ, không gian giao thương tái hiện Phố Hiến xưa, chương trình biểu diễn thực cảnh, giúp du khách hòa mình vào bầu không khí lịch sử.

- Thu hút 7 - 10 triệu lượt khách/năm, trở thành một trong những trung tâm du lịch văn hóa lớn nhất miền Bắc.

3.4. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương:

- Tạo công việc làm, thu nhập ổn định cho khoảng 10.000 người, hỗ trợ người dân địa phương tham gia vào các hoạt động dịch vụ du lịch, kinh doanh truyền thống.

- Đóng góp vào ngân sách địa phương thông qua nguồn thu từ du lịch, dịch vụ và các hoạt động kinh tế phụ trợ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Hưng Yên và vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Xây dựng mô hình du lịch di sản kết hợp kinh tế đêm, phát triển các dịch vụ thương mại, ẩm thực, lưu trú mang bản sắc văn hóa Phố Hiến.

3.5. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

- Kết hợp bảo tồn di sản với du lịch sinh thái, phát triển khu sinh thái ven sông Hồng, giữ gìn hệ sinh thái tự nhiên.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thân thiện với môi trường, ứng dụng công nghệ xanh trong quy hoạch, thi công và vận hành.

3.6. Công trình di sản cho các thế hệ mai sau:

- Phố Hiến cổ không chỉ là dự án phục dựng di sản mà còn là biểu tượng văn hóa và lịch sử trường tồn, lưu giữ giá trị cho các thế hệ tương lai.

- Tạo lập một mô hình kết hợp giữa bảo tồn di sản, phát triển kinh tế và giáo dục văn hóa cho cộng đồng.

4. Quy mô đầu tư:

4.1. Dự án phục dựng phố Hiến cổ:

Gồm 04 phân khu chính với tổng diện tích 1.708,90 ha, mỗi phân khu mang chức năng riêng biệt nhưng đồng bộ nhằm tái hiện nét độc đáo và lịch sử của khu vực, đồng thời phát triển du lịch bền vững. Cụ thể như sau:

- Phân khu I - Phân khu Phục Hiến (399,3 ha): Tâm điểm là khu vực tái hiện thương cảng quốc tế Phố Hiến xưa, kết hợp không gian kinh tế đêm và các tuyến phố đi bộ đa văn hóa.

- Phân khu II - Phân khu Lễ Hội (427,5 ha): Là khu vực trung tâm dành cho các hoạt động văn hóa, lễ hội, hội nghị, với sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

- Phân khu III - Phân khu Dịch vụ và Biểu diễn Thực Cảnh (467,0 ha): Phân khu kết hợp dịch vụ du lịch và các chương trình biểu diễn thực cảnh tái hiện lịch sử, văn hóa Phố Hiến.

- Phân khu IV - Phân khu Cây xanh sinh thái ven sông Hồng (415,1 ha): Khu vực xanh mát, tạo không gian trải nghiệm nông nghiệp và thư giãn cho du khách.

- Thiết bị phục vụ đường thủy: Đầu tư 4.000 thuyền chèo tay và 100 thuyền gỗ cổ 2 tầng, tái hiện các thuyền giao thương từ 12 quốc gia. Bố trí thuyền máy cứu hộ và các thiết bị hỗ trợ để đảm bảo an toàn.

4.2. Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

- Tuyến đê bao, kè mái sông, kết hợp làm đường giao thông: Tổng chiều dài khoảng 17,5Km, bảo vệ toàn bộ khu đất của dự án, cao trình đỉnh đê đạt tần xuất trên mức nước báo động III tối thiểu là 1 m (khoảng +9,3 đến +9,8 m);

- Tuyến giao thông trục chính kết nối các khu chức năng: Tổng chiều dài tuyến khoảng 15Km, đường cấp III đồng bằng;

- Đào hồ nhân tạo: Khoảng 361,39 ha, phục vụ giao thông thủy cho tàu thuyền và kiến tạo không gian cảnh quan cho dự án.

5. Cơ cấu sử dụng đất: Tổng diện tích: 1.708,90 ha, trong đó:

+ Đất thương mại - dịch vụ: 273,71 (16,01 %) ha;

+ Đất công cộng: 82,23 (4,81 %) ha;

+ Đất tôn giáo: 30,82 (1,80 %) ha;

+ Mặt nước: 924,01 (54,06 %) ha;

+ Công viên cây xanh: 398,13 (23,32 %) ha;

6. Hình thức sử dụng đất:

Theo cơ cấu sử dụng đất của dự án, để đảm bảo hiệu quả và tuân thủ pháp luật, hình thức sử dụng đất được thực hiện theo các hình thức sau:

6.1. Cho thuê đất: Thời gian **thuê đất 70 năm** kể từ ngày hoàn thành đưa vào khai thác (Theo điểm c khoản 1 Điều 172 Luật đất đai 2024); Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê (Theo khoản 2 Điều 120 Luật đất đai 2024), gồm:

- Đất thương mại - dịch vụ: Khu vực chợ, cửa hàng, dịch vụ ăn uống, và các không gian kinh doanh phục vụ khách du lịch, khu nghỉ dưỡng, khách sạn, và các dịch vụ hỗ trợ du lịch;

- Đất xây dựng công trình lưu trú: các khu homestay, nhà ở phong cách truyền thống, tái hiện không gian sinh hoạt đời sống cư dân xưa;

6.2. Giao đất không thu tiền sử dụng đất: Theo điều 118 Luật đất đai 2024, gồm:

- Đất công trình công cộng: Xây dựng Quảng trường, công viên, đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, và các công trình phục vụ lợi ích cộng đồng.

- Đất công trình văn hóa: Xây dựng các công trình văn hóa, bảo tàng, di tích lịch sử, khu vực tái hiện đời sống Phố Hiến cổ;

- Đất tôn giáo: Xây dựng các công trình phục vụ hoạt động tín ngưỡng, như chùa, đền, nhà thờ. Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho tổ chức tôn giáo để phục vụ mục đích hợp pháp;

7. Tổng mức đầu tư: 47.241 tỷ đồng, trong đó:

7.1. Giải phóng mặt bằng toàn bộ dự án: 8.813 tỷ đồng;

(Chi tiết theo Phụ lục 2)

7.2. Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 10.795 tỷ đồng;

(Chi tiết theo Phụ lục 3)

7.3. Dự án xây dựng phục dựng Phố Hiến: 27.813 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 4)

8. Nguồn vốn đầu tư: 47.241 tỷ đồng, trong đó:

8.1. Ngân sách nhà nước: 19.608 tỷ đồng, gồm:

+ Giải phóng mặt bằng: 8.813 tỷ đồng;

+ Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 10.795 tỷ đồng;

8.2. Nhà đầu tư huy động:

+ Dự án xây dựng phục dựng Phố Hiến: 27.813 tỷ đồng;

9. Hình thức đầu tư:

9.1. Nhà nước đầu tư:

- Giải phóng toàn bộ mặt bằng dự án;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Tuyến đê bao, kè sông, giao thông trực chính kết nối các khu chức năng, đào - kè hồ nhân tạo, hệ thống điện.

9.2. Nhà đầu tư:

- Xây dựng các công trình kiến trúc tâm linh: Đền, chùa, nhà thờ ...;

- Phục dựng phố cổ, thuyền cổ: Phục dựng các dãy phố cổ và 100 thuyền gỗ cổ của các nước đã đến giao thương tại Phố Hiến;

- Xây dựng các công trình kiến trúc 04 phân khu chức năng: Khu đón tiếp, khu Quảng trường, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm tổ chức sự kiện quốc tế ...

10. Hình thức quản lý:

Nhà đầu tư trực tiếp quản lý dự án, bảo trì và vận hành các hạng mục công trình trong suốt thời gian hoạt động của dự án;

11. Thời gian thực hiện: 20 năm, từ 2025 ÷ 2045;

*** Giai đoạn 1: 5 năm (từ 2026 đến 2030):**

- *Giải phóng mặt bằng:* tuyến đê bao, tuyến giao thông trực chính kết nối các khu chức năng, khu phục dựng phố Hiến cổ trong năm 2025; Toàn bộ mặt bằng còn lại trong năm 2026.

- Hoàn thành tuyến đê bao, đào hồ.

- Đầu tư hệ thống thuyền cổ đưa vào hoạt động giai đoạn 1.

*** Giai đoạn 2: 5 năm (từ 2030 đến 2035):**

- Hoàn thành hệ thống giao thông, khu công viên cây xanh

- Hoàn thành phục dựng Phố Hiến cổ: Hoàn thành khu đón tiếp, khu Phố Hiến cổ Việt Nam và 12 quốc gia đến giao thương tại Phố Hiến.

*** Giai đoạn 3: 5 năm (từ 2035 đến 2040):**

- Hoàn thành Khu du lịch Tâm linh,

- Hoàn thành đền thờ cụ Lê Đình Kiên,

- Hoàn thành chùa Phục Hiến.

*** Giai đoạn 4: 5 năm (từ 2040 đến 2045):**

- Hoàn thành Quảng trường và Trung tâm tài chính Quốc tế.

- Hoàn thiện các hạng mục công trình còn lại đưa toàn bộ dự án vào hoạt động.

12. Thời gian hoạt động của dự án:

Thời hạn hoạt động của dự án là 70 năm, trường hợp chậm bàn giao đất cho Nhà đầu tư thì thời gian Nhà nước chậm bàn giao đất không tính vào thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư (*Theo mục 2 Điều 44 Luật Đầu tư năm 2020*).

13. Cam kết của Nhà đầu tư:

- Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường cam kết triển khai dự án theo đúng quy hoạch, tuân thủ các nguyên tắc bảo tồn di tích, lịch sử, đảm bảo hài hòa giữa phát triển và giữ gìn giá trị văn hóa.

- Quá trình phục dựng sẽ tuân theo các tiêu chuẩn bảo tồn quốc tế, có sự phối hợp với các tổ chức chuyên môn như **UNESCO, ICOMOS, JICA, KOICA**, đảm bảo tính nguyên bản và lâu dài của di sản.

- Việc triển khai dự án sẽ được thực hiện một cách khoa học, bền vững, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cộng đồng, đồng thời đưa Phố Hiến trở thành một biểu tượng văn hóa trường tồn cho thế hệ mai sau.

14. Kết Luận:

14.1. Phục dựng Phố Hiến - Sứ mệnh bảo tồn và phát triển bền vững:

- Phố Hiến từng là một trung tâm giao thương quan trọng của Việt Nam trong thế kỷ 16-18, nơi giao thoa văn hóa giữa Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, theo dòng chảy của lịch sử, dấu ấn vàng son của thương cảng này dần mai một.

- Việc phục dựng Phố Hiến không chỉ nhằm tái hiện một giai đoạn lịch sử rực rỡ, mà còn là cơ hội để bảo tồn di sản, phát triển du lịch và tạo động lực cho kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên nói riêng, vùng Đồng bằng sông Hồng nói chung.

14.2. Định vị Phố Hiến trên bản đồ du lịch toàn cầu:

- Dự án phục dựng Phố Hiến cổ hướng tới mục tiêu trở thành một điểm đến di sản văn hóa – lịch sử tầm cỡ quốc gia và quốc tế, góp phần đưa Việt Nam lên bản đồ du lịch thế giới.

- Phố Hiến sẽ trở thành một “Hội An mới” của miền Bắc, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững.

- Với sự hỗ trợ từ chính quyền, sự chung tay của các tổ chức bảo tồn di sản trong nước và quốc tế, Phố Hiến hướng tới việc đề cử trở thành **Di sản Văn hóa Thế giới của UNESCO**, khẳng định giá trị văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế.

14.3. Động lực phát triển kinh tế - xã hội:

- Dự án không chỉ tập trung vào khía cạnh bảo tồn di tích mà còn hướng đến việc tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, phát triển dịch vụ du lịch, thu hút đầu tư và đóng góp vào ngân sách nhà nước.

- Phố Hiến sẽ trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi du lịch liên vùng, kết nối với các điểm đến văn hóa lớn như **Hà Nội, Chùa Hương, Tam Chúc, Tràng An - Bái Đính, Hội An**, tạo thành một hệ thống du lịch văn hóa xuyên suốt Bắc - Trung Bộ.

15. Kiến nghị:

Để đảm bảo đề án phục dựng Phố Hiến cổ được triển khai một cách khoa học, hiệu quả và bền vững, các cấp chính quyền, nhà đầu tư và cộng đồng cần có các biện pháp cụ thể nhằm bảo tồn, duy trì và phát triển khu vực di sản một cách lâu dài. Doanh nghiệp kiến nghị:

15.1. Về chống ngập lụt và bảo vệ môi trường:

Dự án phục dựng phố Hiến cổ nằm tại khu vực bãi bồi ngoài đê, chịu ảnh hưởng của lũ lụt từ hệ thống sông Hồng và sông Luộc. Để đảm bảo an toàn khu vực phục dựng di tích, cần có giải pháp chống ngập lụt lâu dài, đề nghị cho phép xây dựng tuyến đê bao toàn bộ diện tích dự án, cao trình đỉnh đê đạt tần suất trên mức nước báo động III tối thiểu là 1 m (*khoảng +9,3 đến +9,8 m*);

15.2. Về nguồn vốn đầu tư:

* **Vốn Ngân sách Nhà nước:** Việc phục dựng Phố Hiến cổ là một dự án quan trọng cấp quốc gia, do đó cần có sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách Nhà nước: **19.608 tỷ đồng**;

- Đề nghị Ngân sách Nhà nước hỗ trợ giải công tác phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như Khu du lịch sinh thái Tràng An, tỉnh Ninh Bình tại Thông báo số 41/TB-VPCP ngày 26/02/2004, Thông báo Kết luận của Thủ tướng Phan Văn Khải tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Ninh Bình; Khu Du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam tại Thông báo số 323/TB-VPCP ngày 22/8/2013 thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Nam và Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận dự án đầu tư xây dựng khu du lịch Tam Chúc, trong đó :

- Ngân sách trung ương: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: **10.795 tỷ đồng**;

- Ngân sách địa phương: GPMB toàn bộ dự án: **8.813 tỷ đồng**;

(*Gửi kèm Thông báo số: 41/TB-VPCP ngày 26/02/2004, Thông báo số 323/TB-VPCP ngày 22/8/2013 và Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của UBND tỉnh Hà Nam*)

* **Vốn nhà đầu tư huy động:** Đầu tư xây dựng toàn bộ dự án phục dựng Phố Hiến cổ: **27.813 tỷ đồng**;

15.3. Về ưu đãi đầu tư:

Đề nghị ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, thiết bị đầu tư cho dự án; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất theo Điều 16 Luật đầu tư 2020.

15.4. Về tiến độ giải phóng mặt bằng:

Đề nghị ưu tiên bàn giao mặt bằng tuyến đề bao, tuyến giao thông trục chính kết nối các khu chức năng, khu phục dựng phố Hiến cổ trong năm 2025; Toàn bộ mặt bằng còn lại trong năm 2026.

15.5. Về đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới:

Dự án phục dựng Phố Hiến cổ đặt mục tiêu xây dựng thành điểm đến văn hóa - lịch sử tầm cỡ quốc gia và quốc tế, với sự độc đáo về giao thoa văn hóa trong lịch sử Đông Nam Á, một di tích quan trọng phản ánh một thời kỳ hoàng kim của giao thương và phát triển văn hóa quốc tế, thể hiện sự phát triển đô thị đặc sắc, pha trộn giữa các phong cách kiến trúc Á - Âu, hướng tới **đề nghị UNESCO công nhận Phố Hiến là Di sản Văn hóa Thế giới.**

Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường Kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề án đầu tư phục dựng Phố Hiến cổ như trên. Doanh nghiệp chúng tôi sẵn sàng lắng nghe các ý kiến đóng góp, điều chỉnh và hợp tác để dự án thành công, đạt hiệu quả cao nhất.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Lưu DN.

DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG XUÂN TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trường

Số: 19 /ĐA-XT

Ninh Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2025

ĐỀ ÁN

PHỤC DỰNG PHỐ HIẾN CỔ - BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TỈNH HƯNG YÊN

1. GIỚI THIỆU NHÀ ĐẦU TƯ:

Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường - Ninh Bình là một trong những đơn vị tiên phong và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng các khu du lịch văn hóa tâm linh tại Việt Nam. Với những dự án mang tầm vóc quốc gia và quốc tế, doanh nghiệp đã khẳng định vị thế không chỉ về năng lực đầu tư mà còn ở tầm nhìn phát triển bền vững.

Những Dự án đầu tư thành công mang dấu ấn nổi bật của Doanh nghiệp:

1. Dự án Khu du lịch Tràng An - Chùa Bái Đính (Ninh Bình):

Đây là khu du lịch tâm linh lớn nhất Việt Nam, tổng diện tích khoảng 12.000 ha, sau 14 năm đầu tư và phát triển, khu du lịch Tràng An đã được UNESCO công nhận là Di sản hỗn hợp Văn hóa - Thiên nhiên Thế giới duy nhất khu vực Đông Nam Á cho đến thời điểm hiện tại. Dự án không chỉ bảo tồn và phát huy giá trị độc đáo về văn hóa và thiên nhiên mà còn trở thành một trong những điểm đến du lịch tâm linh hàng đầu Việt Nam.

2. Dự án Khu du lịch Tam Chúc (Hà Nam):

Dự án có tổng diện tích là 5.200 ha, sau 10 năm đầu tư, Dự án được Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam chọn làm nơi tổ chức Đại lễ Phật đản Vesak Liên Hợp Quốc năm 2019. Sự kiện này đã đón tiếp đại biểu từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ, để lại dấu ấn sâu sắc trong mắt bạn bè quốc tế, đồng thời khẳng định giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc Việt Nam.

3. Nhiệm vụ tôn tạo và xây dựng 16 ngôi chùa trên Quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa):

Doanh nghiệp được giao trực tiếp tôn tạo, xây dựng 16 ngôi chùa trên Quần đảo Trường Sa. Đây là nhiệm vụ không chỉ góp phần bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa tâm linh mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

*** Những giá trị doanh nghiệp mang lại:**

- **Thương hiệu Di sản hỗn hợp thế giới Tràng An:** giá trị hàng 150 tỷ USD, lan tỏa thương hiệu ra thế giới, đưa Di sản Tràng An cùng tham gia vào mạng lưới các đô thị di sản thế giới; mạng lưới các thành phố sáng tạo, thành phố học tập toàn cầu của UNESCO.

- **Bảo vệ môi trường:** Các dự án được triển khai với sự chú trọng đặc biệt đến việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đồng thời phát triển bền vững cho tương lai.

- **Phát huy truyền thống văn hóa:** Những công trình tâm linh do doanh nghiệp xây dựng đã góp phần lan tỏa và bảo tồn các giá trị văn hóa, tín ngưỡng đặc sắc của dân tộc.

- **Phát triển kinh tế - xã hội:** Các dự án quy mô lớn đã trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, thu hút du khách trong và ngoài nước, từ đó kích thích tăng trưởng du lịch và dịch vụ.

- **Tạo công ăn việc làm ổn định:** Các dự án của doanh nghiệp đã mang lại cơ hội việc làm cho hàng chục nghìn lao động, nâng cao đời sống của người dân địa phương và thúc đẩy phát triển cộng đồng.

* **Tầm nhìn và sứ mệnh:** Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường cam kết tiếp tục đầu tư, phát triển các Dự án mang tầm vóc quốc gia và quốc tế, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước. Với mục tiêu bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống cho người dân, doanh nghiệp đã và đang góp phần đưa Việt Nam trở thành điểm đến lý tưởng trên bản đồ du lịch thế giới.

II. SỰ CẦN THIẾT PHỤC DỰNG PHỐ HIẾN:

"Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến" - câu ca dao đã đi vào tiềm thức người Việt như một minh chứng cho sự sầm uất, thịnh vượng của thương cảng Phố Hiến trong thế kỷ 16-18. Là trung tâm giao thương quốc tế lớn thứ hai chỉ sau Kinh đô Thăng Long, Phố Hiến từng là biểu tượng cho sự giao thoa văn hóa, kinh tế giữa Việt Nam và thế giới. Ngày nay, những dấu ấn của thương cảng Phố Hiến vẫn còn hiện diện trên các công trình kiến trúc, tín ngưỡng và trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Hưng Yên. Tuy nhiên, trước những biến động lịch sử và sự phát triển hiện đại, di sản quý giá này đang đứng trước nguy cơ mai một, đòi hỏi sự đầu tư kịp thời và toàn diện để bảo tồn và phát huy giá trị.

1. Bảo tồn giá trị lịch sử và văn hóa quốc gia:

Phố Hiến từng là một trong những thương cảng quan trọng nhất của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, với vai trò là cửa ngõ giao thương giữa miền Bắc Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

- **Vai trò lịch sử:** Nhờ vị trí chiến lược trên các con sông lớn như sông Hồng, sông Thái Bình, và sông Đáy, Phố Hiến đã trở thành trung tâm giao thương nhộn nhịp, nơi tập trung thuyền buôn từ 12 quốc gia: **Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan(Xiêm La), Philippines, Malaysia (Malaca), Indonesia (Java), Ấn Độ, Anh, Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha.** Cảnh "trên bến dưới thuyền", cùng các thương điểm (văn phòng đại diện) của các nước lớn như Nhật Bản, Anh, Hà Lan ... đã biến Phố Hiến thành một đô thị kinh tế, chính trị và văn hóa sầm uất.

- **Dấu ấn văn hóa:** Sự đa dạng văn hóa được thể hiện qua các công trình kiến trúc độc đáo, từ chùa Chuông, đình An Vũ, đến hội quán Đông Đô Quảng Hội, đền Thiên Hậu, nhà thờ Thiên Chúa giáo, và các phố phường mang phong cách giao thoa giữa Việt Nam với Nhật Bản, Trung Quốc và phương Tây.

Ngày nay, các di tích và di sản này không chỉ là minh chứng lịch sử mà còn là tài sản vô giá của nền văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, nếu không được bảo tồn và phục dựng kịp thời, những giá trị này sẽ tiếp tục bị mai một, làm mất đi một phần quan trọng trong bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Phát triển kinh tế - du lịch dựa trên thương hiệu Phố Hiến:

Phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ là bảo tồn di sản, mà còn mở ra cơ hội lớn để phát triển kinh tế - du lịch bền vững cho tỉnh Hưng Yên.

- **Tận dụng tiềm năng du lịch văn hóa:** Với danh hiệu Di tích quốc gia đặc biệt, Phố Hiến đã khẳng định vị thế của mình trong hệ thống di sản văn hóa Việt Nam. Sự đa dạng về kiến trúc, lễ hội và nghệ thuật truyền thống như ca trù, chèo, hát trống quân là những "sản phẩm văn hóa" độc đáo có thể thu hút hàng triệu du khách mỗi năm.

- **Hiệu quả kinh tế:**

+ Tạo ra nguồn thu lớn từ các hoạt động du lịch, bao gồm lưu trú, ẩm thực, và dịch vụ.

+ Phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương như nhãn lồng Hưng Yên, tương Bần, và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ gắn liền với thương hiệu Phố Hiến.

- **Tăng việc làm và cải thiện đời sống người dân:** Dự án không chỉ tạo hàng ngàn việc làm trực tiếp trong lĩnh vực du lịch mà còn thúc đẩy các ngành kinh tế phụ trợ, cải thiện đời sống của người dân địa phương.

3. Tính cấp thiết của việc phục dựng Phố Hiến

- **Nguy cơ mai một di sản:** Nhiều công trình kiến trúc, phố phường và lễ hội truyền thống của Phố Hiến đã biến mất hoặc xuống cấp nghiêm trọng. Nếu không có sự đầu tư kịp thời, nguy cơ mất mát toàn bộ các giá trị văn hóa và lịch sử là rất lớn.

- **Cơ hội vàng để phát triển du lịch vùng:**

+ Với vị trí gần Hà Nội và nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng, Phố Hiến có lợi thế lớn về kết nối giao thông, dễ dàng thu hút du khách trong và ngoài nước.

+ So sánh với các địa phương khác như Hội An, Huế hay Hà Nội, du lịch Hưng Yên vẫn chưa được khai thác xứng tầm. Phục dựng Phố Hiến là cơ hội để tỉnh bứt phá trong lĩnh vực này.

4. Phù hợp với chiến lược quốc gia về phát triển văn hóa và du lịch:

Việc phục dựng Phố Hiến cổ hoàn toàn phù hợp với các định hướng lớn của Đảng và Nhà nước:

- **Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:** Phát triển du lịch văn hóa bền vững, xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc.

- **Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị:** Xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó phát triển du lịch văn hóa là một trong những trụ cột chính.

- **Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị:** Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tại Mục 6: Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân: nêu rõ, Phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh của Nhân dân trong vùng. Giải quyết hài hòa mối quan hệ

giữ bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, không gian, kiến trúc văn hóa làng, xã nông thôn truyền thống; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hóa mới. Phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của Nhân dân. Xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc trưng của nền văn minh Sông Hồng.

Trong đó, **Phố Hiến (Hưng Yên)** là 1 trong 4 Tỉnh của cả nước có di tích quốc gia đặc biệt (*Phố Hiến - Hưng Yên; Tràng An - Ninh Bình; Yên Tử - Quảng Ninh; Côn Sơn - Kiếp Bạc, Hải Dương*) được đưa vào chương trình "*rà soát, phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị, di tích lịch sử, di sản văn hóa của các địa phương*"

- **Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021:** Tập trung "*giữ gìn, chấn hưng và phát triển văn hóa dân tộc*", nhấn mạnh việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa để phục vụ phát triển bền vững.

5. Hiệu ứng lan tỏa từ dự án:

- Động lực phát triển kinh tế vùng: Dự án phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ thúc đẩy sự phát triển của Hưng Yên mà còn tạo động lực cho các tỉnh lân cận trong khu vực đồng bằng sông Hồng.

- Quảng bá hình ảnh Việt Nam: Biến Phố Hiến thành một điểm đến du lịch văn hóa tâm cỡ quốc gia và quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên bản đồ du lịch toàn cầu.

Kết luận:

Phục dựng Phố Hiến cổ là nhiệm vụ cấp thiết và mang tính chiến lược lâu dài. Dự án không chỉ giúp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa mà còn mở ra cơ hội lớn để phát triển kinh tế - du lịch, nâng cao đời sống người dân, và xây dựng thương hiệu Hưng Yên như một trung tâm du lịch văn hóa hàng đầu miền Bắc. Việc triển khai dự án đòi hỏi sự chung tay của các cấp chính quyền, ngành văn hóa, các nhà đầu tư và cộng đồng, nhằm biến tiềm năng này thành hiện thực.

III. MỤC TIÊU VÀ HÌNH THỨC ĐẦU TƯ:

III.1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ:

Đề án phục dựng Phố Hiến cổ đặt mục tiêu xây dựng thành điểm đến văn hóa - lịch sử tâm cỡ quốc gia và quốc tế, hướng tới **đề nghị UNESCO công nhận Phố Hiến là Di sản Văn hóa Thế giới**. Với việc phục dựng các khu phố cổ, thương cảng, thuyền cổ, văn hóa giao thoa và phát triển kinh tế - xã hội bền vững, dự án không chỉ thúc đẩy kinh tế địa phương mà còn đóng góp quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản cho các thế hệ mai sau.

1. Định vị Phố Hiến trên bản đồ di sản thế giới:

- Xây dựng Phố Hiến cổ thành điểm đến văn hóa - lịch sử tâm cỡ quốc gia và quốc tế, hướng tới đề nghị UNESCO công nhận Di sản Văn hóa Thế giới, nâng tầm giá trị Phố Hiến trong hệ thống di sản quốc tế.

- Trở thành một điểm đến di sản tiêu biểu của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, kết nối với các di sản nổi bật như Malacca (Malaysia), Ayutthaya (Thái Lan), Nagasaki (Nhật Bản).

- Quảng bá hình ảnh Phố Hiến như một trung tâm giao thương lịch sử, thể hiện sự giao thoa văn hóa Á - Âu từ thế kỷ 16 - 18.

2. Bảo tồn và phục dựng di sản đô thị cổ:

- Tái hiện kiến trúc, cảnh quan và không gian đô thị cổ Phố Hiến theo tư liệu lịch sử, bảo tồn giá trị nguyên bản của một thương cảng giao thương sầm uất.

- Phục dựng các di tích tiêu biểu, công trình tín ngưỡng như chùa, đền, nhà thờ, phố cổ, thương cảng Xích Đằng, tái hiện sinh động đời sống văn hóa, kinh tế của Phố Hiến xưa.

- Giữ gìn, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, bao gồm tín ngưỡng, lễ hội, trang phục, ẩm thực và các ngành nghề thủ công truyền thống.

3. Phát triển du lịch văn hóa - lịch sử bền vững:

- Xây dựng Phố Hiến thành trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử quy mô lớn, kết nối với các di sản quan trọng như Hà Nội, Chùa Hương, Tam Chúc, Tràng An - Bái Đính, tạo thành tuyến du lịch liên vùng hấp dẫn.

- Xây dựng các không gian trải nghiệm thực tế, bao gồm phố đi bộ, không gian giao thương tái hiện Phố Hiến xưa, chương trình biểu diễn thực cảnh, giúp du khách hòa mình vào bầu không khí lịch sử.

- Thu hút 7 - 10 triệu lượt khách/năm, trở thành một trong những trung tâm du lịch văn hóa lớn nhất miền Bắc.

4. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương:

- Tạo công việc làm, thu nhập ổn định cho khoảng 10.000 người, hỗ trợ người dân địa phương tham gia vào các hoạt động dịch vụ du lịch, kinh doanh truyền thống.

- Đóng góp vào ngân sách địa phương thông qua nguồn thu từ du lịch, dịch vụ và các hoạt động kinh tế phụ trợ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Hưng Yên và vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Xây dựng mô hình du lịch di sản kết hợp kinh tế đêm, phát triển các dịch vụ thương mại, ẩm thực, lưu trú mang bản sắc văn hóa Phố Hiến.

5. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

- Kết hợp bảo tồn di sản với du lịch sinh thái, phát triển khu sinh thái ven sông Hồng, giữ gìn hệ sinh thái tự nhiên.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thân thiện với môi trường, ứng dụng công nghệ xanh trong quy hoạch, thi công và vận hành.

6. Công trình di sản cho các thế hệ mai sau:

- Phố Hiến cổ không chỉ là dự án phục dựng di sản mà còn là biểu tượng văn hóa và lịch sử trường tồn, lưu giữ giá trị cho các thế hệ tương lai.

- Tạo lập một mô hình kết hợp giữa bảo tồn di sản, phát triển kinh tế và giáo dục văn hóa cho cộng đồng.

III.2. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ:

1. Nhà nước đầu tư:

- Giải phóng toàn bộ mặt bằng dự án;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Tuyến đê bao, kè sông, giao thông trục chính kết nối các khu chức năng, đào - kè hồ nhân tạo, hệ thống điện.

2. Nhà đầu tư:

- Xây dựng các công trình kiến trúc tâm linh : Đền, chùa, miếu mạo, nhà thờ ... ;
- Phục dựng phố cổ, thuyền cổ: Phục dựng các dãy phố cổ và 100 thuyền gỗ cổ của các nước đã đến giao thương tại Phố Hiến;
- Xây dựng các công trình kiến trúc: Khu đón tiếp, khu Quảng trường, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm tổ chức sự kiện quốc tế ...

IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ:

1. Tên đề án: Đề án phục dựng Phố Hiến cổ - Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững tỉnh Hưng Yên.

2. Địa điểm và phạm vi của dự án:

- Vị trí nằm trên khu đất bãi bồi ngoài đê, hai phía giới hạn bởi hai cầu Yên Lệnh (phía Bắc) và Sông Luộc (phía Đông).

- Địa điểm: Dự án thuộc địa phận các phường Minh Khai, Hiến Nam, Lam Sơn, Hồng Châu và các xã Quảng Châu, Hoàng Hanh, Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc tiếp giáp đất nông nghiệp (bãi sông) thuộc phường Lam Sơn;
- + Phía Nam tiếp giáp huyện Tiên Lữ;
- + Phía Đông tiếp giáp đường kết nối di sản văn hóa du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng;
- + Phía Tây tiếp giáp sông Hồng.

3. Hiện trạng khu đất:

- Tổng diện tích quy hoạch khoảng:	1.708,9 ha , trong đó:
+ Đất ở (khoảng 765 hộ bị ảnh hưởng):	18,55 ha;
+ Đất nông nghiệp (trồng khoai, chuối) khoảng :	868,85 ha;
+ Đất phi nông nghiệp khoảng:	23,26 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản khoảng:	75,10 ha;
+ Đất khác (mặt nước, lưu không...) khoảng:	723,14 ha;
+ Mặt nước sông Hồng khoảng:	520.75 ha;

4. Cơ cấu sử dụng đất và hình thức giao đất:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích sử dụng đất: 1.708,90 ha, trong đó:

+ Đất dịch vụ:	273,71 ha (16,01 %);
+ Đất công cộng:	82,23 ha (4,81 %);
+ Đất tôn giáo:	30,82 ha (1,80 %);
+ Mặt nước:	924,01ha (54,06 %);
+ Công viên cây xanh:	398,13 ha (23,32 %);

Đơn vị tính: ha.

STT	Loại đất	PK I	PK II	PK III	PK IV	Cộng
1	Đất dịch vụ					273,71
	Khu đón tiếp	32,9	26,63	30,5		90,03
	Khu phố cổ	72,97				72,97
	Trung tâm tài chính		15,13			15,13
	Trung tâm hội nghị quốc tế		19,29			19,29
	Thương mại dịch vụ, khách sạn			47,85		47,85
	Bãi đỗ xe	19,1	3,39	5,95		28,44
2	Đất công cộng					82,23
	Đất giao thông	35,69	5,4	13,7	13,24	68,03
	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,98	2,24	3,93	1,86	9,01
	Quảng trường	4,69	0,5			5,19
3	Đất tôn giáo					30,82
	Đền thờ Phục Hiền, đền thờ cụ Lê Đình Kiên		26,52			26,52
	Đền Trình	1,2				1,2
	Khu văn hóa tâm linh Châu Á	2,9				2,9
	Chùa Chi Viễn	0,2				0,2
4	Mặt nước					924,01
	Hồ nhân tạo	149,7	193,33	18,36		361,39
	Sông Hồng	28,94		264,39	269,29	562,62
5	Công viên cây xanh	44,96	87,07	83,24	183,34	398,13
	Cộng	394,23	379,5	467,92	467,73	1.708,9

4.2. Hình thức giao đất:

4.2.1. Cho thuê đất:

* **Hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:** Theo khoản 2 Điều 120 Luật đất đai 2024, gồm:

+ Đất thương mại – dịch vụ: Khu vực chợ, cửa hàng, dịch vụ ăn uống, và các không gian kinh doanh phục vụ khách du lịch. Đất xây dựng khu nghỉ dưỡng, khách sạn, và các dịch vụ hỗ trợ du lịch;

+ Đất xây dựng công trình lưu trú: các khu homestay, nhà ở phong cách truyền thống, tái hiện không gian sinh hoạt đời sống cư dân xưa;

* **Thời gian thuê đất:** Theo điểm c khoản 1 Điều 172 Luật đất đai 2024:

Thời gian thuê đất 70 năm kể từ ngày hoàn thành đưa vào khai thác.

4.2.2. **Giao đất không thu tiền sử dụng đất:** Theo điều 118 Luật đất đai 2024, gồm:

+ Đất công trình công cộng: Xây dựng Quảng trường, công viên, đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, và các công trình phục vụ lợi ích cộng đồng.

+ Đất công trình văn hóa: Xây dựng các công trình văn hóa, bảo tàng, di tích lịch sử, khu vực tái hiện đời sống Phố Hiến cổ;

+ Đất tôn giáo: Xây dựng các công trình phục vụ hoạt động tín ngưỡng, như chùa, đền, nhà thờ. Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho tổ chức tôn giáo để phục vụ mục đích hợp pháp;

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Phục dựng Phố Hiến cổ:

a. Phương án phục dựng: Phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ góp phần bảo tồn di sản mà còn tạo ra tiềm năng phát triển du lịch văn hóa. Dưới đây là phương án để phục dựng Phố Hiến cổ:

- Bảo tồn nguyên trạng các di tích hiện có:

+ Khảo sát và lập hồ sơ di tích: Tiến hành nghiên cứu chi tiết các di tích còn lại như chùa Hiến, đình chùa Chuông, đền Trần, Đông Đô Quảng Hội... để xác định các yếu tố cần bảo tồn.

+ Cải tạo không gian: Giữ nguyên kiến trúc gốc, chỉ tu sửa những phần xuống cấp. Dùng vật liệu truyền thống (gỗ, gạch nung) để tái hiện phong cách cổ.

+ Chống xuống cấp: Sử dụng các phương pháp khoa học hiện đại để bảo vệ các công trình khỏi ảnh hưởng thời tiết và sự hủy hoại tự nhiên.

- Phục dựng theo hình ảnh thương cảng Phố Hiến xưa:

+ Tái hiện không gian thương cảng: Phục dựng lại các dãy phố cổ ven sông, bến thuyền, và các kho hàng với kiến trúc mang đậm nét Việt Nam kết hợp với phong cách Á – Âu.

+ Chợ cổ và thương mại: Xây dựng một khu chợ cổ tái hiện hoạt động buôn bán sầm uất của Phố Hiến, gồm các gian hàng bán đồ thủ công mỹ nghệ, trà, lụa và các sản vật đặc trưng.

+ Không gian sinh hoạt cộng đồng: Tạo không gian tổ chức các lễ hội như lễ hội đền Mẫu, hội chùa Chuông, tái hiện cuộc sống người dân xưa.

- Kết hợp giữa di sản và hiện đại:

+ Quy hoạch cảnh quan: Xây dựng công viên văn hóa lịch sử xung quanh các di tích, kết hợp hồ nước và cây xanh.

+ Hệ thống ánh sáng và công nghệ: Sử dụng ánh sáng nghệ thuật và công nghệ thực tế ảo để tái hiện lịch sử Phố Hiến.

+ Khu trải nghiệm di sản: Tạo các không gian trải nghiệm như nhà cổ, xưởng thủ công, khu vực chụp ảnh với trang phục cổ.

- Phát triển du lịch bền vững:

+ Phát triển giao thông nội bộ: Sử dụng các phương tiện thân thiện môi trường như xe điện, xe đạp để di chuyển trong khu phố cổ.

+ Hướng dẫn viên và thông tin đa ngôn ngữ: Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn với nhiều ngôn ngữ nhằm phục vụ du khách quốc tế.

+ Tổ chức tour tham quan: Tạo các tour du lịch gắn với khám phá Phố Hiến cổ, thăm làng nghề truyền thống, và trải nghiệm ẩm thực đặc sản Hưng Yên.

- Khôi phục văn hóa phi vật thể:

+ Lễ hội truyền thống: Phục hồi các lễ hội đặc sắc như lễ hội đèn Trần, lễ hội chùa Hiến để thu hút du khách.

+ Nghệ thuật truyền thống: Biểu diễn ca trù, quan họ, hoặc hát chèo tại các không gian tái hiện văn hóa.

+ Làng nghề truyền thống: Khuyến khích phục dựng và phát triển các nghề cổ như làm lụa, gốm, mây tre đan...

- Hợp tác quốc tế và cộng đồng:

+ Tham khảo ý kiến chuyên gia quốc tế: Làm việc với các chuyên gia di sản UNESCO để đảm bảo tính nguyên bản và giá trị văn hóa.

+ Thu hút sự tham gia của cộng đồng: Mời người dân địa phương tham gia vào các hoạt động tái hiện văn hóa, đồng thời tạo việc làm cho họ từ các hoạt động dịch vụ du lịch.

Phương án phục dựng cần cân nhắc hài hòa giữa yếu tố lịch sử, văn hóa và nhu cầu phát triển kinh tế bền vững, qua đó biến Phố Hiến trở thành một điểm đến đặc sắc mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

b. Phân khu chức năng:

Dự án phục dựng Phố Hiến được phân chia thành **04 phân khu chính** với **tổng diện tích 1.708,90 ha**, mỗi phân khu mang chức năng riêng biệt nhưng đồng bộ nhằm tái hiện nét độc đáo và lịch sử của khu vực, đồng thời phát triển du lịch bền vững. Chi tiết từng phân khu như sau:

1. Phân khu I - Phân khu Phục Hiến (399,3 ha):

Tâm điểm là khu vực tái hiện thương cảng quốc tế Phố Hiến xưa, kết hợp không gian kinh tế đêm và các tuyến phố đi bộ đa văn hóa.

*** Chức năng chính:**

- Khu đón tiếp Cầu Cảng: Điểm khởi đầu hành trình khám phá với không gian đón khách, trung tâm thông tin du lịch và dịch vụ hướng dẫn.

- Khu đảo Phục Hiến: Gồm các điểm nhấn:

+ Đảo phồn hoa: Không gian tái hiện nhịp sống giao thương sầm uất.

+ Bến bán nguyệt và bên Đông Đô Quảng Hội: Phục dựng không gian bến tàu đón tiếp thuyền buôn từ các nước.

+ Phố đi bộ đặc trưng quốc gia: Mỗi tuyến phố mang phong cách kiến trúc và văn hóa của các quốc gia từng giao thương với Phố Hiến (Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Anh, Pháp...).

+ Thương cảng Châu Âu: Tái hiện kiến trúc và hoạt động thương mại mang nét đặc trưng của thương nhân Châu Âu.

+ Tuyến đường thủy ngắm cảnh: Du thuyền trên sông với cảnh quan tái hiện thương cảng xưa.

+ Công viên Phố Hiến: Không gian công cộng xanh kết hợp điểm check-in và tổ chức các sự kiện nhỏ.

+ Khu tâm linh: Đèn Trình và đình Phục Hiến, nơi người dân và du khách có thể tìm hiểu tín ngưỡng và cầu an.

2. Phân khu II - Phân khu Lễ Hội (427,5 ha):

Là khu vực trung tâm dành cho các hoạt động văn hóa, lễ hội, hội nghị, với sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

*** Chức năng chính:**

- Khu văn hóa tâm linh, tín ngưỡng: Tổ chức các lễ hội truyền thống như lễ hội đền Trần, chùa Hiến và các hoạt động tín ngưỡng.

- Trung tâm hội nghị quốc tế: Cơ sở vật chất hiện đại phục vụ các hội nghị lớn trong và ngoài nước.

- Trung tâm Tài chính Quốc tế: Việc xây dựng Trung tâm Tài chính Quốc tế trong khu vực phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ góp phần thúc đẩy nền kinh tế địa phương mà còn tạo nên một điểm nhấn hiện đại, hội nhập quốc tế.

- Quảng trường tổ chức sự kiện: Không gian lớn tổ chức các lễ hội ngoài trời, buổi biểu diễn và hội chợ văn hóa.

- Công viên văn hóa, thể thao: Không gian giao lưu văn hóa kết hợp các hoạt động thể thao ngoài trời.

- Không gian hoạt động ngoài trời: Khu vực dành cho các buổi trình diễn nghệ thuật, lễ hội truyền thống hoặc hội chợ.

3. Phân khu III - Phân khu Dịch vụ và Biểu diễn Thực Cảnh (467,0 ha)

Phân khu kết hợp dịch vụ du lịch và các chương trình biểu diễn thực cảnh tái hiện lịch sử, văn hóa Phố Hiến.

*** Chức năng chính:**

- Khu cắm trại, sinh hoạt cộng đồng ven sông: Không gian cho các hoạt động nhóm và cộng đồng.

- Không gian mở ven sông: Tuyến đường dạo bộ kết hợp cảnh quan thiên nhiên và các điểm nghỉ chân.

- Khu nhà hàng, khách sạn, thương mại và dịch vụ bến thuyền: Phục vụ nhu cầu ăn uống, nghỉ dưỡng của du khách.

- Bến thuyền du lịch Đảo Hải Đăng: Điểm nhấn kiến trúc với ngọn hải đăng mang tính biểu tượng, kết hợp các dịch vụ du lịch.

- Khu vui chơi giải trí: Đa dạng các hoạt động từ truyền thống đến hiện đại.

- Khu trình diễn thực cảnh: Trục lễ hội và các chương trình biểu diễn lịch sử, văn hóa đặc sắc trên sông.

4. Phân khu IV - Phân khu Cây xanh sinh thái ven sông Hồng (415,1 ha)

Khu vực xanh mát, tạo không gian trải nghiệm nông nghiệp và thư giãn cho du khách.

*** Chức năng chính:**

- Vườn cây ăn quả, check-in: Không gian trồng cây đặc sản địa phương, phục vụ tham quan và chụp ảnh.

- Khu trải nghiệm nông nghiệp: Tái hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống, kết hợp với khu vườn ươm đô thị.

5. Thiết bị phục vụ đường thủy:

Để tăng trải nghiệm đường thủy, dự án sẽ:

- Đầu tư 4.000 thuyền chèo tay và 100 thuyền gỗ cổ 2 tầng tái hiện các thuyền giao thương từ 12 quốc gia.

- Bố trí thuyền máy cứu hộ và các thiết bị hỗ trợ để đảm bảo an toàn.

- Phục vụ các chương trình trình diễn thực cảnh và tham quan toàn dự án qua tuyến đường thủy.

Phương án phân khu chức năng này đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn di sản, phát triển kinh tế và văn hóa, tạo ra một không gian vừa truyền thống vừa hiện đại, thu hút du lịch trong nước và quốc tế.

5.2. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu phục dựng phố Hiến:

5.2.1. Tuyến đê bao kết hợp giao thông: Đây tuyến đê bao bảo vệ toàn bộ khu đất của dự án, đồng thời đóng vai trò là tuyến đường giao thông trục chính chạy suốt chiều dài dự án, cao trình đỉnh đê đạt tần xuất trên mức nước báo động III tối thiểu là 1 m (*khoảng +9,3 đến +9,8 m*);

- Tổng chiều dài tuyến: Khoảng 17,5Km, thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng (TCVN 4054-05).

- Quy mô mặt cắt ngang: B nền = 22,5m, trong đó:

+ Mặt xe chạy: B mặt = 4 x 3,5m = 15m

+ Dải phân cách giữa: B dpc = 1,5m

+ Vía hè hai bên: B hè = 2 x 3m = 6m

- Các hạng mục đầu tư chủ yếu trên tuyến: Nền, mặt đường; vĩa hè, cây xanh, ATGT, xử lý nền đất yếu (nếu có); cầu; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống điện, chiếu sáng; hệ thống công bề kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ khác.

- Taluy phía giáp sông Hồng được gia cố bằng hệ thống cọc cừ BTCT DUL chiều dài dự kiến L=15m.

5.2.2. Tuyến giao thông trục kết nối các khu chức năng: Đây là tuyến đường trục chạy xuyên qua và kết nối các khu chức năng của dự án:

- Tổng chiều dài tuyến: Khoảng 15Km. Được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-05).

- Quy mô mặt cắt ngang: B nền = 13,5m, trong đó:

+ Mặt xe chạy: B mặt = 2 x 3,75m = 7,5m

+ Vía hè hai bên: B hè = 2 x 3m = 6m

- Các hạng mục đầu tư chủ yếu trên tuyến: Nền, mặt đường; vĩa hè, cây xanh, ATGT, xử lý nền đất yếu (nếu có); hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống điện, chiếu sáng; hệ thống công bề kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ khác.

5.2.3. Hồ nhân tạo: Hồ nhân tạo được xây dựng phục vụ giao thông thủy cho tàu thuyền và kiến tạo không gian cảnh quan cho dự án:

- Quy mô hồ: Khoảng 361,39ha.

- Chiều sâu hồ: Theo cốt quy hoạch, đảm bảo giao thông thủy cho các loại tàu thuyền lưu thông (đào sâu trung bình 4m).

- Dọc theo chu vi hồ (bờ hồ) được gia cố bằng tường chắn bê tông, brr tông cốt thép kết hợp với gia cố ốp mái tùy thuộc vị trí rộng hẹp của hồ nước cũng như điều kiện địa chất khu vực.

5.3. Phối cảnh tổng thể Dự án và phân khu chức năng, các công trình kiến trúc:

(Chi tiết theo Phụ lục 1).

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN:

1. Thời gian đầu tư: 20 năm, từ 2025 ÷ 2045;

2. Giai đoạn đầu tư:

* **Giai đoạn 1: 5 năm (từ 2026 đến 2030):**

- *Giải phóng mặt bằng*: tuyến đề bao, tuyến giao thông trục chính kết nối các khu chức năng, khu phục dựng phố Hiến cổ trong năm 2025; Toàn bộ mặt bằng còn lại trong năm 2026.

- Hoàn thành tuyến đề bao, đào hồ.

- Đầu tư hệ thống thuyền cổ đưa vào hoạt động giai đoạn 1.

* **Giai đoạn 2: 5 năm (từ 2030 đến 2035):**

- Hoàn thành hệ thống giao thông, khu công viên cây xanh

- Hoàn thiện phục dựng Phố Hiến cổ: Hoàn thành khu đón tiếp, khu Phố Hiến cổ Việt Nam và 12 quốc gia đến giao thương tại Phố Hiến.

* **Giai đoạn 3: 5 năm (từ 2035 đến 2040):**

- Hoàn hoàn thành Khu du lịch Tâm linh,

- Hoàn hoàn thành đền thờ cụ Lê Đình Kiên,

- Hoàn thành chùa Phục Hiến.

* **Giai đoạn 4: 5 năm (từ 2040 đến 2045):**

- Hoàn thành Quảng trường và Trung tâm tài chính Quốc tế.

- Hoàn thiện các hạng mục công trình còn lại đưa toàn bộ dự án vào hoạt động.

V. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN:

1. Tổng mức đầu tư: **47.241 tỷ đồng**, trong đó:

- Giải phóng mặt bằng toàn bộ dự án: **8.813 tỷ đồng**

(Chi tiết theo Phụ lục 2)

- Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật: **10.795 tỷ đồng**

(Chi tiết theo Phụ lục 3)

- Dự án xây dựng phục dựng Phố Hiến: **27.813 tỷ đồng.**

(Chi tiết theo Phụ lục 4)

2. Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn: **47.241 tỷ đồng**, trong đó:

* **Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 19.608 tỷ đồng**

Việc phục dựng Phố Hiến cổ là một dự án quan trọng cấp quốc gia, do đó cần có sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách Nhà nước. Đề nghị Ngân sách Nhà nước hỗ trợ giải công tác phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như Khu du lịch sinh thái Tràng An, tỉnh Ninh Bình tại Thông báo số 41/TB-VPCP ngày 26/02/2004, Thông báo Kết luận của Thủ tướng Phan Văn Khải tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Ninh Bình; Khu Du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam tại Thông báo số 323/TB-VPCP ngày 22/8/2013 thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Nam và Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận dự án đầu tư xây dựng khu du lịch Tam Chúc, trong đó :

- Ngân sách trung ương: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: **10.795** tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương: GPMB toàn bộ dự án: **8.813** tỷ đồng;

(Gửi kèm Thông báo số: 41/TB-VPCP ngày 26/02/2004, Thông báo số 323/TB-VPCP ngày 22/8/2013 và Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của UBND tỉnh Hà Nam)

*** Nhà đầu tư huy động:**

+ Dự án xây dựng phục dựng Phố Hiến: **27.813** tỷ đồng;

VI. HÌNH THỨC QUẢN LÝ, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN:

1. Hình thức quản lý: Nhà đầu tư trực tiếp quản lý dự án và chịu trách nhiệm:

+ Đầu tư xây dựng dự án theo chấp thuận đầu tư;

+ Quảng bá hình ảnh phố Hiến và thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế;

+ Đảm bảo bảo trì và vận hành các hạng mục công trình trong thời gian đầu tư;

2. Thời gian hoạt động của dự án: Theo mục 2 Điều 44 Luật Đầu tư năm 2020:

Thời hạn hoạt động của dự án là 70 năm, trường hợp chậm bàn giao đất cho Nhà đầu tư thì thời gian Nhà nước chậm bàn giao đất không tính vào thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

VII.1. Kết Luận:

1. Phục dựng Phố Hiến - Sứ mệnh bảo tồn và phát triển bền vững:

- Phố Hiến không chỉ là một thương cảng phồn vinh trong lịch sử Việt Nam, mà còn là điểm giao thương quan trọng trong khu vực Đông Á, nơi hội tụ của thương nhân Nhật Bản, Trung Quốc, Anh, Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và các nước Đông Nam Á. Tuy nhiên, do nhiều biến động lịch sử, Phố Hiến ngày nay không còn giữ được diện mạo vàng son một thời.

- Đề án phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ nhằm bảo tồn giá trị lịch sử – văn hóa, mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế – du lịch bền vững, đưa Phố Hiến trở thành một điểm đến di sản quan trọng trên bản đồ du lịch quốc tế.

2. Cam kết từ nhà đầu tư:

Để đảm bảo dự án được thực hiện một cách khoa học, hiệu quả và bền vững, đề án này cam kết:

- Nhà đầu tư cam kết: Đảm bảo huy động nguồn vốn và thực hiện đầu tư theo đúng tiến độ với các nguyên tắc sau:

+ Bảo tồn di sản đúng nguyên mẫu theo tài liệu lịch sử, không làm sai lệch kiến trúc cổ.

+ Minh bạch trong nguồn vốn, không làm ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước.

+ Đầu tư phát triển du lịch theo mô hình bền vững, giữ gìn cảnh quan và môi trường.

+ Đồng hành với cộng đồng, tạo việc làm và hỗ trợ người dân địa phương tham gia du lịch di sản.

+ Đề án cũng kêu gọi sự hợp tác từ tổ chức bảo tồn di sản quốc tế như UNESCO, ICOMOS, JICA (Nhật Bản), KOICA (Hàn Quốc) để đảm bảo chất lượng bảo tồn đạt tiêu chuẩn quốc tế.

3. Định vị Phố Hiến trên bản đồ du lịch toàn cầu: Sau khi phục dựng hoàn thành, Phố Hiến sẽ:

- Trở thành một “Hội An mới” của miền Bắc, kết hợp giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững.

- Góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam như một quốc gia có bề dày lịch sử thương mại và giao lưu văn hóa.

- Trở thành trung tâm kết nối du lịch di sản quốc tế, cùng với Hội An (Việt Nam), Malacca (Malaysia), Ayutthaya (Thái Lan), Nagasaki (Nhật Bản).

4. Kêu gọi sự chung tay của cộng đồng và quốc tế: Để biến đề án phục dựng Phố Hiến cổ thành hiện thực, cần có sự chung tay của tất cả các bên liên quan:

- Chính phủ và địa phương: Đưa ra các chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển du lịch bền vững.

- Nhà đầu tư: Thực hiện các cam kết về bảo tồn, phát triển du lịch và trách nhiệm cộng đồng.

- Các tổ chức quốc tế: Tư vấn bảo tồn và quảng bá Phố Hiến ra thế giới.

5. Kết luận tổng quát:

- Phục dựng Phố Hiến không chỉ đơn thuần là một dự án bảo tồn di sản, mà còn là một bước đi chiến lược giúp Hưng Yên trở thành trung tâm du lịch di sản của miền Bắc, đồng thời khẳng định vai trò của Việt Nam trong lịch sử giao thương khu vực.

- Với sự đồng hành của chính quyền, nhà đầu tư, cộng đồng và quốc tế, Phố Hiến sẽ trở thành một di sản mang tầm vóc toàn cầu, nơi giao thoa văn hóa và thương mại giữa quá khứ và hiện đại.

VII.2. Kiến nghị:

Để đảm bảo đề án phục dựng Phố Hiến cổ được thực hiện một cách khoa học, hiệu quả và bền vững, các cấp chính quyền, nhà đầu tư và cộng đồng cần có các biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ, duy trì và phát triển khu vực di sản một cách lâu dài. Doanh nghiệp kiến nghị:

1. Về chống ngập lụt và bảo vệ môi trường:

Dự án phục dựng phố Hiến cổ nằm tại bãi bồi ngoài đê sông Hồng, chịu ảnh hưởng của lũ lụt từ hệ thống sông Hồng và sông Luộc. Để đảm bảo an toàn khu vực phục dựng di sản, cần có giải pháp chống ngập lụt lâu dài, đề nghị cho phép xây dựng tuyến đê bao toàn bộ diện tích dự án, cao trình đỉnh đê đạt tần suất trên mức nước báo động III tối thiểu là 1 m (khoảng +9,3 đến +9,8 m);

2. Về nguồn vốn đầu tư:

* **Vốn Ngân sách Nhà nước:** Việc phục dựng Phố Hiến cổ là một dự án quan trọng cấp quốc gia, do đó cần có sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách Nhà nước: **19.608 tỷ đồng, trong đó :**

- Ngân sách trung ương: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: **10.795** tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương: GPMB toàn bộ dự án: **8.813** tỷ đồng;

* **Vốn nhà đầu tư huy động:** Xây dựng toàn bộ dự án phục dựng Phố Hiến cổ: 27.813 tỷ đồng;

3. Về ưu đãi đầu tư:

Đề nghị ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, thiết bị cho dự án; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất theo Điều 16 Luật đầu tư 2024.

4. Về tiến độ giải phóng mặt bằng:

Đề nghị ưu tiên bàn giao mặt bằng tuyến đề bao, tuyến giao thông trục chính kết nối các khu chức năng, khu phục dựng phố Hiến cổ trong năm 2025; Toàn bộ mặt bằng còn lại trong năm 2026.

5. Về đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới:

Dự án phục dựng Phố Hiến cổ đặt mục tiêu xây dựng thành điểm đến văn hóa - lịch sử tầm cỡ quốc gia và quốc tế, với sự độc đáo về giao thoa văn hóa trong lịch sử Đông Nam Á, một di tích quan trọng phản ánh một thời kỳ hoàng kim của giao thương và phát triển văn hóa quốc tế, thể hiện sự phát triển đô thị đặc sắc, pha trộn giữa các phong cách kiến trúc Á - Âu, đề nghị chấp thuận chủ chương hướng tới **đề nghị UNESCO công nhận Phố Hiến là Di sản Văn hóa Thế giới.**

Nếu thực hiện đầy đủ các kiến nghị trên, Phố Hiến sẽ không chỉ được bảo tồn nguyên vẹn, mà còn trở thành một trung tâm du lịch di sản tầm cỡ quốc tế, góp phần khẳng định vị thế văn hóa Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường Kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề án đầu tư phục dựng Phố Hiến cổ. Doanh nghiệp chúng tôi sẽ đồng hành cùng chính quyền, địa phương, cộng đồng trong việc phục dựng và phát triển Phố Hiến cổ theo hướng bền vững.

Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường cam kết đầu tư đưa vào khai thác theo đúng tiến độ, đảm bảo nguyên tắc tôn trọng và bảo tồn giá trị di tích, đồng thời nỗ lực khai thác du lịch một cách hài hòa, mang lại lợi ích kinh tế gắn liền với trách nhiệm xã hội và văn hóa.

Doanh nghiệp chúng tôi sẵn sàng lắng nghe các ý kiến đóng góp, điều chỉnh và hợp tác để dự án thành công, đạt hiệu quả cao nhất.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Lưu DN.

DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG XUÂN TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trường

PHỤ LỤC 1.1: PHỐI CẢNH VÀ KIẾN TRÚC

Việc phục dựng Phố Hiến cổ không chỉ nhằm bảo tồn giá trị lịch sử và văn hóa, mà còn phải đảm bảo tính thẩm mỹ, đồng bộ với cảnh quan xưa, đồng thời phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện đại. Dưới đây là các nguyên tắc quan trọng trong phối cảnh và thiết kế công trình kiến trúc khi phục dựng Phố Hiến cổ.

1. Nguyên tắc chung trong phục dựng kiến trúc Phố Hiến:

- Tôn trọng tính nguyên bản: Các công trình được phục dựng phải dựa trên tư liệu lịch sử, ảnh tư liệu, đảm bảo giữ đúng phong cách kiến trúc thời kỳ thế kỷ 16-18.

- Hòa hòa với cảnh quan chung: Phối cảnh tổng thể phải phù hợp với không gian đô thị cổ, tránh sự chênh lệch lớn giữa kiến trúc phục dựng và các công trình hiện đại.

- Sử dụng vật liệu truyền thống: Gạch nung, gỗ, mái ngói âm dương, tường gạch trần hoặc vôi vữa, hạn chế vật liệu hiện đại như kính, thép, bê tông.

- Bảo tồn kết cấu đường phố và không gian đô thị cổ kính: các tuyến phố chính, khu chợ cổ, bến thuyền và hệ thống đình, đền, chùa, nhà ở truyền thống.

2. Nguyên tắc phối cảnh tổng thể:

- Bố cục không gian tái hiện được đặc trưng của Phố Hiến xưa, trong đó có:

- + Khu vực thương cảng, bến thuyền: Nơi giao thương sầm uất của thương nhân Việt, Nhật, Hoa, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Philippine, Ấn Độ, Anh, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha,

- + Khu phố cổ với nhà gỗ, nhà gạch mái ngói: Mô phỏng không gian sinh hoạt và buôn bán của thương nhân xưa.

- + Hệ thống đền, chùa, hội quán: Đặc biệt là các công trình như Đền Trần, Chùa Chuông, Văn Miếu Xích Đằng, Hội quán Hoa Kiều.

- + Không gian sinh hoạt cộng đồng: Sân đình, quảng trường cổ, giếng nước, cây xanh, hồ điều hòa.

- + Khôi phục lại các tuyến phố theo bản đồ cổ để bảo toàn kết cấu đô thị.

- + Đảm bảo tính liên kết giữa các công trình, tránh việc xây dựng rời rạc làm mất đi tính thống nhất của không gian kiến trúc.

- + Cây xanh và cảnh quan thiên nhiên cần được lồng ghép vào không gian đô thị để đảm bảo sự thoáng đãng và tạo điểm nhấn xanh trong phố cổ.

3. Nguyên tắc thiết kế công trình kiến trúc:

a) Nhà ở và công trình dân dụng:

- Kiến trúc nhà ở mang phong cách nhà gỗ cổ Việt Nam, nhà Hoa Kiều, nhà Nhật Bản ... (tùy từng khu vực).

- Nhà thường có một hoặc hai tầng, mái ngói hoặc mái âm dương, hiên rộng, cửa gỗ.

- Cửa sổ, cửa ra vào sử dụng vật liệu gỗ, kiểu dáng cổ điển, không dùng cửa kính khung nhôm hiện đại.

- Kết cấu không gian mở, có sân trong hoặc khoảng giếng trời để tạo độ thông thoáng.

b) Công trình đền, chùa, hội quán:

- Giữ nguyên các chi tiết kiến trúc truyền thống như cột gỗ, mái cong, hoa văn chạm khắc.

- Bố trí không gian hợp lý, tạo điểm nhấn về văn hóa tâm linh trong phố cổ.

- Vật liệu chủ yếu là gỗ, đá, gạch cổ, tránh sử dụng bê tông hoặc vật liệu công nghiệp.

c) Công trình thương mại – dịch vụ:

- Tái hiện các cửa hàng buôn bán truyền thống theo phong cách xưa, như quán trà, tiệm vải, hiệu thuốc Bắc, cửa hàng đồ gốm, tiệm rèn...

- Không xây dựng nhà cao tầng, hiện đại, tránh làm mất đi không gian cổ kính.

- Biển hiệu kinh doanh sử dụng chất liệu gỗ, sơn son thiếp vàng hoặc sơn mực tàu, không dùng bảng điện tử LED.

4. Nguyên tắc về hạ tầng kỹ thuật và giao thông:

- Đường phố lát gạch hoặc đá xanh, giữ nét cổ kính, tránh dùng nhựa đường hiện đại.

- Hệ thống đèn đường phong cách cổ, sử dụng đèn lồng, đèn cổ phục dựng.

- Giao thông ưu tiên người đi bộ, xe đạp, xe điện, hạn chế ô tô vào khu vực phố cổ.

- Bến thuyền tái hiện thương cảng xưa, có các thuyền buôn mô phỏng giao thương các nước thế kỷ XV – XVII.

- Hệ thống thoát nước được thiết kế ẩn, đảm bảo không phá vỡ kiến trúc cổ mà vẫn chống ngập lụt hiệu quả.

5. Nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững:

- Không làm sai lệch bản chất của phố cổ bằng các công trình hiện đại không phù hợp.

- Giữ nguyên theo lối kiến trúc truyền thống, tránh xây dựng theo phong cách hiện đại.

- Tạo không gian xanh kết hợp giữa cây cối, hồ nước, lối đi cổ để tăng tính thẩm mỹ và bền vững.

- Giám sát chặt chẽ việc trùng tu, tránh việc cải tạo sai nguyên bản, phải có sự tham gia của chuyên gia các nước bảo tồn di sản và cộng đồng.

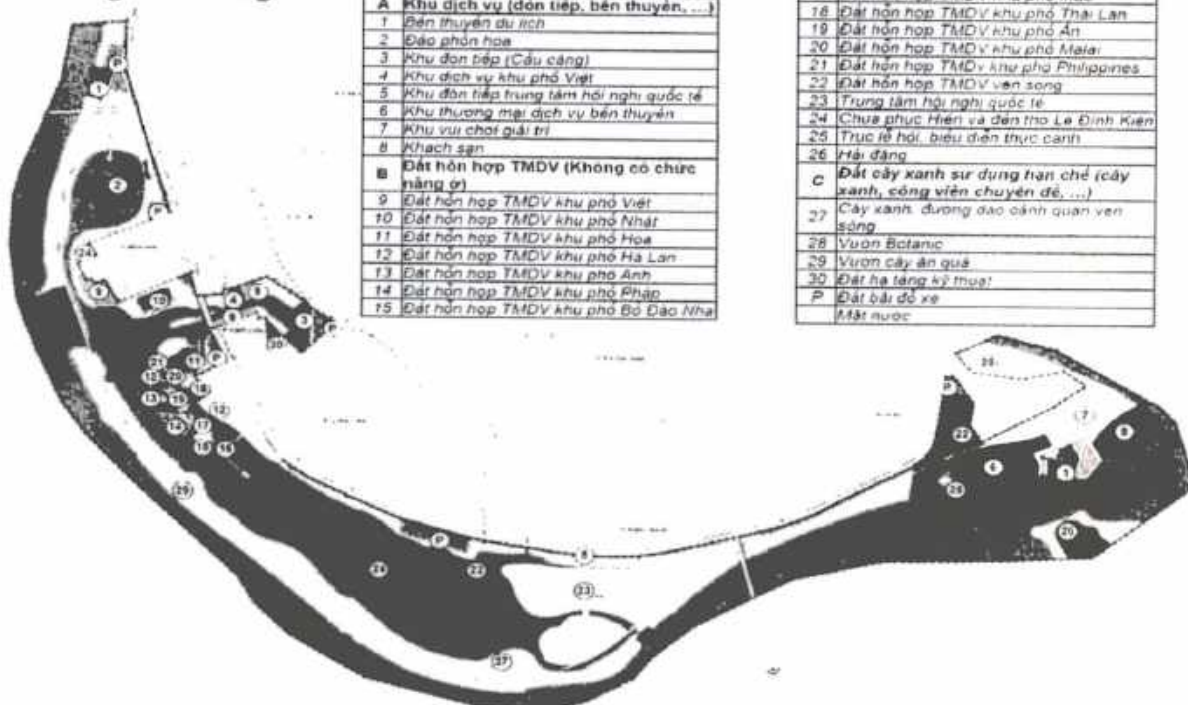
Tuân thủ các nguyên tắc trên, Phố Hiến sẽ trở thành một khu đô thị cổ mang giá trị lịch sử – văn hóa cao, đồng thời là một điểm đến du lịch hấp dẫn, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

1. Phối cảnh tổng thể:

1. Phôi cảnh tổng thể:

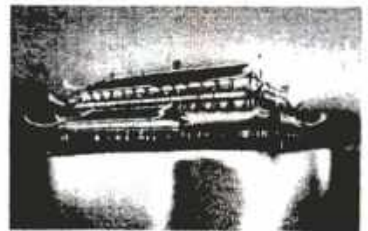


Sơ đồ tổ chức
phân vùng chức năng



2. Công trình kiến trúc:

KHU ĐÓN TIẾP – CẦU CẢNG



ĐỀN TRÌNH



Phối cảnh khu Chùa Phục Hiến và đền thờ Cụ Lê Đình Kiên



Trung tâm hội nghị Quốc tế



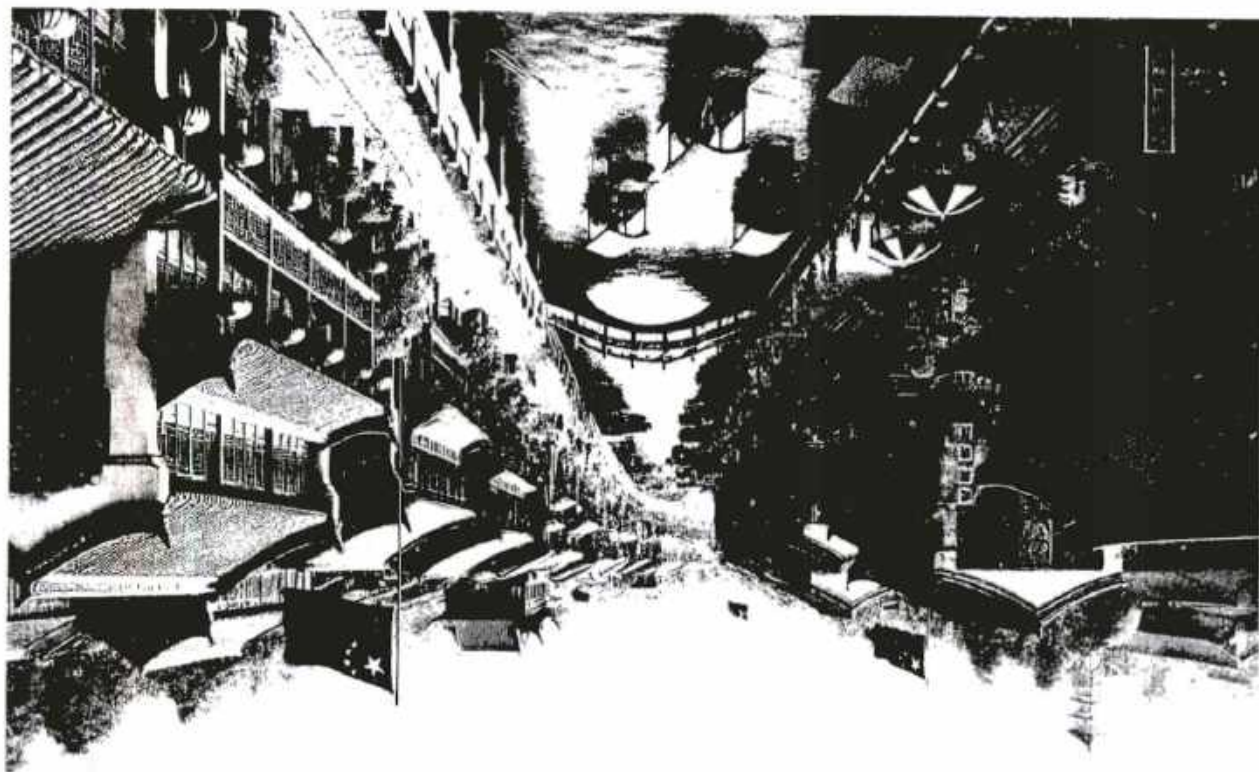
3. Kiến trúc phố Hiến cổ:

3.1. Phố người Việt:



3.2. Phố Nhật Bản:





3.3. Phố người Hoa:

3.4. Phố người Xiêm (Thái Lan):



3.5. Khu Phố Indonesia:



3.6. Khu phố Malaysia:



3.7. Khu phố Philippines:



3.8. Khu phố Ấn Độ:



3.9. Khu phố Anh:



3.10. Khu phố Pháp:



3.11. Khu phố Hà Lan:



3.12. Phố Bồ Đào Nha:



3.13. Phố Tây Ban Nha:



PHỤ LỤC 1.2: KIẾN TRÚC THUYỀN CỎ CÁC NƯỚC GIAO THƯƠNG TẠI PHỐ HIỂN

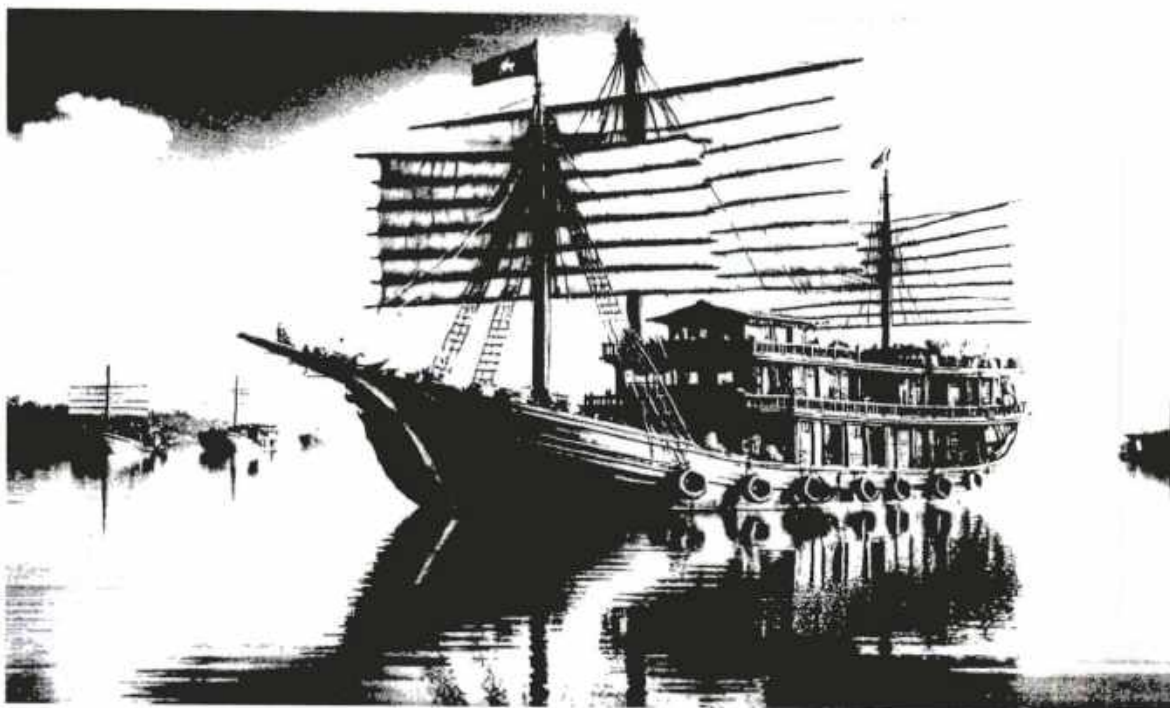
Kiến trúc thuyền cỏ của các nước đến giao thương tại **Phố Hiến** vào thế kỷ 16-18 rất đa dạng, phản ánh đặc trưng văn hóa và công nghệ đóng thuyền của từng quốc gia. Dưới đây là mô tả kiến trúc thuyền cỏ của một số quốc gia quan trọng trong hoạt động thương mại tại Phố Hiến:

Mỗi quốc gia có một phong cách đóng thuyền khác nhau tùy vào truyền thống văn hóa. Phố Hiến, với vai trò là một thương cảng sầm uất của Đại Việt, đã tiếp nhận nhiều loại thuyền buôn từ khắp nơi, góp phần tạo nên một trung tâm thương mại quốc tế vào thế kỷ 16-18, kiến trúc thuyền cỏ các nước như sau:

1. Thuyền cỏ Việt Nam:

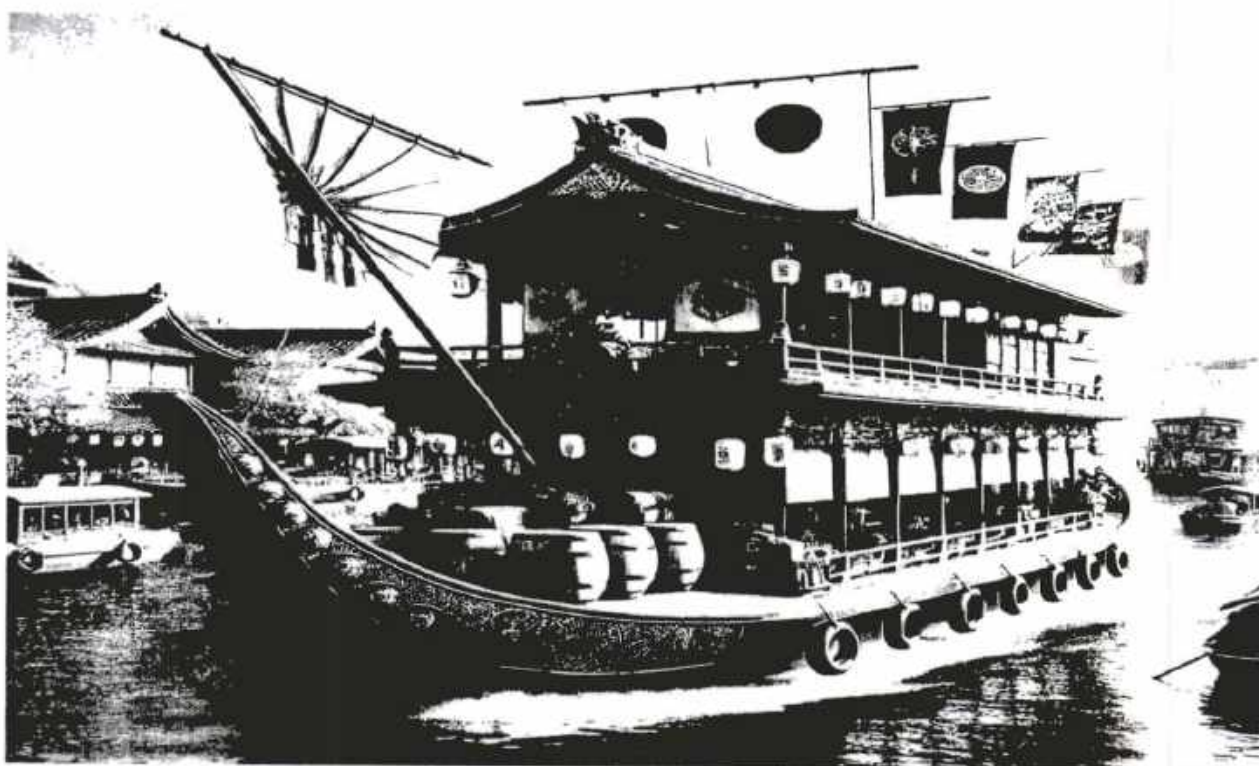
- Thân thuyền: Thon dài, mũi cao, làm từ gỗ nhẹ, chịu nước tốt.
- Trang trí: Họa tiết dân gian, sơn mũi thuyền hình mắt cá (niềm tin tâm linh).





2. Thuyền cổ Nhật Bản:

- Thuyền gỗ thấp, thân thuyền đơn giản và thanh thoát.
- Trang trí với đèn lồng và cờ Nhật, thường dùng cho giao thương hoặc lễ hội.





3. Thuyền cổ Trung Quốc:

- Thuyền gỗ lớn, trang trí cầu kỳ với hoa văn đỏ vàng.
- Có đèn lồng và cờ truyền thống, phù hợp với các hoạt động thương mại đường sông.

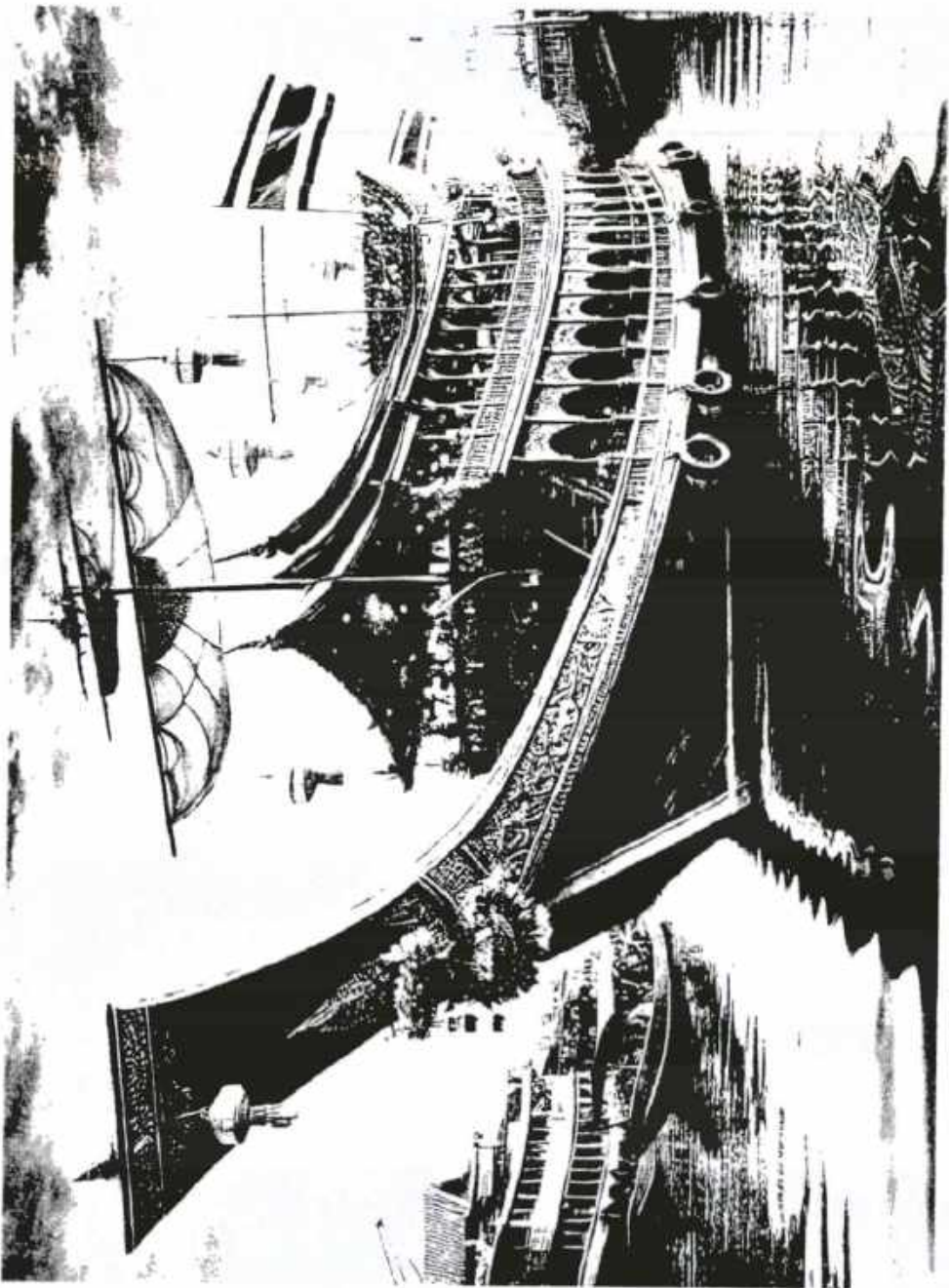




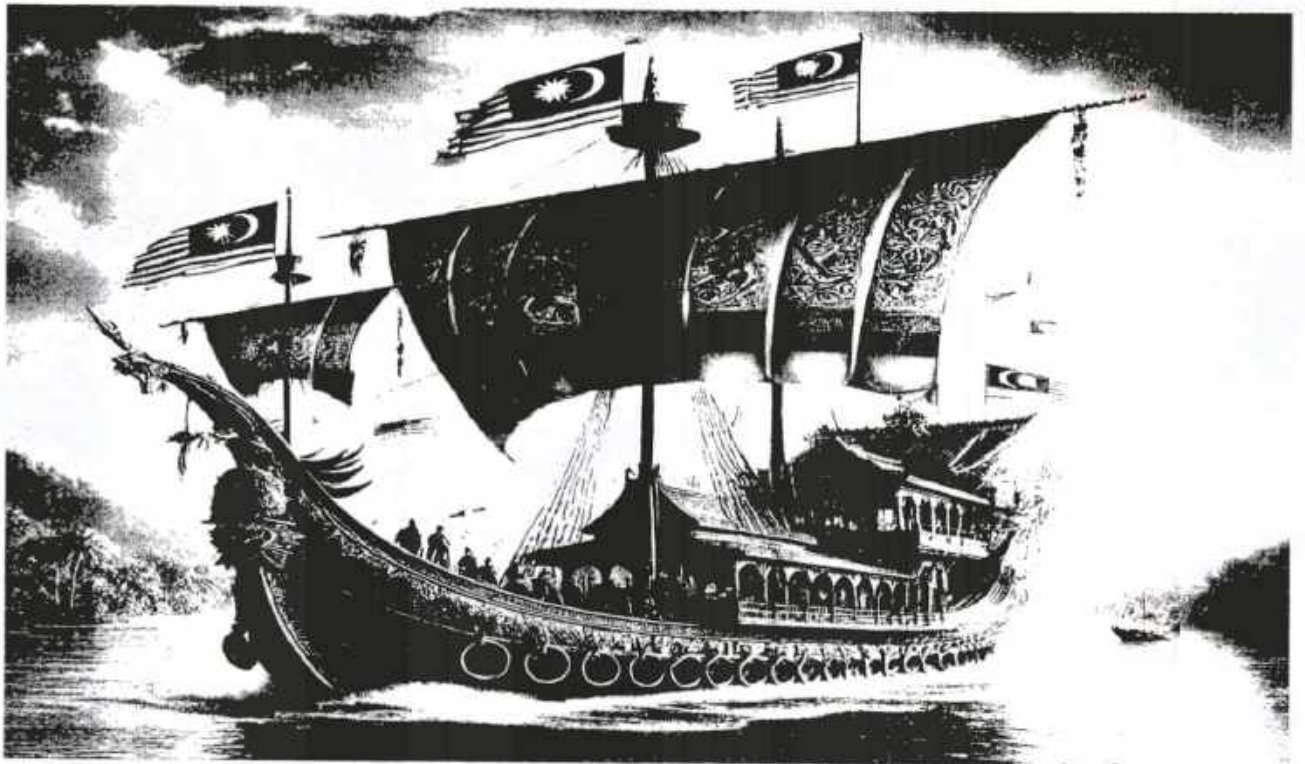
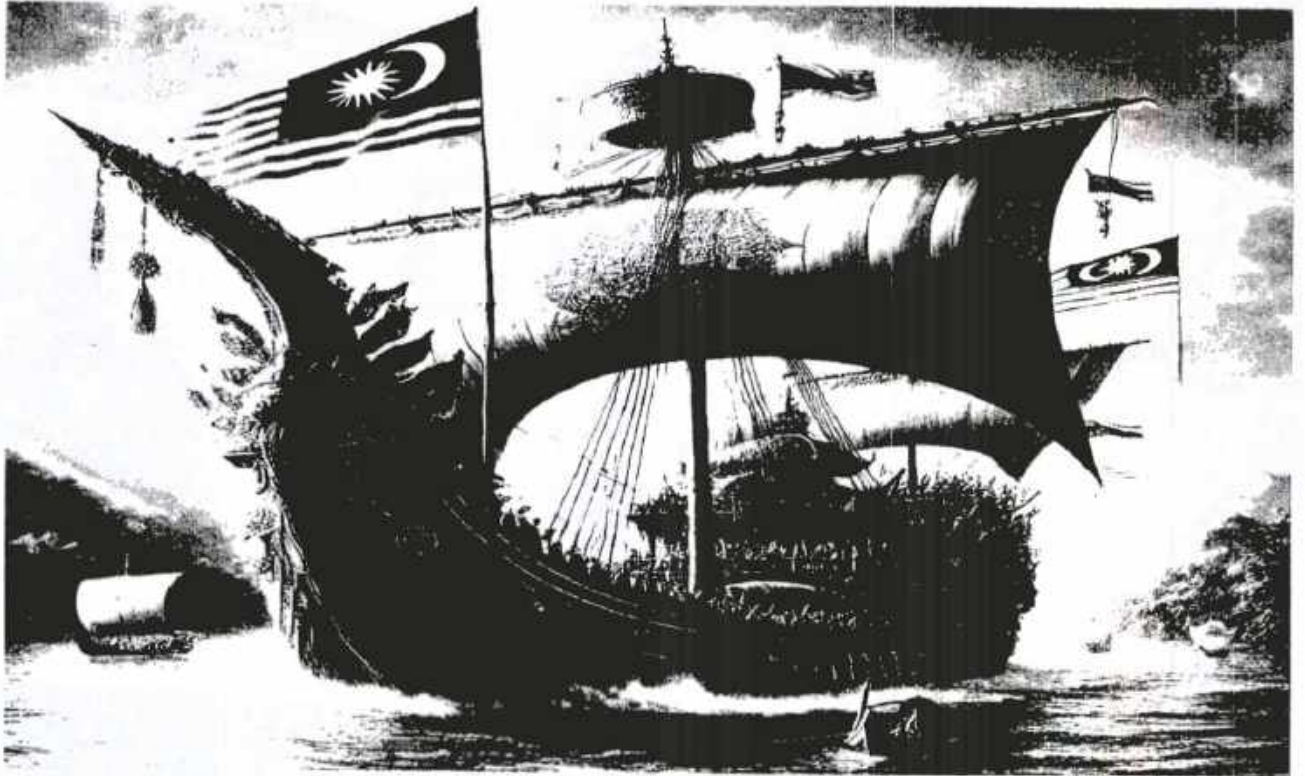
4. Thuyền cổ Thái Lan:

- Thuyền gỗ nhỏ gọn, mũi thuyền cong lên cao.
- Trang trí với hoa và đèn lồng, dùng trong chợ nổi hoặc các chuyến giao thương.



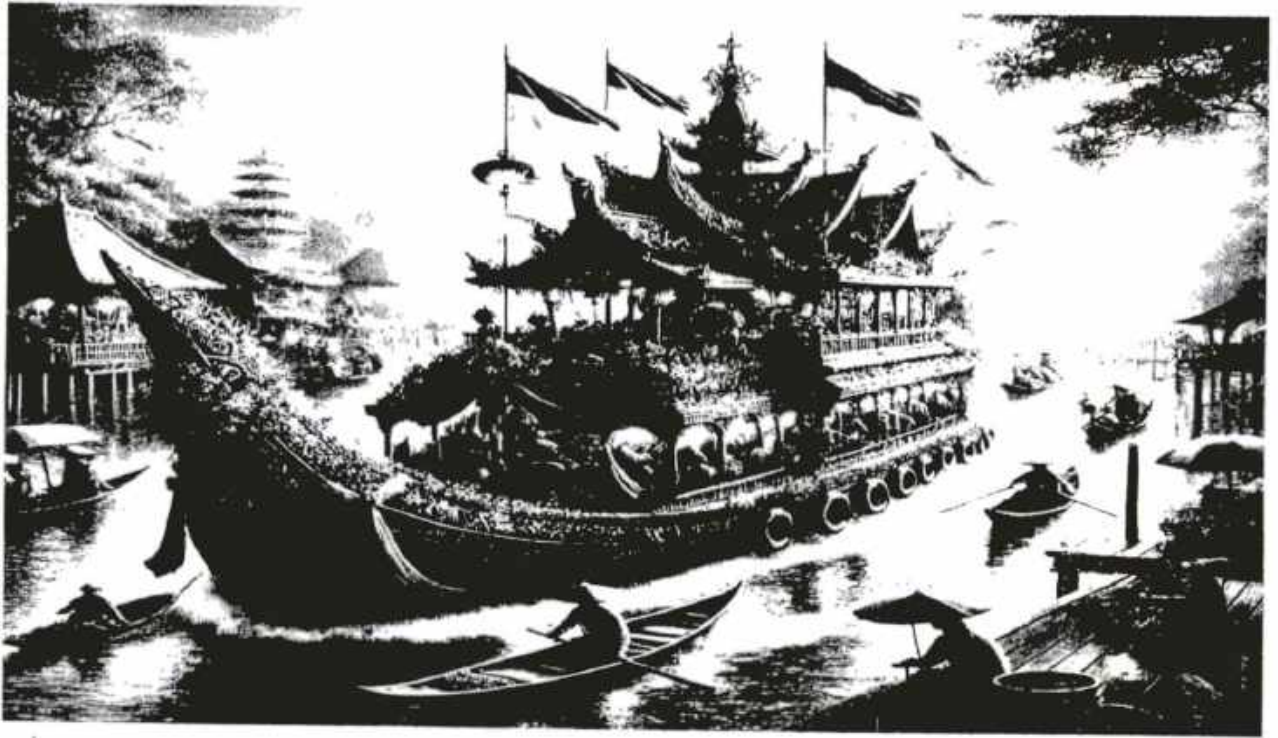


5. Thuyền cổ Malaysia:

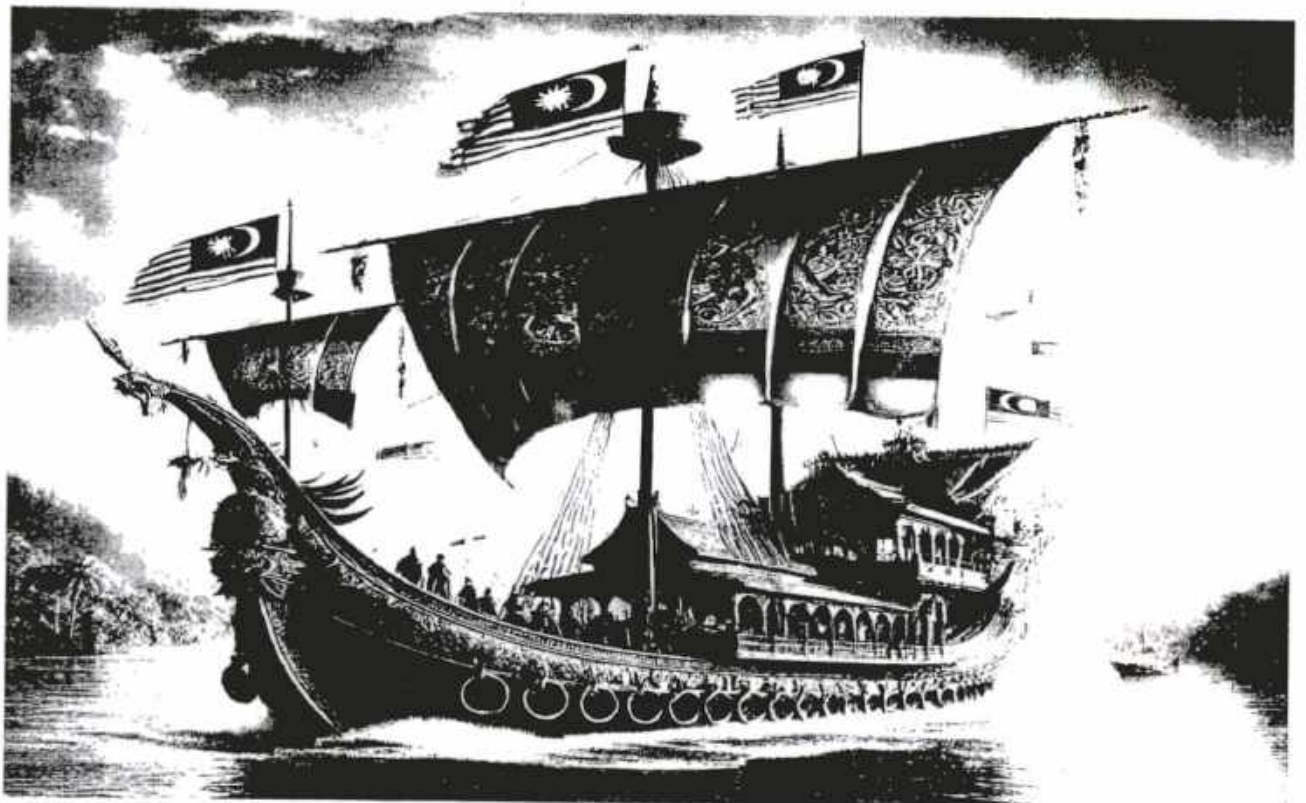
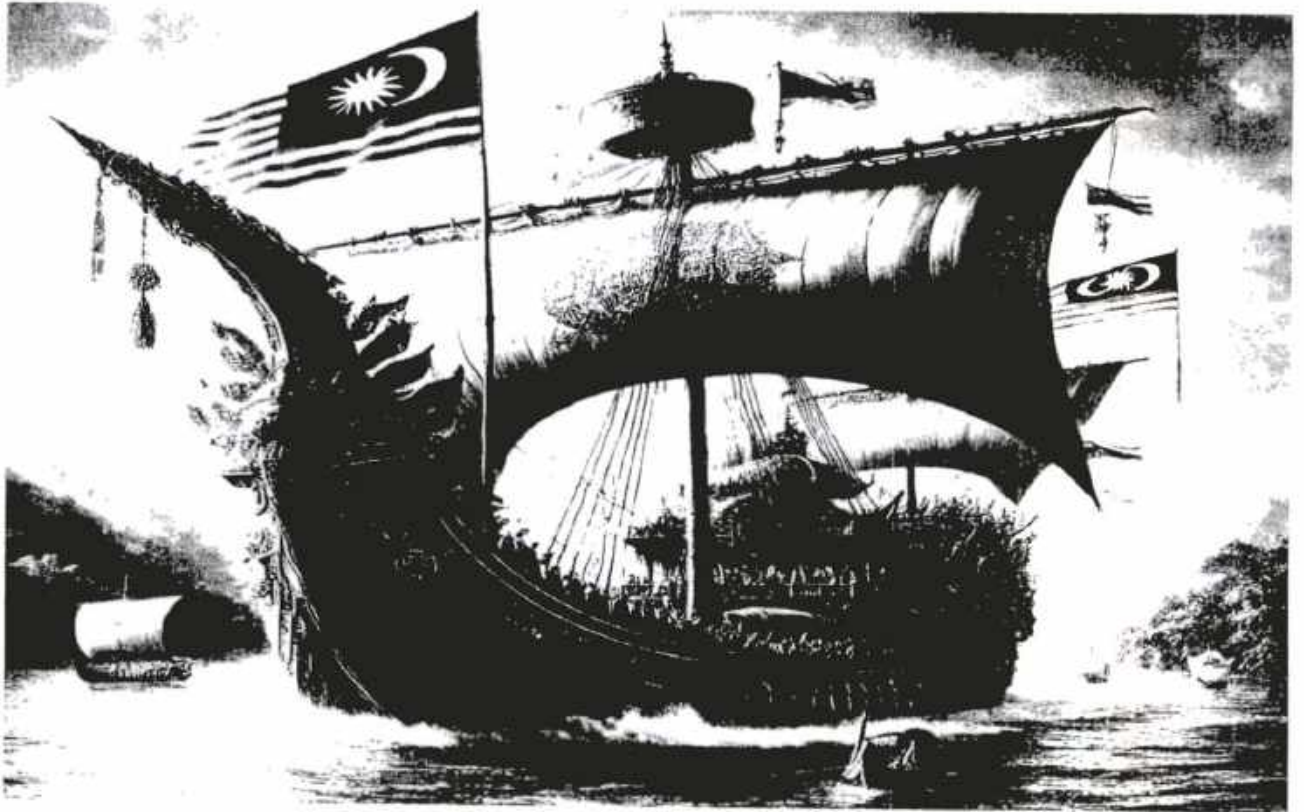


6. Thuyền cò Indonesia:

- Thân thuyền: Dài, phẳng, và thấp, làm từ gỗ nhẹ.
- Trang trí: Hoa văn chạm khắc, màu sắc rực rỡ (đỏ, vàng, xanh), treo cờ Indonesia.

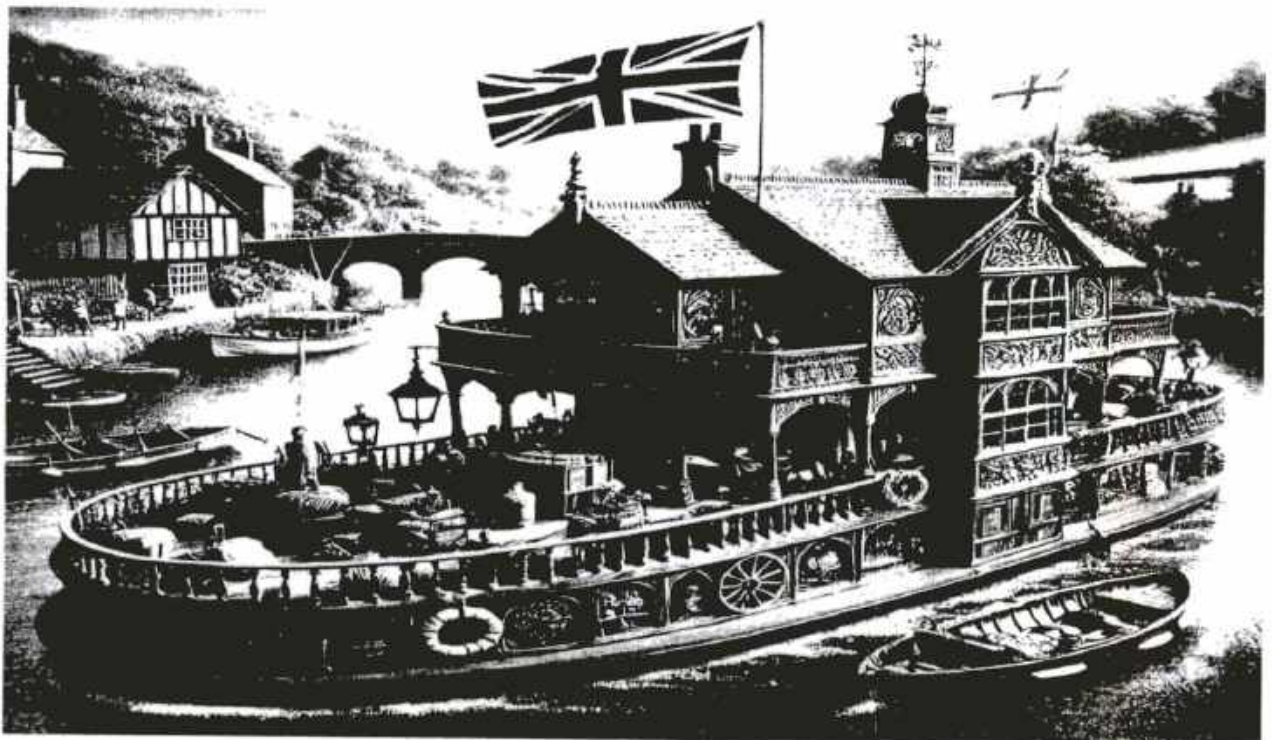
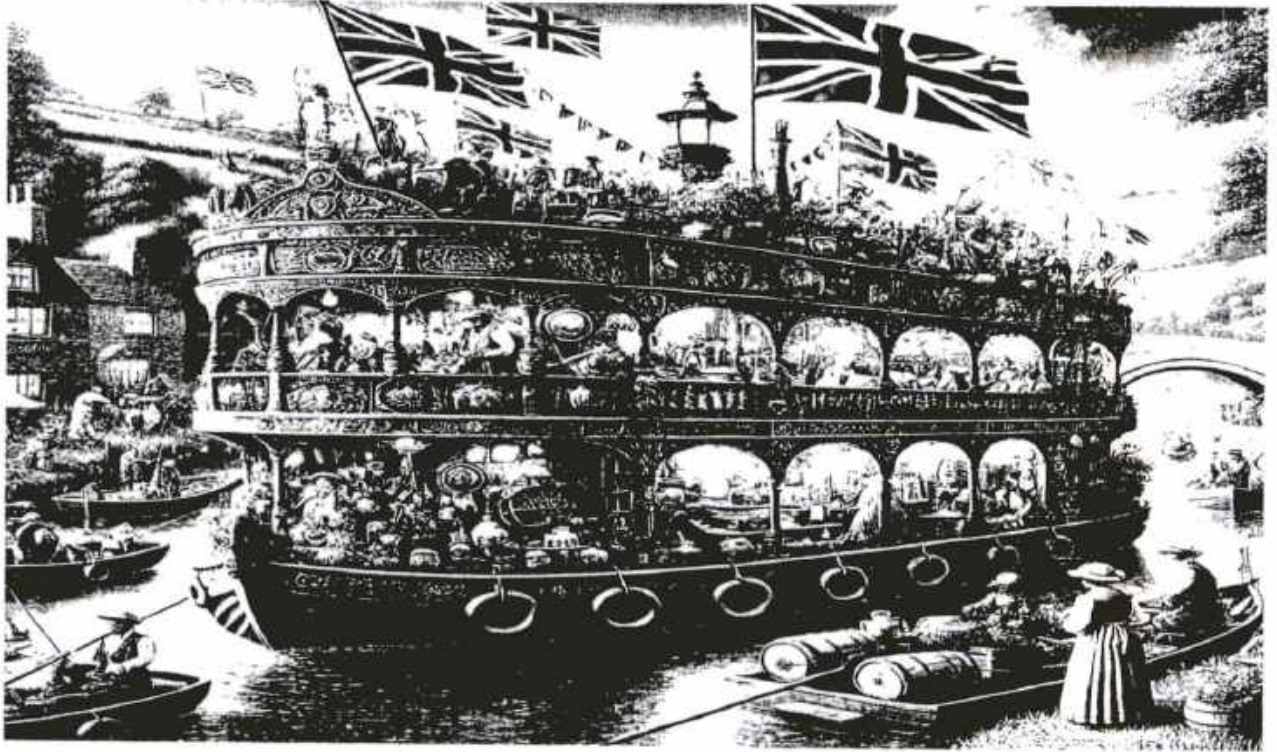


7. Thuyền cổ Philippines



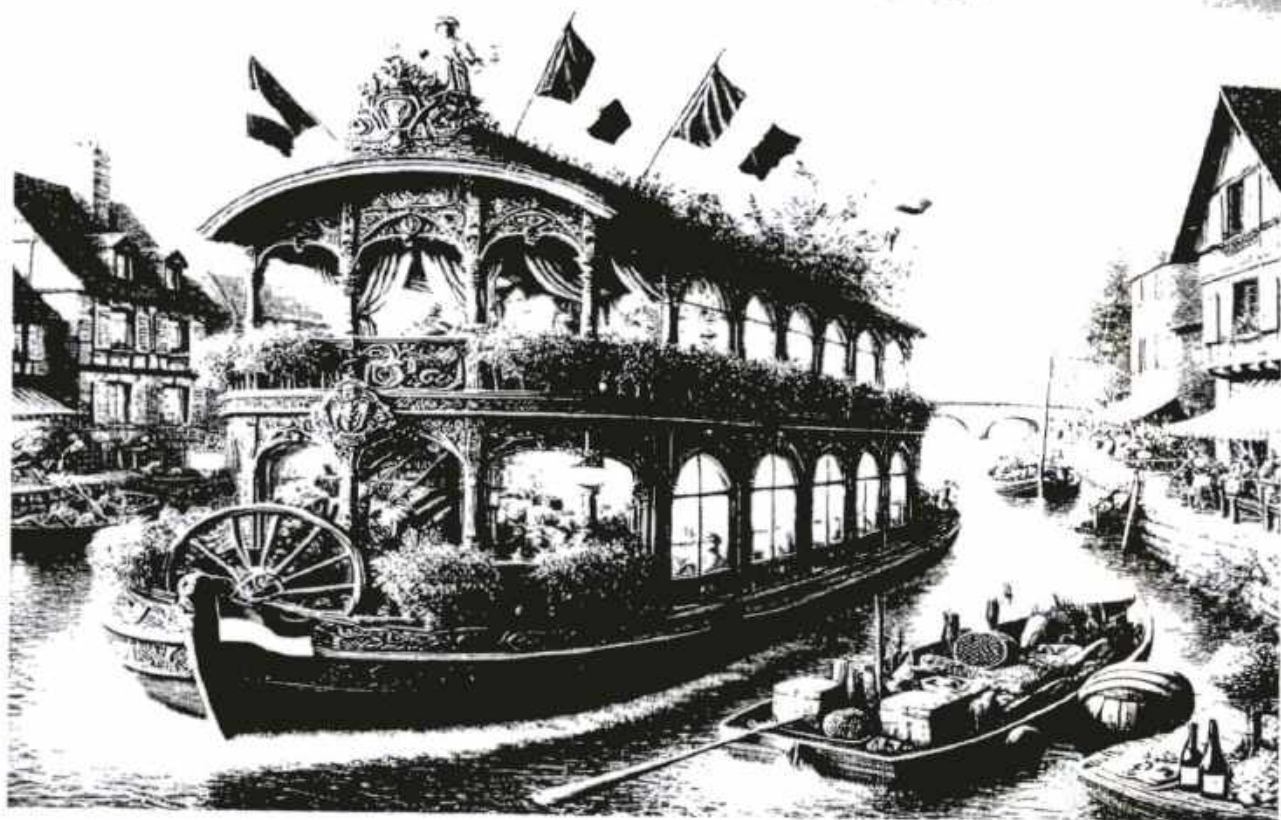
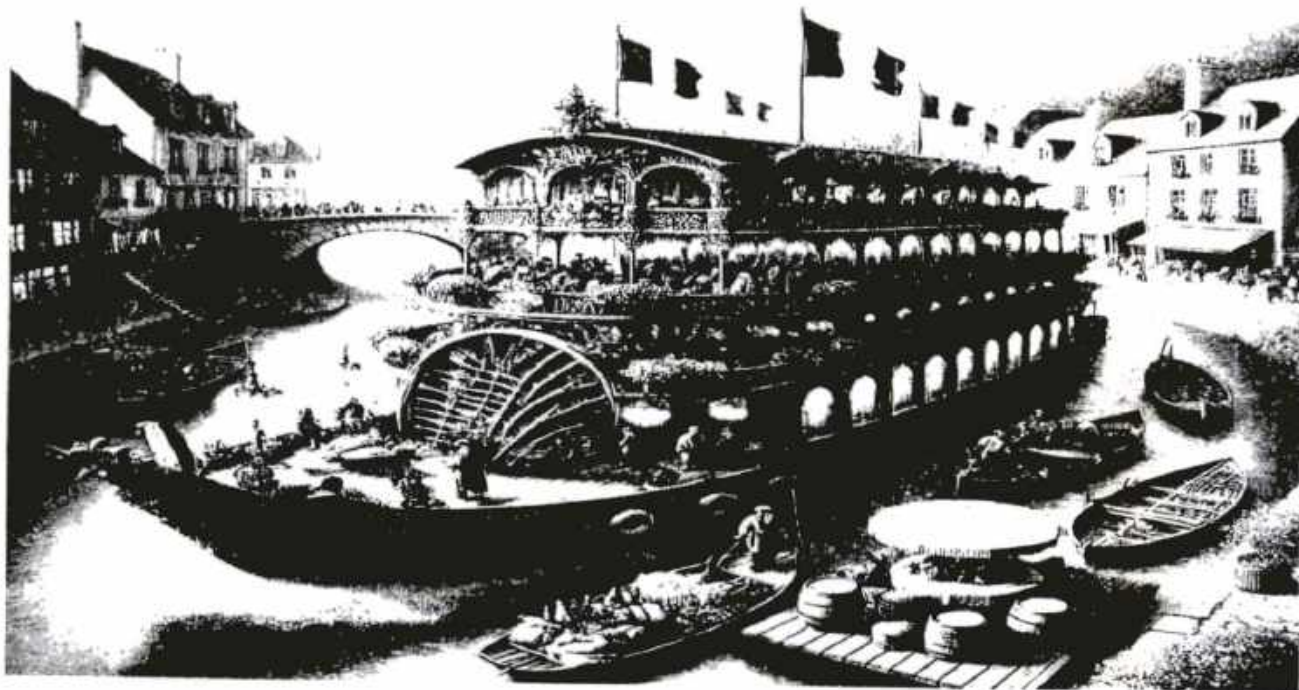
8. Thuyền cô Anh:

- Thuyền gỗ kiểu cổ điển, thân rộng và chắc chắn.
- Trang trí đơn giản với cờ Anh và thùng gỗ chứa hàng hóa.



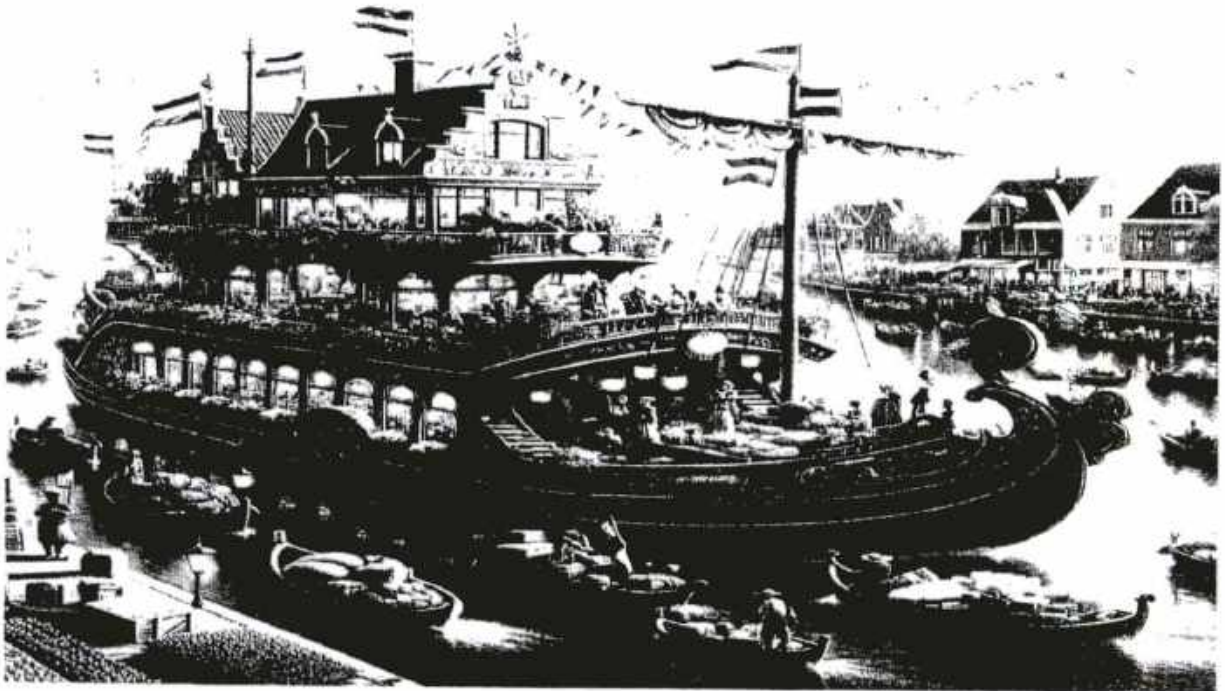
9. Thuyền cổ Pháp:

- Thuyền gỗ trang nhã, thân thuyền dài với các họa tiết tinh tế.
- Thường chở rượu, bánh mì, phô mai, và hoa tươi.



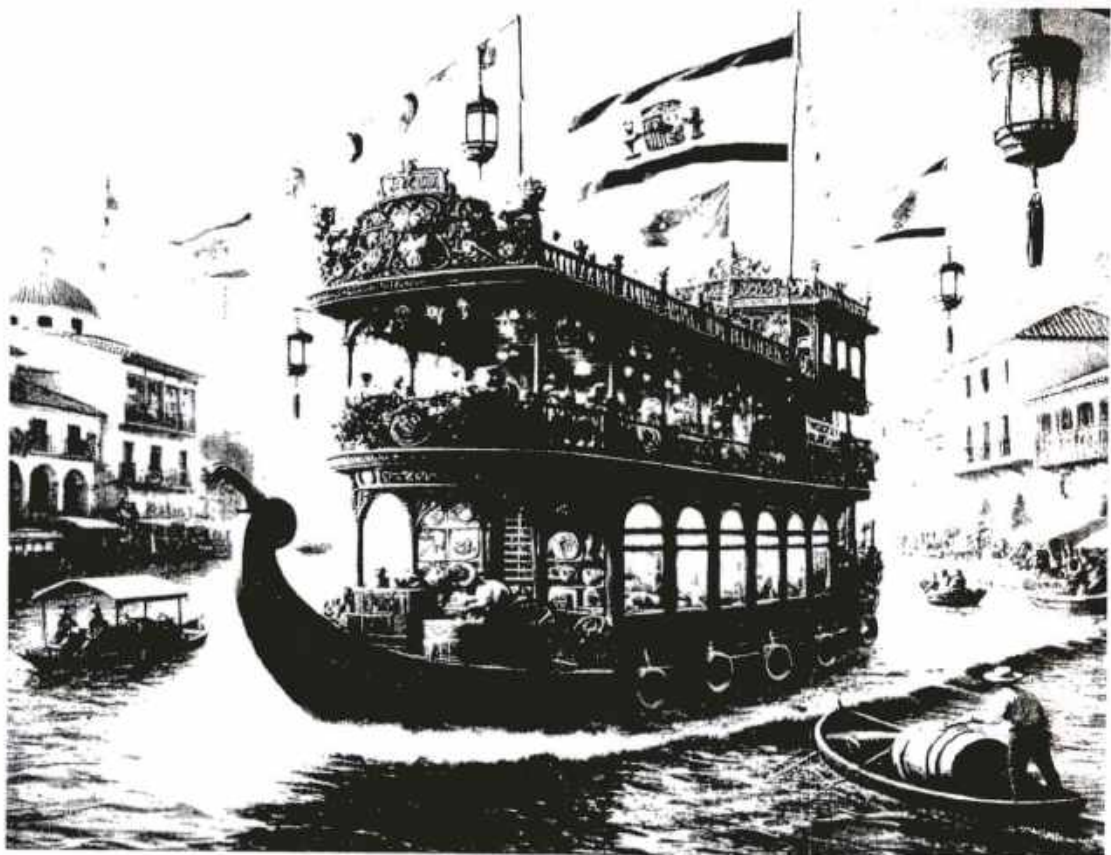
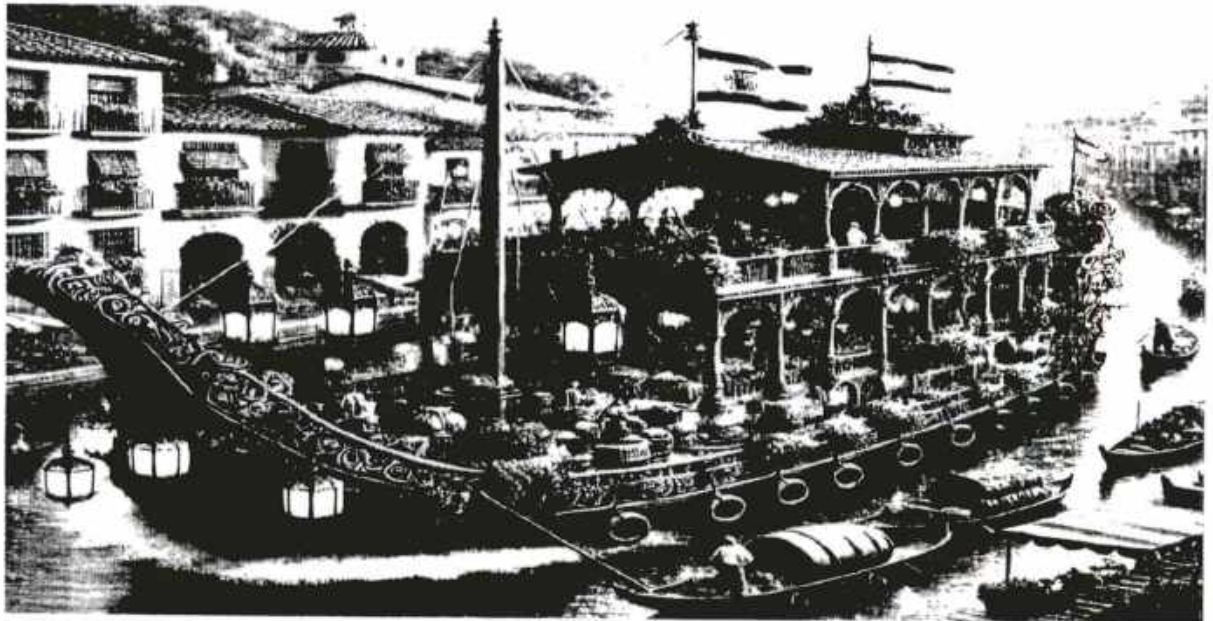
10. Thuyền cổ Hà Lan:

- Thuyền gỗ phẳng, thấp, với thiết kế thực dụng.
- Trang trí cờ Hà Lan, đèn lồng, và thường chở phô mai, guốc gỗ, và hoa tulip.



11. Thuyền cổ Bồ Đào Nha:

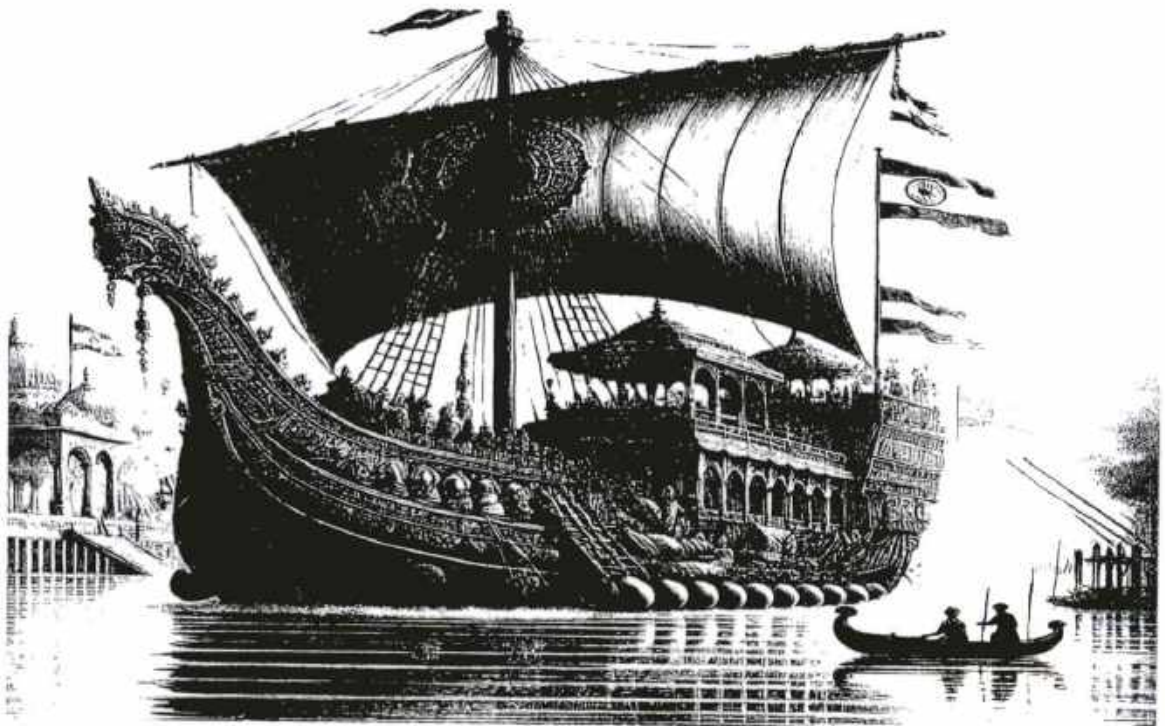
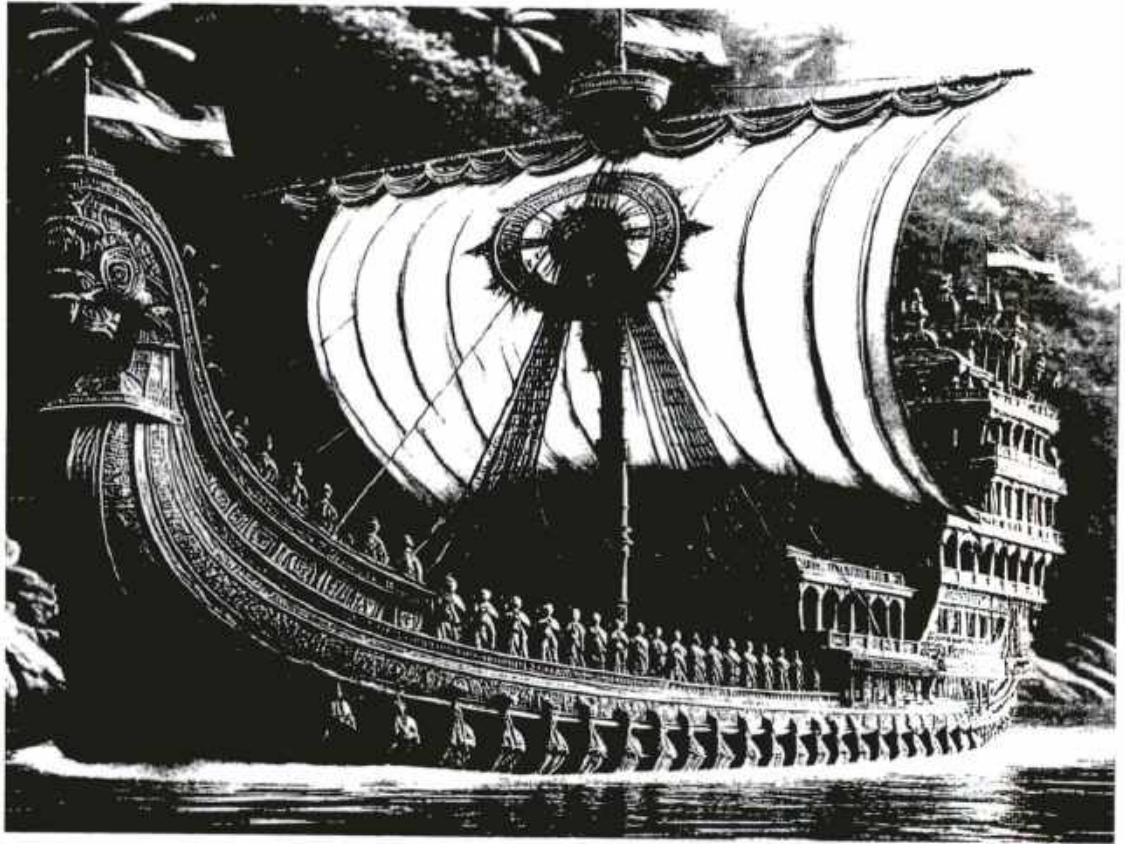
- Thuyền gỗ nhỏ gọn, trang trí hoa văn truyền thống, đèn lồng và cờ Bồ Đào Nha.
- Chở rượu vang, dầu ô liu và hàng hóa thủ công.



12. Thuyền cổ Tây Ban Nha:



13. Thuyền cổ Ấn Độ:



PHỤ LỤC 2: BẢNG KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐỀN BÙ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá QĐ 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	HS QĐ 2825, 29/12 2023	HS thị trường	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đền bù nhà cửa (TB số 09/TB-SXD ngày 11/01/2024)							
-	Nhà tôn	m2	4.972,50	2.406.000			11.963.835.000	
-	Nhà mái bằng 2 tầng	m2	12.622,50	9.644.800			121.741.488.000	
-	Nhà mái bằng 3 tầng	m2	5.163,75	16.066.200			82.961.840.250	
-	Nhà mái bằng 4 tầng	m2	3.480,75	21.369.600			74.382.235.200	
-	Nhà mái bằng 5 tầng	m2	1.300,50	26.712.000			34.738.956.000	
-	Nhà bằng	m2	11.016,00	3.983.800			43.885.540.800	
-	Nhà ngói	m2	7.573,50	2.745.800			20.795.316.300	
	Tổng số hộ bị ảnh hưởng	hộ	765,00					
2	Đền bù chiếm dụng đất (QĐ số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)							
-	Đất thổ cư		185.500,00					
+	Phường Minh Khai	m2	27.500,00	3.000.000	1,00	4,0	330.000.000.000	Bảng 3 - Trục đường có mặt cắt 7-15m
+	Phường Hồng Châu	m2	96.500,00	3.000.000	1,00	4,0	1.158.000.000.000	Bảng 3 - Trục đường có mặt cắt 7-15m
+	Phường Quảng Châu	m2	61.500,00	3.100.000	1,00	4,0	762.600.000.000	Bảng 3 - Trục đường có mặt cắt 7-15m
-	Đất nông nghiệp		8.688.500,00	100.000			868.850.000.000	Bảng 01

-	Chi phí bảo vệ đất trồng lúa nước		868.850.000.000	50%			434.425.000.000	(QĐ Số: 20/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017)
-	Đất nuôi trồng thủy sản, đất ao	m2	751.000,00	100.000			75.100.000.000	Bảng 01
-	Đất sản xuất phi nông nghiệp (SKX)	m2	48.700,00	900.000	1,00	1	43.830.000.000	Bảng 6- Đường giao thông và bê tông ngoài đê sông Hồng
-	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)	m2	152.100,00	95.000			14.449.500.000	
-	Đất thương mại và dịch vụ	m2	12.300,00	900.000			11.070.000.000	Bảng 6- Đường giao thông và bê tông ngoài đê sông Hồng
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	m2	19.500,00	95.000			1.852.500.000	
4	Chính sách hỗ trợ đền bù (QĐ số 03/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020)							
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất							Điều 23.3.a
+	Hỗ trợ đời sống khi bị thu hồi 30-70% đất nông nghiệp	khẩu	4.532,00	3.240.000			14.683.680.000	3.a 30kg gạo x 18000đ/kg x 6 tháng
+	Hỗ trợ đời sống khi bị thu hồi >70% đất nông nghiệp	khẩu	4.532,00	6.480.000			29.367.360.000	3.a 30kg gạo x 18000đ/kg x 12 tháng
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							Điều 24
+	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và đào tạo việc làm cá nhân trực tiếp sx nông nghiệp	m2	9.064.000,00	500.000			4.532.000.000.000	Đất trồng lúa, đất nông nghiệp khác, đất trồng cây lâu năm; 50% đất nuôi trồng thủy sản, đất ao
+	Kinh phí hỗ trợ đào tạo, học nghề cho các đối tượng chuyển đổi nghề	m2	9.064.000,00	3.000			27.192.000.000	
-	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở							Điều 29

+	Di chuyển đến chỗ ở mới thuộc phạm vi cùng huyện, thị xã thuộc tỉnh Hưng Yên	hộ	765,00	5.000.000		3.825.000.000	điều 29 mục 1
+	Di chuyển đồng hồ và đường ống nước sinh hoạt	hộ	765,00	1.500.000		1.147.500.000	TT
+	Di chuyển đường dây điện thoại	hộ	765,00	500.000		382.500.000	TT
+	Di chuyển hộp công tơ điện	hộ	765,00	1.000.000		765.000.000	TT
+	Hỗ trợ đối với người có công với cách mạng						Điều 29.2
	<i>Lão thành cách mạng, thân nhân liệt sỹ, Bà mẹ Việt nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang, thương binh 1/4. Bị thu hồi hết diện tích đất ở và phải chuyển đi nơi khác</i>	hộ	77,00	5.000.000		385.000.000	
	<i>Các trường hợp khác</i>	hộ	77,00	3.000.000		231.000.000	
+	Hỗ trợ tiền thuê nhà	hộ	765,00	18.000.000		13.770.000.000	Điều 29.3- 2 triệu đồng/tháng x 9 tháng
+	Thưởng di chuyển bàn giao mặt bằng đất ở đúng tiến độ	hộ	765,00	10.000.000		7.650.000.000	
+	Thưởng bàn giao mặt bằng đất nông nghiệp đúng tiến độ	m2	9.064.000,00	10.000		90.640.000.000	Điều 29.6
-	Hỗ trợ di chuyển mô mã (TB số 09/TB-SXD ngày 11/01/2024)						
	+ Mô đất	ngôi	85,00	8.345.000		709.325.000	
	+ Mô xây	ngôi	55,00	7.428.000		408.540.000	
	Tổng cộng					8.813.803.117.000	

PHỤ LỤC 3: BẢNG SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

DỰ ÁN: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU PHỤC DỰNG PHỐ HIỀN CỎ

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	Nt (%)	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng	G _{XD}			Bảng tính	7.065.895.940.000	706.589.594.000	7.772.485.534.000
2	Chi phí thiết bị	G _{TB}			TT	45.454.545.455	4.545.454.545	50.000.000.000
3	Chi phí quản lý dự án, Tư vấn, chi phí khác	G _{khác}	15,000%		Nt*(CPXD_TMDT + CPTB_TMDT)	1.066.702.572.818	106.670.257.282	1.173.372.830.000
4	Chi phí dự phòng (G _{DP1} + G _{DP2})	G _{DP}			G _{DP1} + G _{DP2}	1.635.610.610.909	163.561.061.091	1.799.171.672.000
4.1	Chi phí dự phòng phát sinh khối lượng	G _{DP1}	10,000%			817.805.305.827	81.780.530.583	899.585.836.000
4.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	G _{DP2}	10,000%			817.805.305.827	81.780.530.583	899.585.836.000
	Tổng cộng:				(1)+(2)+(3)+(4)+(5)	9.813.663.669.182	981.366.366.918	10.795.030.036.000
	LÀM TRON (G_{XDCT}):					9.813.663.669.000	981.366.367.000	10.795.000.000.000

BẢNG KHAI TOÁN GIÁ TRỊ XÂY DỰNG

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
Hạng mục: Nền, mặt đường, lề bờ sông						
1	NMD	Đê bao kết hợp đường trục bao quanh dự án Tuyến đê bao + Kết hợp đường giao thông - Tính theo SĐT đường cấp 2 đồng bằng nền rộng 22,5m	m	17.500	50.736.000	887.880.000.000
2	XLDY	Xử lý nền đất yếu (tạm tính 30 tỷ/km)	Km	17,5	30.000.000.000	525.000.000.000
3	KE	Cừ BTCT DUL (Chiều dài dự kiến 15m)	m	262.500	5.000.000	1.312.500.000.000
		Đường giao thông nối các khu chức năng				
4	NMD	Tuyến đường kết nối các khu chức năng - Tính theo SĐT đường cấp 3 đồng bằng nền rộng 12m nhân với hệ số nội suy là 13,5/12	m	15.000	30.429.000	456.435.000.000
		TỔNG CỘNG				3.181.815.000.000
Hạng mục: Vĩa hè, cây xanh						
STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
1	VH	Vĩa hè	m ²	225.000	427.000	96.075.000.000
2	CX	Cây xanh	Cây	10.000	21.144.000	211.440.000.000
		TỔNG CỘNG				307.515.000.000
Hạng mục: Thoát nước mưa						
STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN

[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
1	TNM	Cống thoát nước mưa D800	m	32.500	3.021.430	98.196.475.000
2	GA.TNM	Ga thoát nước mưa	cái	650	24.219.000	15.742.350.000
		TỔNG CỘNG				113.938.825.000

Hạng mục: Cấp nước, PCCC

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
1	CN	Cấp nước DN100	m	32.500,0	941.399	30.595.467.500
2	CN	Cấp nước DN300	m	32.500,0	2.829.524	91.959.530.000
3	PCCC	Trụ cứu hỏa	trụ	217	23.547.000	5.101.850.000
		TỔNG CỘNG				127.656.847.500

Hạng mục: Cấp điện, Chiếu sáng

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
1	CS1	Cột thép liên căn đơn (trên hè)	cột	1.083	8.922.000	9.665.500.000
2	CS2	Chóa đèn LED	bộ	1.083	7.319.000	7.928.916.666
3	CS3	Rải cáp ngầm 22 KV (3x240)	m	48.750	2.379.900	116.020.125.000
4	CS4	Khung móng cột	bộ	1.083	465.000	503.750.000
5	CS5	Tủ điều khiển	tủ	10	22.318.000	223.180.000
6	CAP	Cáp trung thế 22 KV	m	32.500	5.500.000	178.750.000.000
7	TBA	Trạm biến áp 22 VK	trạm	30	2.000.000.000	60.000.000.000
		TỔNG CỘNG				373.091.471.666

Hạng mục: Công bề kỹ thuật

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]

1	HKT	Cống bê kỹ thuật	m	65.000	2.028.606	131.859.390.000
2	HKT	Ga kỹ thuật	cái	650	15.280.000	9.932.000.000
		TỔNG CỘNG				141.791.390.000

Hạng mục: Cầu trên tuyến

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
1	CAU	04 cầu (L=450m, B=22,5m)	m2	10.125	37.416.000	378.837.000.000

Hạng mục: Hồ nước (đào hồ + kè hồ)

STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
1	DAO	Đào hồ (Hồ rộng 361,39ha, đào trung bình 4m)	m3	14.455.600	150.000	2.168.340.000.000
2	KEHO	Kè hồ bằng kè BTCT	m	32.650	30.000.000	979.500.000.000
		TỔNG CỘNG				3.147.840.000.000

TỔNG CỘNG CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ (LÀM TRÒN)

7.772.485.534.000

PHỤ LỤC 4: BẢNG KHÁI TOÁN TỔNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN: PHỤC DỰNG PHỐ HIẾN CỎ

STT	Ký hiệu	Chức năng	Diện tích	Mật độ xây dựng	Tầng cao trung bình	Diện tích 1 sàn xây dựng	Tổng diện tích sàn xây dựng	Suất đầu tư	Chi phí xây dựng	Ghi chú
			(Ha)	(%)	(Tầng)	(m2)	(m2)	đồng/m2	đồng	
1	DV	Khu dịch vụ (đón tiếp, bến thuyền,...)	94,74			143.760	305.060		2.984.663.000.000	
1.1	DV1-01	Quảng trường khu đón tiếp 1 (Công Tam Quan, ...)	1,56	10	4	1.560	6.240	9.392.000	58.606.080.000	SĐT số 11260.01 - QĐ số 816 ngày 29/05/2024
1.2	DV1-02	Công trình dịch vụ và đón tiếp 1	5,85	20	2	11.700	23.400	9.392.000	219.772.800.000	
1.3	DV1-03	Công trình dịch vụ và đón tiếp 2	6,25	20	2	12.500	25.000	9.392.000	234.800.000.000	
1.4	DV1-04	Khu dịch vụ bến thuyền du lịch 1	11,56	20	2	23.120	46.240	9.392.000	434.286.080.000	
1.5	DV1-05	Quảng trường khu đón tiếp 2	0,76	10	4	760	3.040	9.392.000	28.551.680.000	
1.6	DV1-06	Khu dịch vụ bến thuyền du lịch 2	1,40	20	2	2.800	5.600	9.392.000	52.595.200.000	
1.7	DV1-07	Khu dịch vụ bến thuyền du lịch 3	2,13	20	2	4.260	8.520	9.392.000	80.019.840.000	
1.8	DV1-08	Khu dịch vụ thương mại khu phố Nhật	0,62	20	2	1.240	2.480	9.392.000	23.292.160.000	
1.9	DV1-09	Khu dịch vụ khu đón tiếp 3	1,03	20	2	2.060	4.120	9.392.000	38.695.040.000	
1.10	DV1-10	Quảng trường khu đón tiếp 3	2,37	10	4	2.370	9.480	9.392.000	89.036.160.000	

1.11	DV1-11	Khu dịch vụ thương mại khu phố Hoa	1,10	20	3	2.200	6.600	9.392.000	61.987.200.000
1.12	DV1-12	Thương mại dịch vụ - Thương cảng Châu Âu	2,48	20	3	4.960	14.880	9.392.000	139.752.960.000
1.13	DV2-01	Khu dịch vụ ven sông - trình diễn mặt nước	23,76	10	2	23.760	47.520	9.392.000	446.307.840.000
1.14	DV2-02	Quảng trường khu đón tiếp 4	0,50	10	4	500	2.000	9.392.000	18.784.000.000
1.15	DV2-03	Khu dịch vụ văn hóa cộng đồng	2,87	20	2	5.740	11.480	9.392.000	107.820.160.000
1.16	DV3-01	Khu hỗn hợp dịch vụ, tổ hợp ăn uống, giải trí	13,73	20	2	27.460	54.920	9.392.000	515.808.640.000
1.17	DV3-02	Khu triển lãm nghệ thuật	6,98	10	2	6.980	13.960	17.955.000	250.651.800.000
1.18	DV3-03	Khu biểu diễn thực cảnh, sân khấu	9,79	10	2	9.790	19.580	9.392.000	183.895.360.000
2	VH	Công trình văn hoá	4,10			10.850	28.950		1.012.500.000.000
2.1	VH1-01	Đền trình	1,20	30	2	3.600	7.200	50.000.000	360.000.000.000
2.2	VH1-02	Khu văn hóa Á Châu	2,90	25	3	7.250	21.750	30.000.000	652.500.000.000
3	HH	Đất hỗn hợp TMDV	72,97			158.440	316.880		9.506.400.000.000
3,1	HH1-01	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố chợ Việt	5,13	20	2	10.260	20.520	30.000.000	615.600.000.000
3,2	HH1-02	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Việt	6,21	20	2	12.420	24.840	30.000.000	745.200.000.000

3,3	HH1-03	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu làng quê Việt	2,37	20	2	4.740	9.480	30.000.000	284.400.000.000	
3,4	HH1-04	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Nhật	7,26	20	2	14.520	29.040	30.000.000	871.200.000.000	
3,5	HH1-05	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Malaysia	1,68	20	2	3.360	6.720	30.000.000	201.600.000.000	
3,6	HH1-06	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Philippines	0,57	20	2	1.140	2.280	30.000.000	68.400.000.000	
3,7	HH1-07	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Indonesia	0,77	20	2	1.540	3.080	30.000.000	92.400.000.000	
3,8	HH1-08	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Hoa 1	5,72	20	2	11.440	22.880	30.000.000	686.400.000.000	
3,9	HH1-09	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Hoa 2	2,43	20	2	4.860	9.720	30.000.000	291.600.000.000	
3,10	HH1-10	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Ấn Độ	1,51	20	2	3.020	6.040	30.000.000	181.200.000.000	
3,11	HH1-11	Khu làng hoa - Khu phố Hà Lan	2,65	20	2	5.300	10.600	30.000.000	318.000.000.000	
3,12	HH1-12	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Hà Lan	9,02	20	2	18.040	36.080	30.000.000	1.082.400.000.000	

3,13	HH1-13	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Anh	4,68	25	2	11.700	23.400	30.000.000	702.000.000.000	
3,14	HH1-14	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Pháp	5,30	25	2	13.250	26.500	30.000.000	795.000.000.000	
3,15	HH1-13	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Bồ Đào Nha	6,12	25	2	15.300	30.600	30.000.000	918.000.000.000	
3,16	HH1-13	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Tây Ban Nha	8,90	25	2	22.250	44.500	30.000.000	1.335.000.000.000	
3,17	HH1-13	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ - Khu phố Thái Lan	2,65	20	2	5.300	10.600	30.000.000	318.000.000.000	
4	HH	Trung tâm tài chính kinh tế	15,13			30.260	90.780		1.815.600.000.000	
4,1	HH2-01	Khu quảng trường và trung tâm tài chính kinh tế 1	7,76	20	3	15.520	46.560	20.000.000	931.200.000.000	
4,2	HH2-02	Khu quảng trường và trung tâm tài chính kinh tế 2	7,37	20	3	14.740	44.220	20.000.000	884.400.000.000	
5	HH	Trung tâm hội nghị quốc tế	19,29			38.580	115.740		2.314.800.000.000	
5,1	HH2-03	Trung tâm hội nghị quốc tế	5,97	20	3	11.940	35.820	20.000.000	716.400.000.000	
5,2	HH2-04	Khu trung tâm tài chính hỗn hợp 1	4,37	20	3	8.740	26.220	20.000.000	524.400.000.000	
5,3	HH2-05	Khu trung tâm tài chính hỗn hợp 2	3,22	20	3	6.440	19.320	20.000.000	386.400.000.000	
5,4	HH2-06	Khu trung tâm tài chính hỗn hợp 3	5,73	20	3	11.460	34.380	20.000.000	687.600.000.000	

6	HHDV	Khu hỗn hợp TMDV, Khách sạn ven sông	47,85			47.850	135.400		2.535.089.600.000	
6,1	HH3-01	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ bến thuyền	8,15	10	2	8.150	16.300	9.392.000	153.089.600.000	SĐT số 11260,01 - QĐ số 816 ngày 29/05/2024
6,2	HH3-02	Khu hỗn hợp nhà hàng, khách sạn và vui chơi giải trí ven sông	39,70	10	3	39.700	119.100	20.000.000	2.382.000.000.000	
7	HH2-07	Chùa phục Hiền và đền thờ Lê Đình Kiên	26,52	10	2	26.520	53.040	50.000.000	2.652.000.000.000	
8	HTKT	Hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng	680,12				6.801.190,00	734.000	4.992.073.460.000	SĐT số 13300,06 - QĐ số 816 ngày 29/05/2024
KHÁI TOÁN TỔNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN (LÀM TRÒN)									27.813.000.000.000	

VĂN BẢN PHÁP LÝ

Số 08-NQ/TW

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

BAN CÁI LUY ĐẢNG
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CÔNG VĂN ĐIỂN

Số: 34/.....

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

I- TÌNH HÌNH

Mười lăm năm qua, ngành Du lịch đã có bước phát triển rõ rệt và đạt được những kết quả quan trọng, rất đáng khích lệ. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch quốc tế đạt 10,2%/năm, khách du lịch nội địa đạt 11,8%/năm. Năm 2016, số lượng khách du lịch quốc tế đạt 10 triệu lượt người, tăng hơn 4,3 lần so với năm 2001; khách du lịch nội địa đạt 62 triệu lượt người, tăng 5,3 lần so với năm 2001; đóng góp trực tiếp ước đạt 6,8% GDP, cả gián tiếp và lan toả đạt 14% GDP. Hạ tầng du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành Du lịch ngày càng phát triển. Loại hình sản phẩm, dịch vụ du lịch ngày càng phong phú và đa dạng. Chất lượng và tính chuyên nghiệp từng bước được nâng cao. Lực lượng doanh nghiệp du lịch lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, tạo được một số thương hiệu có uy tín ở trong nước và quốc tế. Bước đầu hình thành một số địa bàn và khu du lịch trọng điểm.

Sự phát triển của ngành Du lịch đã và đang góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xuất khẩu tại chỗ; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, tài nguyên thiên nhiên; tạo nhiều việc làm, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

Tuy nhiên, ngành Du lịch còn một số hạn chế, yếu kém. Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và kỳ vọng của xã hội. Sản phẩm du lịch chưa thực sự hấp dẫn và có sự khác biệt, khả năng cạnh tranh chưa cao. Chất lượng dịch vụ du lịch chưa đáp ứng yêu cầu. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch chưa cao. Môi trường du lịch, an toàn thực phẩm và an toàn giao thông còn nhiều bất cập. Công tác xúc tiến quảng bá du lịch còn nhiều hạn chế về nguồn lực, sự phối hợp và tính chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao. Nguồn nhân lực du lịch vừa thiếu vừa yếu. Doanh nghiệp du lịch chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa; vốn, nhân lực và kinh nghiệm quản lý còn hạn chế. Vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch chưa được phát huy.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém nêu trên là do các cấp, các ngành chưa thực sự coi du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên

ngành, liên vùng, xã hội hoá và hội nhập quốc tế cao, mang nội dung văn hoá sâu sắc; thiếu chính sách quốc gia phù hợp để du lịch phát triển theo đúng tính chất của một ngành kinh tế vận hành theo quy luật thị trường. Thể chế, chính sách phát triển du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, vẫn còn nặng tư tưởng bao cấp. Sự phối hợp liên ngành, liên vùng hiệu quả còn thấp; đầu tư còn dàn trải, chưa huy động được nhiều nguồn lực của xã hội cho phát triển du lịch. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch chưa được quan tâm đúng mức.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1- Quan điểm

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng chiến lược quan trọng để phát triển đất nước, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác, nhưng không nhất thiết địa phương nào cũng xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn.

- Phát triển du lịch thực sự là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh cao; xã hội hoá cao và có nội dung văn hoá sâu sắc; tăng cường liên kết trong nước và quốc tế, chú trọng liên kết giữa ngành Du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị hình thành nên các sản phẩm du lịch.

- Phát triển đồng thời cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân và du khách quốc tế tham quan, tìm hiểu, khám phá cảnh quan, di sản thiên nhiên và văn hoá của đất nước; tôn trọng và đối xử bình đẳng đối với khách du lịch từ tất cả các thị trường.

- Phát triển du lịch bền vững; bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo vệ môi trường và thiên nhiên; giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Phát triển du lịch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, của toàn xã hội, có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ đảng; phát huy mạnh mẽ vai trò động lực của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; tập trung nguồn lực quốc gia cho phát triển du lịch.

2- Mục tiêu

- Đến năm 2020, ngành Du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực.

Thu hút được 17 - 20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 82 triệu lượt khách du lịch nội địa; đóng góp trên 10% GDP, tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỉ USD; giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 20 tỉ USD; tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp.

- Phân đầu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành Du lịch phát triển hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển du lịch

Nhận thức rõ du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hoá cao và nội dung văn hoá sâu sắc; có khả năng đóng góp lớn vào phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực khác phát triển, đem lại hiệu quả nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, đối ngoại và an ninh, quốc phòng.

Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phát triển du lịch theo quy luật kinh tế thị trường, bảo đảm nhất quán từ quan điểm, mục tiêu, chương trình hành động và có thể chế, chính sách đột phá, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong xây dựng, bảo vệ hình ảnh, môi trường, góp phần phát triển bền vững, không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu và sức thu hút của du lịch Việt Nam.

2- Cơ cấu lại ngành Du lịch bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại và phát triển bền vững theo quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

Hoàn thiện cơ cấu ngành Du lịch, bảo đảm phát triển đồng bộ trong tổng thể phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Rà soát, điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch theo hướng tập trung nguồn lực xây dựng các khu vực động lực phát triển du lịch.

Xây dựng và triển khai Đề án cơ cấu lại ngành Du lịch theo hướng ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch; liên kết chuỗi giá trị đầu vào của các ngành; tập trung phát triển sản phẩm du lịch biển, đảo, du lịch văn hoá, tâm linh, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng có sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh cao; kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch theo hướng hiện đại, khác biệt; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến quảng bá gắn với sản phẩm và thị trường; bảo đảm môi trường du lịch an toàn, văn minh.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch khẩn trương xây dựng đề án cơ cấu lại ngành Du lịch của địa phương.

3- Hoàn thiện thể chế, chính sách

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp; có cơ chế, chính sách phù hợp và đột phá để phát triển du lịch thành kinh tế mũi nhọn, đáp ứng yêu cầu, tính chất của ngành kinh tế tổng hợp, hoạt động theo cơ chế thị trường. Ban hành cơ chế, chính sách huy động tối đa nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển du lịch theo định hướng cơ cấu lại ngành Du lịch.

Trước mắt, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các chính sách trực tiếp liên quan đến phát triển du lịch:

- Về đầu tư, ban hành các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào du lịch, nhất là các địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa có tiềm năng du lịch, sản phẩm du lịch đặc thù và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch. Tăng cường hợp tác công - tư để huy động các nguồn lực trong xã hội cho phát triển du lịch. Nhà nước ưu tiên bố trí vốn cho công tác xây dựng quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực, quảng bá xúc tiến.

- Về tài chính, chuyển đổi cơ chế phí tham quan sang cơ chế giá dịch vụ; điều chỉnh giá điện áp dụng cho các cơ sở lưu trú du lịch ngang bằng với giá điện sản xuất; có chính sách phù hợp về thuế sử dụng đất và tiền thuê đất đối với các dự án du lịch có hệ số sử dụng đất cho xây dựng thấp và hạn chế về chiều cao, chính sách đất đai hợp lý đối với diện tích xây dựng ký túc xá, nhà ở cho người lao động du lịch tại những nơi hạn chế về nguồn nhân lực; tạo điều kiện thuận lợi hoàn thuế giá trị gia tăng cho khách du lịch.

Thành lập và có cơ chế quản lý, sử dụng hiệu quả Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch. Ngân sách nhà nước hỗ trợ ban đầu cho Quỹ và hằng năm được bổ sung từ nguồn thu lệ phí thị thực nhập cảnh, phí tham quan du lịch, đóng góp của doanh nghiệp, khách du lịch và các nguồn hợp pháp khác.

- Về thủ tục nhập cảnh, tiếp tục hoàn thiện, ban hành chính sách tạo thuận lợi tối đa và đơn giản về thủ tục thị thực nhập cảnh cho khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.

- Đối với những vấn đề cấp bách cần triển khai ngay để tạo đột phá cho du lịch phát triển, nếu chưa có văn bản pháp luật quy định hoặc có quy định khác thì cho thực hiện thí điểm.

4- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành Du lịch

Dành nguồn lực thích hợp từ ngân sách nhà nước đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, động lực; nâng cao khả năng kết nối giao thông tới các khu, điểm du lịch, kiểm soát chất lượng dịch vụ và đảm bảo an toàn giao thông cho khách du lịch. Đầu tư các điểm dừng, nghỉ trên các tuyến du lịch đường bộ. Đẩy mạnh thực hiện chính sách "mở cửa bầu trời", triển khai thực hiện thương quyền 5 về hàng không; tạo điều kiện cho các hãng hàng không mở các đường bay mới kết nối Việt Nam với thị trường nguồn, tăng cường tần suất các đường bay có sẵn; giải quyết các điểm nghẽn và tình trạng quá tải tại các cảng hàng không. Tập trung đầu tư một số cảng biển và cảng thủy nội địa chuyên dùng tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch đường biển và đường sông. Cải thiện hạ tầng và chất lượng dịch vụ đường sắt phục vụ khách du lịch.

Tăng cường thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành Du lịch. Khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược đầu tư hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí chất lượng cao tại các địa bàn trọng điểm.

5- Tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch

Đổi mới cách thức, nội dung, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, bảo đảm thực hiện thống nhất, chuyên nghiệp và nâng cao hiệu quả xúc tiến quảng bá du lịch trong nước và nước ngoài. Xây dựng và định vị thương hiệu du lịch quốc gia gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

Kết hợp sử dụng nguồn lực của Nhà nước và huy động sự tham gia của toàn xã hội trong hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan đại diện và thương vụ Việt Nam tại nước ngoài trong việc xúc tiến quảng bá du lịch. Khuyến khích doanh nghiệp du lịch đặt văn phòng đại diện tại nước ngoài. Phát huy vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch.

Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, tạo đột phá trong hoạt động xúc tiến quảng bá thị trường trong nước, kết hợp với nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí ngành Du lịch.

6- Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển du lịch

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Khuyến

khích doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, đa dạng hoá các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp với định hướng cơ cấu lại ngành Du lịch. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp kinh doanh du lịch, đặc biệt ở những địa phương vùng sâu, vùng xa. Chú trọng bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp du lịch; xử lý nghiêm hành vi cạnh tranh thiếu lành mạnh.

Tạo điều kiện thuận lợi để người dân trực tiếp tham gia kinh doanh và hưởng lợi từ du lịch; có chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Nâng cao vai trò của cộng đồng, xây dựng cộng đồng du lịch văn minh, thân thiện trong ứng xử với khách du lịch; phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan đến du lịch.

7- Phát triển nguồn nhân lực du lịch

Nhà nước có chính sách thu hút đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực du lịch; tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo du lịch cả về cơ sở vật chất kỹ thuật, nội dung, chương trình và đội ngũ giáo viên. Đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực phát triển nguồn nhân lực du lịch.

Đa dạng hoá các hình thức đào tạo du lịch. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến trong đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả về quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và lao động nghề du lịch. Chú trọng nâng cao kỹ năng nghề, ngoại ngữ và đạo đức nghề nghiệp cho lực lượng lao động ngành Du lịch.

Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn nghề quốc gia về du lịch tương thích với các tiêu chuẩn trong ASEAN; thành lập Hội đồng nghề du lịch quốc gia và Hội đồng cấp chứng chỉ nghề du lịch.

8- Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về du lịch và các lĩnh vực liên quan để tạo điều kiện cho phát triển du lịch; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực du lịch theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển du lịch.

Kiểm toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý liên ngành, liên vùng của hoạt động du lịch; phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo nhà nước về du lịch.

Nâng cao năng lực, trách nhiệm và quyền hạn của Tổng cục Du lịch. Thành lập sở du lịch tại các địa phương có điều kiện phát triển du lịch theo nguyên tắc không tăng thêm biên chế.

Nghiên cứu xác định mô hình, hệ thống tổ chức, quản lý ngành Du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trong tình hình mới.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và liên ngành, kiểm soát chất lượng dịch vụ hệ thống khách sạn, các doanh nghiệp lữ hành, đội ngũ hướng dẫn viên và các cơ sở dịch vụ du lịch; khẩn trương triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý thuế, phí để chống thất thu trong hoạt động du lịch.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức triển khai, quản lý hoạt động du lịch; xử lý dứt điểm các tệ nạn đeo bám, ép khách, cướp giật; bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, xây dựng môi trường du lịch văn minh, an toàn, thân thiện.

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế, phát huy tiềm năng, thế mạnh và khai thác các cơ hội, nguồn lực để phát triển, gắn kết du lịch Việt Nam với du lịch của các nước trong khu vực và thế giới, đồng thời khắc phục những hạn chế của du lịch Việt Nam.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết; theo chức năng, nhiệm vụ, xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết.

Ban cán sự đảng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chỉ đạo tổ chức quán triệt, xây dựng và triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết trong ngành Du lịch.

2- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các luật, pháp lệnh, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để du lịch phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

3- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng và thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị việc tổ chức thực hiện Nghị quyết. Ban Chỉ đạo nhà nước về du lịch chỉ đạo việc phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện Nghị quyết

Nơi nhận :

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 30-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số: ...51X04...
Ngày: 29.11.2022

**về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 13-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng, các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng; khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, tiếp tục khẳng định vai trò là vùng kinh tế động lực, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của cả nước. Một số địa phương phát triển bứt phá, trở thành điểm sáng của vùng và cả nước. Kinh tế vùng tăng trưởng bình quân giai đoạn 2005 - 2020 đạt 7,94%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước; quy mô kinh tế tăng nhanh, năm 2020 đạt 2,37 triệu tỉ đồng, chiếm 29,4% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 103,6 triệu đồng/năm, gấp 1,3 lần bình quân cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ giữ vai trò trụ cột. Thu hút đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Đô thị phát triển nhanh, tỉ lệ đô thị hoá trên 41%. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt thành tựu nổi bật, 99,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Kinh tế biển phát triển khá, đặc biệt thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh dần trở thành trung tâm kinh tế biển lớn. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển mạnh mẽ, đi đầu trong thực hiện các đột phá chiến lược và đổi mới mô hình tăng trưởng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư và phát triển khá đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông; phát huy tốt vai trò của các hành lang, vành đai kinh tế. Quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Văn hoá - xã hội được quan tâm phát triển; các giá trị văn hoá được bảo tồn và phát huy; quy mô, chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế được nâng lên rõ rệt, dẫn đầu cả nước. Nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng nhanh. Khoa học - công

nghệ được ứng dụng mạnh mẽ. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên rõ rệt, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của vùng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm; các địa phương phát triển không đồng đều, tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào vốn và lao động. Cơ cấu thu ngân sách ở một số địa phương chưa bền vững. Công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, nhất là quy hoạch đô thị; tình trạng quy hoạch "treo", dự án "treo" còn khá phổ biến. Hệ thống đô thị phát triển chưa hợp lý, thiếu bền vững; phát triển nhà ở xã hội chưa đáp ứng yêu cầu; các khu công nghiệp thiếu liên kết, chưa hình thành được các cụm liên kết ngành. Đầu tư công còn dàn trải, hiệu quả chưa cao, một số dự án chậm tiến độ, thua lỗ. Quản lý đất đai, tài nguyên còn nhiều hạn chế; ô nhiễm môi trường ngày càng phức tạp, nhất là nước thải, chất thải nguy hại. Phát triển văn hoá - xã hội nhiều mặt còn bất cập; đào tạo nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; chất lượng y tế cơ sở, y tế dự phòng yếu, chưa được chú trọng, tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến cuối chưa được khắc phục. Liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong vùng chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp. Nhiệm vụ phát triển thành phố Nam Định thành đô thị hạt nhân của tiểu vùng Nam đồng bằng Sông Hồng và xây dựng Khu kinh tế tổng hợp Vân Đồn (Quảng Ninh) chưa hoàn thành. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, năng lực quản lý nhà nước ở một số địa phương còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do: Nhận thức về vị trí, vai trò của vùng và phát triển vùng chưa đầy đủ; thể chế, liên kết vùng chậm được đổi mới. Thiếu cơ chế, chính sách gắn kết giữa mục tiêu phát triển của địa phương với mục tiêu chung của vùng. Chất lượng quy hoạch vùng và địa phương trong vùng thấp, thiếu liên kết; tình trạng tùy tiện trong điều chỉnh quy hoạch diễn ra khá phổ biến. Nguồn lực bố trí thực hiện các công trình, dự án có tính liên kết vùng gặp khó khăn. Phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có lúc, có nơi chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng đồng bằng Sông Hồng là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá, lịch sử đặc sắc của dân tộc. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế vượt trội để phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng Sông Hồng thực sự là vùng động lực phát triển hàng đầu, có vai trò định hướng, dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước.

- Phát triển vùng phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hệ thống quy hoạch quốc gia. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết và phát triển vùng đủ mạnh, thiết thực, hiệu quả; thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới; tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng; phát huy vai trò và khai thác hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hệ thống đô thị để tạo đột phá phát triển vùng.

- Khai thác và phát huy các thế mạnh của vùng về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên, các giá trị văn hoá, lịch sử; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là đất đai, nhân lực chất lượng cao; phát triển nhanh mạng lưới đô thị với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đi đầu trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số; cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thu hút nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế để tập trung phát triển các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn, bảo đảm đồng bằng Sông Hồng trở thành vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái dẫn đầu cả nước.

- Phát triển kinh tế hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá, giá trị lịch sử, nhất là văn hoá đồng bằng Bắc Bộ. Phát triển hệ thống y tế, giáo dục - đào tạo chất lượng cao, hiện đại, tương đương với các quốc gia phát triển trong khu vực. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị. Chú trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đẩy mạnh phân công, phối hợp và phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển nhanh, bền vững, có cơ cấu kinh tế hợp lý, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc; tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn có giá trị kinh tế cao; trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao của cả nước; đi đầu về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số; có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đô thị thông minh, có tính kết nối cao. Tình trạng ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường; quốc phòng, an ninh được giữ vững; quan hệ đối ngoại mở rộng, hội nhập quốc tế hiệu quả. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, dẫn đầu cả nước. Xây dựng Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại", trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng và cả nước, phấn đấu ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2021 - 2030, tăng trưởng GRDP đạt bình quân khoảng 9%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng khoảng 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm và thủy sản chiếm khoảng 3,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 47%; dịch vụ chiếm khoảng 41%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8,5%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 274 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt trên 7%. Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2030 đạt 55%. Kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP. Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 55%; có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 76%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 68%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 48 - 52%, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức

dưới 3%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm khoảng 1,5%/năm. Đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ/vận dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 85%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, y tế và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới, thông minh, xanh, bền vững. Người dân có thu nhập cao, cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc. Các tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Quán triệt, thống nhất cao về nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương về vai trò, vị trí và tầm quan trọng đặc biệt của vùng và liên kết vùng; coi liên kết phát triển vùng là xu thế tất yếu, là động lực kết nối và dẫn dắt sự phát triển của các địa phương trong vùng.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề môi trường nội vùng và liên vùng, phát triển các cụm liên kết ngành. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, tạo nguồn lực, động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép

các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng.

- Khẩn trương hoàn thiện, phê duyệt quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức không gian phát triển vùng bảo đảm cân bằng, bền vững, kết nối hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế, các cực tăng trưởng và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông. Quy hoạch các địa phương bảo đảm phù hợp với quy hoạch vùng; xây dựng và triển khai hiệu quả các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm. Quy hoạch các địa phương có biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia và Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, bảo đảm tính liên kết giữa vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội. Công khai, thực hiện nghiêm và hiệu quả các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, thành phố; giữ nghiêm kỷ cương quy hoạch, tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý kịp thời các vi phạm về quy hoạch. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ đất.

- Tiếp tục phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng; phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, tài chính, ngân hàng, du lịch và đô thị thông minh. Vùng Nam đồng bằng Sông Hồng phát triển các ngành nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển các khu kinh tế ven biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá, tâm linh gắn với bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng và tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tập trung đầu tư phát triển các hành lang kinh tế, tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng, quốc tế gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam; Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình.

2. Phát triển kinh tế vùng

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên nền tảng ứng

dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát huy vai trò đầu tàu, động lực của các tỉnh, thành phố trong vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Hình thành, phát triển và nâng cao hiệu quả các trung tâm đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình kinh tế mới. Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, phấn đấu ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ít phát thải khí nhà kính, có khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng cao, tham gia sâu, toàn diện vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại, có lợi thế như công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, ô tô, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mới như chip, bán dẫn, robot, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới. Thúc đẩy phát triển các vành đai công nghiệp, hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt.

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, sinh thái theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh. Phát huy lợi thế nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đa dạng theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Tập trung phát triển các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh quy mô lớn, chất lượng cao như lúa, rau, hoa, quả đặc sản, cây cảnh; phát triển mạnh chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm chủ lực như lợn, bò, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu. Thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp; hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã. Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hoá. Bảo vệ, giữ gìn môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

- Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại của khu vực Đông Nam Á; trong đó Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch mang tầm khu vực và quốc tế; thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại. Tập trung phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế và đa dạng loại hình dịch vụ; cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính, tiền tệ, bảo đảm minh bạch, bền vững, hội nhập, an toàn hệ thống. Chuyển đổi số toàn diện hệ thống ngân hàng, phát triển các mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích. Đầu tư phát triển hệ thống logistics, chợ đầu mối hiện đại, thông minh, bền vững; đẩy mạnh thương mại điện tử; hình thành các sàn giao dịch hàng hoá và các cụm, khu vực hội chợ triển lãm. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chủ động các biện pháp phòng vệ phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế, bảo đảm cân bằng cán cân xuất nhập khẩu.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với sản phẩm đa dạng, độc đáo, gắn với phát huy giá trị của nền văn minh Sông Hồng; chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch; tiếp tục đầu tư phát triển các khu du lịch quốc gia trong vùng, phấn đấu đến năm 2030 thu hút trên 120 triệu lượt khách. Tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới.

- Phát triển bền vững kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng; chú trọng phát triển kinh tế biển khu vực Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Đẩy nhanh xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, phát huy vai trò động lực của các khu kinh tế ven biển gắn với các khu đô thị ven biển. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực biển; xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. Hoàn thiện Trung tâm nghề cá lớn tại Hải Phòng.

3. Phát triển hệ thống đô thị bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

- Phát triển hệ thống đô thị trong vùng theo mạng lưới, phân bố hợp lý, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; lấy định hướng phát triển giao thông công cộng (theo mô hình TOD) làm cơ sở quy hoạch đô thị. Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ Sông Hồng và các sông lớn trong vùng;

đáp ứng yêu cầu thoát lũ, phòng, chống thiên tai, khai thác, sử dụng hiệu quả không gian, quỹ đất. Triển khai hiệu quả xây dựng Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân, động lực của các đô thị trong vùng. Phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á; thành phố Hải Phòng xanh, thông minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình gắn với phát triển kinh tế biển, liên kết chặt chẽ thông qua vành đai kinh tế ven biển. Tiếp tục thực hiện di dời các trường đại học, bệnh viện ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội. Tập trung cải tạo, chỉnh trang các chung cư hết niên hạn sử dụng, chung cư xuống cấp, mất an toàn, đặc biệt là ở các đô thị. Có chính sách đủ mạnh thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội, xây dựng các thiết chế văn hoá, nhất là tại các địa phương có công nghiệp phát triển nhanh, thu hút nhiều lao động.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đa dạng hoá các nguồn lực và hình thức đầu tư, chú trọng hình thức đối tác công - tư. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình động lực, có tính lan toả, kết nối vùng. Tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, nhất là hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, IoT... Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư các công trình văn hoá, thể thao, du lịch. Chú trọng đầu tư các công trình thu gom, xử lý rác thải, nước thải, chống ngập, nhất là tại Hà Nội, các đô thị lớn. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, đê biển, nhất là các tuyến đê cấp III, cấp đặc biệt thuộc hệ thống Sông Hồng, sông Thái Bình; chú trọng đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, cảng hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các hành lang kết nối của vùng. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm một số công trình

hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia có tính liên kết vùng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai, các trục hướng tâm, hệ thống giao thông tỉnh; khẩn trương hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc...

- Đến năm 2030, hoàn chỉnh các tuyến đường bộ cao tốc hướng tâm và các tuyến vành đai vùng Thủ đô (ưu tiên vành đai 4, vành đai 5). Nâng cấp hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ đạt cấp III, mở rộng tối thiểu 4 - 6 làn xe đối với đoạn qua đô thị; các tuyến tỉnh lộ cơ bản đạt cấp III, IV. Đầu tư hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc (đoạn qua vùng) theo quy hoạch; mở rộng một số đoạn ưu tiên trên một số tuyến quốc lộ trong vùng theo quy hoạch và đường bộ ven biển qua Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Cải tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, kết nối thông suốt tuyến đường sắt liên vận đạt tiêu chuẩn quốc tế; hoàn thành tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh), tuyến Hà Nội - Hải Phòng, tuyến vành đai phía Đông Hà Nội (đoạn Ngọc Hồi - Thạch Lỗi).

- Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa từ Hải Phòng, Quảng Ninh đi Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tỉnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên Sông Hồng. Đầu tư các bến mới tại cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh; khai thác hiệu quả cảng quốc tế Lạch Huyện. Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn theo quy hoạch.

4. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Tập trung phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng đầu của cả nước. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số. Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học - công nghệ quốc gia và của vùng. Tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ ở một số lĩnh vực có thể mạnh đạt trình độ quốc tế. Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ cho vùng. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia, thành lập, mở rộng quy mô các quỹ phát triển khoa học - công nghệ; thành lập và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu; phát triển thị trường khoa học - công nghệ hiệu quả, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học - công nghệ và đổi

mới sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế. Tăng đầu tư, đa dạng hoá và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học - công nghệ, trong đó bảo đảm tỉ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu 2% cho khoa học - công nghệ. Tiếp tục hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của các địa phương.

- Phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ số; tăng nhanh tỉ trọng kinh tế số trong GDP. Khẩn trương phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh.

- Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng, phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sản phẩm dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam..., trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học; Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, tự động hoá, công nghệ sinh học. Phần đầu số doanh nghiệp khoa học - công nghệ tăng gấp 2 lần so với năm 2020; tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo chiếm 50% tổng số doanh nghiệp hoạt động; tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 50%.

5. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát huy vai trò là trung tâm của cả nước trong đào tạo nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng tập trung phát triển năng lực, kỹ năng, phẩm chất cho người học, hài hoà đức, trí, thể, mỹ. Đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em. Chuẩn hoá và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cả trí tuệ, thể chất; hình thành phẩm chất, năng lực người học, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Tăng cường đầu tư, phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, một số trường đại học lớn, đa ngành trong vùng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo, tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước. Đẩy mạnh hợp tác

quốc tế, xã hội hoá và tự chủ đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đạt trình độ khu vực, thế giới, chú trọng các chương trình đào tạo cử nhân tài năng, chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến và các chương trình đào tạo quốc tế.

- Tập trung đầu tư, thu hút mọi nguồn lực xã hội cho phát triển nhân lực, trọng tâm là đào tạo nghề. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, tăng nhanh tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực phục vụ phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có thế mạnh của vùng. Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt và hội nhập, có sự kiểm soát, quản lý, điều tiết của Nhà nước để chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, giảm tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức; nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ, hội nhập quốc tế; thúc đẩy chuyển dịch và phân bổ hợp lý lao động; hình thành cơ sở dữ liệu quản lý lao động, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

6. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

- Phát triển văn hoá ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh của Nhân dân trong vùng. Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hoá với phát triển du lịch; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể, không gian, kiến trúc văn hoá làng, xã nông thôn truyền thống; tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hoá mới. Phát triển mạng lưới thiết chế văn hoá đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của Nhân dân. Xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hoá đặc trưng của nền văn minh Sông Hồng. Nâng cấp, hiện đại hoá một số bảo tàng lớn, trung tâm điện ảnh, nhà hát tại Hà Nội và các đô thị lớn trong vùng. Bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, di sản văn hoá như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cổ đô Hoa Lư, các khu di tích quốc gia, đền, chùa, dân ca Quan họ, Ca trù, hát Chèo, Chầu văn, các lễ hội văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống... Rà soát, phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị, di tích lịch sử, di sản văn hoá của các địa phương: Phố Hiến (Hưng Yên), Tràng An (Ninh Bình), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Yên Tử (Quảng Ninh)... Phát triển Thủ đô

xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hoá, kinh tế thể thao. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, phổ cập và hiện đại; hỗ trợ người dân ứng phó hiệu quả trước các rủi ro về kinh tế - xã hội và môi trường. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về ưu đãi người có công, giảm nghèo bền vững, trợ giúp xã hội; quan tâm, tạo điều kiện để các đối tượng yếu thế tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên hoà nhập cộng đồng. Làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Phát triển đồng bộ hệ thống y tế vùng theo quy hoạch; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế toàn dân. Đầu tư các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới; gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Nâng cấp bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hạng I để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối. Tăng cường quản lý dược phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch, khám, chữa bệnh và phòng, chống tiêu cực. Duy trì tỉ lệ sinh, khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo.

7. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững đất đai; bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở dữ liệu địa chính toàn vùng. Đánh giá đúng hiện trạng đất chưa sử dụng trong vùng. Khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý, thu hồi đúng pháp luật, không để tái diễn tình trạng dự án "treo", sử dụng không đúng quy hoạch, sai mục đích, phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực; lành mạnh hoá thị trường bất động sản.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực Sông Hồng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh nguồn nước lưu vực Sông Hồng, Sông Đà, Sông Lô. Có biện pháp để cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các sông Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải... Tăng nhanh tỉ lệ dân cư được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị khác, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô, đặc biệt là sông Tô Lịch; khẩn trương khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn, nhất là các làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, khu vực đông dân cư. Xây dựng, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia để định hướng vị trí, quy mô các khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải và phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt.

- Phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia (Bãi Từ Long, Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Cúc Phương, Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc móng trắng Kim Bảng...); ứng phó, giải quyết các sự cố, phục hồi môi trường vùng ven biển. Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc, vùng cửa Sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.

8. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc, nhất là khu vực phòng thủ của vùng và các địa phương trong vùng. Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Triển khai hiệu quả các quy hoạch quốc phòng; đầu tư xây dựng các khu kinh tế quốc phòng theo quy hoạch, phù hợp với các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng.

- Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, không bị động, bất ngờ. Chủ động phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hoá mọi âm mưu, hoạt

động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, phản động. Bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực; bảo đảm an ninh trật tự trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; bảo vệ bí mật nhà nước. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các tình huống, các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống; phòng ngừa, trấn áp và xử lý hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, chủ động tham gia các sáng kiến liên kết, kết nối với các nước trong khu vực, quốc tế. Tăng cường thu hút FDI, ODA; phát triển quan hệ thương mại ổn định, bền vững với thị trường Trung Quốc, phát huy vị trí cửa ngõ kết nối của ASEAN, đa dạng hoá đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Ninh). Làm tốt công tác đối ngoại nhân dân, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác.

9. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng các địa phương trong vùng tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền các cấp, phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đổi mới công tác dân vận, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động, hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân cả nước, nhất là các địa phương trong vùng đồng bằng Sông Hồng nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và xây dựng quy hoạch vùng, địa phương; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, chủ động phối hợp với các địa phương vùng đồng bằng Sông Hồng để thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ**



Nguyễn Phú Trọng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/NQ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện
Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị
về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền
địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính
trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng
Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 531/TTr-BKHĐT
ngày 19 tháng 01 năm 2023.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

**Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW
ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội
và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP
ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)*

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 30-NQ/TW), Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 30-NQ/TW nhằm xây dựng đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đồng bộ, hiện đại, thông minh; hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới, thông minh xanh, bền vững phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

2. Chương trình hành động phải cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 30-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 30-NQ/TW; là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW.

3. Chương trình hành động phải thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng quyết tâm phấn đấu để sớm đạt được các mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời, xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án và dự án quan trọng; mở rộng hợp tác quốc tế; đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng Sông Hồng với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 9%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng khoảng 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm và thủy sản chiếm khoảng 3,5%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 47%, dịch vụ chiếm khoảng 41%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8,5%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 274 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 7%. Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 đạt 55%. Kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 55%. 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 76%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 68%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 48 - 52%, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm khoảng 1,5%/năm. Đạt 32 giường bệnh/vạn dân và 11 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 85%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Giảm ít nhất 9% lượng phát thải khí nhà kính.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ và các Chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng đồng bằng Sông Hồng đối với cả nước.

- Đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là liên kết vùng, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ thống đô thị thông minh, hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phân bổ nguồn lực và quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề quốc gia tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết số 30-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ cần được tiến hành với quy mô sâu rộng, với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng để tạo đột phá phát triển vùng.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Hoàn thành lập và phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng và quy hoạch tỉnh của các địa phương trong vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, phát triển nhanh, bền vững phù hợp với vị trí địa kinh tế - chính trị. Tổ chức không gian phát triển vùng bảo đảm cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển các hành lang kinh tế, gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam; Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; phát triển các chuỗi đô thị hiện đại và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông đồng bộ, kết nối giữa các cực tăng trưởng trong vùng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), nội vùng, liên vùng, các đầu mối trung tâm kinh tế trên toàn tuyến, hành lang kinh tế.

- Quy hoạch của các tỉnh, thành phố trong vùng bảo đảm phù hợp với quy hoạch vùng; xây dựng và triển khai hiệu quả các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm. Quy hoạch các địa phương có biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia, giữa vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

- Hình thành các vùng động lực và các khu vực phát triển công nghiệp, thương mại, tài chính, ngân hàng, dịch vụ, nông nghiệp hiệu quả cao, hữu cơ, tuần hoàn; phát triển dịch vụ, logistics. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, tài chính, ngân hàng, du lịch và đô thị thông minh. Vùng Nam đồng bằng Sông Hồng, phát triển ngành nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển các khu kinh tế ven biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, tâm linh gắn với bảo vệ môi trường.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất phù hợp với không gian phát triển; lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển, dự án đầu tư phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Quản lý, khai thác có hiệu quả quỹ đất, nhất là quỹ đất được hình thành từ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

- Rà soát, sớm điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành để đáp ứng tốt hơn các điều kiện đặc thù cho vùng phát triển đột phá. Nghiên cứu, xây dựng thể chế điều phối vùng đủ mạnh để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả điều phối, liên kết vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường liên tỉnh, phát triển các cụm liên kết ngành về môi trường... Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư nhằm khuyến khích các địa phương tạo nguồn thu; xây dựng tỷ lệ điều tiết ngân sách phù hợp cho các tỉnh, thành phố tạo động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương chủ động tham gia các hoạt động liên kết và đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng; ngân sách cấp này được thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp khác đối với các dự án vùng, liên vùng vì lợi ích chung của địa phương, vùng và cả nước.

- Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các mô hình, cơ chế, chính sách mới, đặc thù cho vùng, trong đó có các cơ chế, chính sách tạo đột phá để tiếp tục phát triển Thủ đô Hà Nội, tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô để có cơ chế, chính sách vượt trội cho Hà Nội phát huy vai trò là đầu tàu, động lực phát triển của vùng và cả nước.

3. Phát triển kinh tế vùng

Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, xã hội số thích ứng biến đổi khí hậu; lấy công nghiệp, dịch vụ hiện đại tiếp tục và nông nghiệp hiệu

quả cao dựa trên ứng dụng công nghệ cao tiếp tục là trụ cột của nền kinh tế. Phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp.

a) Phát triển công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp vùng theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ứng dụng nền tảng số, thân thiện với môi trường, ít phát thải khí nhà kính, có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh, tham gia sâu, toàn diện vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, trọng tâm phát triển là công nghiệp hiện đại có lợi thế như công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số (gồm: công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp điện tử và các ngành công nghiệp mới sản xuất chip, bán dẫn), ô tô, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh.

- Huy động có hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu kinh tế theo hướng hiện đại, đồng bộ, nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp hiện có, gắn với các hành lang, vành đai kinh tế. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh để hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mới như sản xuất chip, bán dẫn, sản xuất rô-bốt, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới.

- Thúc đẩy phát triển các hành lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Nội Bài - Hạ Long, Hà Nội - Việt Trì qua thành phố Vĩnh Yên, Hà Nội - Lạng Sơn và vành đai kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Phát triển tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, là trung tâm công nghiệp động lực của vùng. Hình thành khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với phát triển khu công nghiệp, khu đô thị - dịch vụ nhằm cung ứng dịch vụ, tiện ích công cộng cho khu công nghiệp; tăng cường liên kết hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt.

b) Phát triển nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp dựa trên ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, sản xuất sản phẩm có giá trị cao theo chuỗi giá trị, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh. Tập trung phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa lớn, chất lượng cao như: lúa, rau, hoa, quả đặc sản, cây cảnh; chú trọng xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản đặc hữu cho vùng, địa phương; tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào trong chăn nuôi công nghiệp, theo mô hình trang trại, trong đó tập trung vào các sản phẩm chủ lực như lợn, bò, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu. Tập trung đầu tư hoàn thành Trung tâm hậu cần nghề cá lớn tại thành phố Hải Phòng. Phát triển kinh tế lâm nghiệp kết hợp với bảo vệ chặt chẽ, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển và khu bảo tồn thiên nhiên.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng nền tảng số và dữ liệu số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp như công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản. Hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã để phát triển theo chuỗi giá trị như: Cụm liên kết trồng lúa, rau, hoa, quả đặc sản, nuôi trồng thủy hải sản, gắn với cơ sở chế biến, bảo quản, phân phối tại các tỉnh trong vùng; cụm liên kết sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ gắn với các làng nghề truyền thống của các địa phương; liên kết ngoại vùng trong sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa, bảo vệ, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo tồn không gian kiến trúc văn hóa làng, xã truyền thống nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ; bảo vệ môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

c) Phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch:

- Phát triển các ngành dịch vụ và thương mại của vùng theo hướng hiện đại, đa dạng với trọng tâm là phát triển thương mại, logistics, du lịch, tài chính - ngân hàng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng tiềm năng, có thế mạnh của vùng đồng bằng Sông Hồng như các sản phẩm chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, các sản phẩm nông nghiệp hiệu quả cao, hữu cơ, tuần hoàn. Tăng cường kết nối giữa các địa phương trong vùng và liên kết vùng theo hướng trao đổi hàng hóa, gắn với liên kết các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm, quảng bá, giao lưu quốc tế. Chú trọng phát triển thương mại biên giới ổn định gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Đầu tư phát triển hệ thống logistics, chợ đầu mối, trung tâm trung chuyển và kho vận, hệ thống kho bãi hiện đại, thông minh, bền vững theo chuẩn quốc tế gắn với các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường ven biển, cửa khẩu và hệ thống cảng biển; hình thành các sàn giao dịch hàng hóa, các cụm, khu vực hội chợ triển lãm, đẩy mạnh thương mại điện tử. Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại khu vực Đông Nam Á; trong đó thành phố Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ du lịch mang tầm khu vực và quốc tế; Hải Phòng là trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại, là cửa ngõ ra biển, kết nối các tuyến hành lang, vành đai kinh tế.

- Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế và đa dạng loại hình dịch vụ; cơ cấu lại hoạt động của thị trường chứng khoán, tài chính, tiền tệ; chuyển đổi số toàn diện hệ thống ngân hàng, phát triển mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích, thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong quản trị điều hành và cung ứng sản phẩm, dịch vụ.

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, bền vững, hội nhập quốc tế và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng với các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có thương hiệu, sức cạnh tranh cao gắn với phát huy giá trị của nền văn minh Sông Hồng; trọng tâm là du lịch văn hóa, kết nối các Di sản tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường quảng bá các sản phẩm du lịch, xúc tiến đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch; tập trung ưu tiên đầu tư các khu du lịch quốc gia trong vùng, như: Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Khu du lịch Ba Vì - Suối Hai, Khu du lịch Tam Đảo, Khu du lịch Tam Chúc; Khu du lịch Tràng An; Khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc, Khu du lịch Hạ Long - Cát Bà; Khu du lịch Vân Đồn; Khu du lịch Trà Cổ. Tăng cường liên kết giữa ngành du lịch với các ngành khác theo chuỗi giá trị sản phẩm, liên kết nội vùng, liên vùng để phát triển các sản phẩm du lịch của vùng hợp tác trao đổi thông tin quản lý nhà nước về du lịch giữa các vùng, xây dựng cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch dài hạn để phát triển sản phẩm du lịch. Phát triển tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới.

d) Phát triển kinh tế biển:

Phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển. Chú trọng phát triển kinh tế biển khu vực Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; tập trung mọi nguồn lực để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển và phát huy vai trò động lực các khu kinh tế ven biển gắn với đô thị ven biển, trung tâm du lịch, dịch vụ logistics; hoàn thành tuyến đường bộ ven biển kết nối liên vùng, các tuyến giao thông kết nối với cảng biển, cảng hàng không, các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản; đào tạo nhân lực biển. Đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng Hải là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực đạt trình độ ngang bằng các nước phát triển trong khu vực để phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng và phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế, hàng đầu Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng. Xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại Quảng Ninh.

4. Phát triển hệ thống đô thị (theo mô hình TOD) bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

- Tập trung phát triển hệ thống đô thị trong vùng hiện đại, thông minh, bền vững, theo mạng lưới và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bố hợp lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất để đồng bằng Sông Hồng trở thành vùng đô thị lớn, có tỷ lệ đô thị hóa cao và chất lượng sống tốt. Lấy định hướng phát triển giao thông công cộng làm cơ sở quy hoạch đô thị (theo mô hình TOD). Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ Sông Hồng và các sông lớn trong vùng, đáp ứng yêu cầu thoát lũ, phòng, chống thiên tai, khai thác, sử dụng hiệu quả không gian, quỹ đất.

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch chung xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân động lực các đô thị trong vùng. Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á; thành phố Hải Phòng phấn đấu trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh, thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết, hình thành các chuỗi đô thị, đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Bình và Nam Định gắn với phát triển kinh tế biển; chuỗi đô thị tại tỉnh Hưng Yên và Hà Nam gắn với hạ tầng y tế - giáo dục cấp vùng và giảm tải cho các đô thị lớn; chuỗi đô thị thuộc các hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, logistics.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm tải cho các đô thị lớn, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh; tiếp tục thực hiện di dời trường đại học, bệnh viện ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội. Tập trung cải tạo, chỉnh trang các chung cư hết niên hạn sử dụng, chung cư xuống cấp, mất an toàn, đặc biệt là các đô thị lớn. Có chính sách đủ mạnh, đẩy nhanh tiến độ phát triển nhà xã hội cho người có thu nhập thấp, nhà ở trong khu công nghiệp cho người lao động và xây dựng các thiết chế văn hóa, nhất là cho công nhân, người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

- Sớm hoàn thiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, đê biển, nhất là các tuyến đê cấp III, cấp đặc biệt thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; ưu tiên đầu tư các công trình phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là phương thức đối tác công tư (PPP), trong đó vốn nhà nước đóng vai trò dẫn dắt nguồn lực khu vực tư nhân để đầu tư các công trình trọng điểm, động lực, có tính lan tỏa, kết nối vùng, kết nối các phương thức vận tải khác nhau. Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các hành lang kết nối của vùng. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai hướng tâm, hệ thống giao thông tỉnh, nhất là sớm hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc,... cụ thể:

(i) Về đường bộ: Đến năm 2027, hoàn thành tuyến đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội, mở rộng quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai, tuyến đường bộ ven biển đoạn qua các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Phấn đấu đến năm 2030, đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch tuyến đường vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội, đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây, đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đường cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long và các đường song hành với các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5 tại Hà Nam và các địa phương trong vùng phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối nguồn vốn; Mở rộng các tuyến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình, Hà Nội - Bắc Giang, Hòa Lạc - Hòa Bình,...; Nâng cấp hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ đạt cấp III, mở rộng tối thiểu 4 - 6 làn xe đối với đoạn qua đô thị, đường tỉnh cơ bản đạt cấp III, IV; Cải tạo, nâng cấp và mở rộng một số đoạn ưu tiên trên một số quốc lộ như: Quốc lộ 6 đoạn Yên Nghĩa - Xuân Mai, Quốc lộ 21C đoạn Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình, Quốc lộ 38C, Quốc lộ 4B đoạn qua tỉnh Quảng Ninh, đường bộ ven biển qua Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, đường vành đai 5 đoạn qua tỉnh Vĩnh Phúc,...

(ii) Về đường sắt: Tập trung cải tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, kết nối thông suốt tuyến đường sắt liên vận đạt tiêu chuẩn quốc tế; hoàn thành tuyến Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh), tuyến Hà Nội - Hải Phòng (thuộc tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng), tuyến vành đai phía Đông - Hà Nội (đoạn Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng - Thạch Lỗi). Xây dựng lộ trình nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc,... và tuyến Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long).

(iii) Về đường thủy nội địa: Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa Hải Phòng, Quảng Ninh về Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tỉnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên Sông Hồng.

(iv) Về cảng biển: Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các bến mới tại khu bến cảng Lạch Huyện (bến số: 3, 4, 5, 6, 7, 8) thuộc cảng biển Hải Phòng để khai thác hiệu quả cảng quốc tế Lạch Huyện. Nghiên cứu đầu tư các bến cảng mới tại cảng biển Quảng Ninh theo quy hoạch.

(v) Về cảng hàng không: Hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn theo quy mô quy hoạch. Nghiên cứu, xác định vị trí và các chỉ tiêu quy hoạch Cảng hàng không quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc.

- Tiếp tục tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội khác. Đa dạng hóa nguồn lực và hình thức đầu tư để phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là hệ thống thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; hệ thống công trình thoát nước, chống ngập tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng và các địa phương trong vùng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các công trình văn hóa, thể thao, du lịch để phát huy thế mạnh của vùng, của từng địa phương. Chú trọng đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, nhất là tại Hà Nội và các đô thị lớn; rà soát, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu đô thị, khu dân cư tập trung; ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số vào quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn, chống biến đổi khí hậu. Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, trong đó ưu tiên tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, internet vạn vật (IoT)... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các địa phương trong vùng, nhất là Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh; triển khai thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng đầu của cả nước; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số; tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ có trình độ tiên tiến ở một số lĩnh vực có thế mạnh đạt trình độ quốc tế, thực sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh. Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ cho vùng; có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong vùng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng lực quản lý các cấp tại địa phương.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất

nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của các địa phương trong vùng; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh. Phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ số; tăng nhanh tỉ trọng kinh tế số trong GRDP. Phân đầu số doanh nghiệp khoa học - công nghệ tăng gấp 2 lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo chiếm 50% tổng số doanh nghiệp hoạt động; tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 50%.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ. Tiếp tục hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của địa phương. Cùng cố, xây dựng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức trong vùng, hình thành mạng lưới các tổ chức có khả năng tiếp nhận, hỗ trợ, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại, gắn kết chặt chẽ với giáo dục - đào tạo, sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp trích lập, sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong vùng.

- Xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng gắn với phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sản phẩm dịch vụ công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam..., trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học; Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, điện tử - bán dẫn, tự động hóa, công nghệ sinh học và y dược, công nghệ vật liệu mới; hình thành các khu nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch tại các tỉnh, thành phố trong vùng, như: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, thúc đẩy kết nối chuỗi giá trị trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, trong đó các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp công nghệ số giữ vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò kiến tạo môi trường thể chế. Hình thành và phát triển hệ sinh thái khoa học công nghệ cho nghiên cứu, phát triển và sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thành phố Hà Nội và quốc gia.

- Bảo đảm chi cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm chủ lực. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, huy động vốn đầu tư, các nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn. Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện hành lang pháp lý để khuyến khích sử dụng kết quả khoa học - công nghệ, tài sản sở hữu trí tuệ góp vốn thành lập doanh nghiệp.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng là trung tâm hàng đầu cả nước về giáo dục, đào tạo, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao theo hướng đổi mới toàn diện cả về năng lực, kỹ năng, phẩm chất, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; phát huy tốt nhất tiềm năng nguồn nhân lực của vùng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em.

- Tập trung đầu tư và thu hút mọi nguồn lực xã hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là đào tạo nghề. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho một số ngành, nghề mũi nhọn đạt trình độ khu vực, thế giới để đáp ứng nhu cầu của thị trường như công nghiệp phụ trợ, sản xuất ô tô, điện tử, chế biến, chế tạo, logistics, du lịch, kinh tế biển, y tế, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, ... Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cả trí tuệ, thể chất; phân luồng, định hướng tiếp cận nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên, góp phần hình thành đội ngũ nhân lực theo quy mô, cơ cấu nghề nghiệp, trình độ đào tạo.

- Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo hướng chuẩn hóa, tăng quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo. Tăng cường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp. Tập trung ưu tiên đầu tư 02-03 trường trọng điểm để thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; 02-03 trường để thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao; đẩy mạnh xã hội hóa và tự chủ đại học; củng cố, phát huy liên kết vùng trong giáo dục đại học, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển. Tăng cường đầu tư, phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Hà Nội và một số trường đại học lớn, đa ngành trong vùng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm để trở thành những trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước.

- Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt và hội nhập, tăng cường kết nối cung - cầu lao động nội vùng và liên vùng, có sự kiểm soát, quản lý, điều tiết của Nhà nước để chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu quản lý lao động đồng bộ, hiện đại, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan như bảo hiểm xã hội, dân cư, thuế. Chú trọng xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

7. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

- Phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển phồn vinh của Nhân dân trong vùng.

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa của vùng, gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc sinh sống ở vùng đồng bằng Sông Hồng và mang đặc trưng nền văn minh Sông Hồng. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, không gian kiến trúc văn hóa làng, xã nông thôn truyền thống; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi với sự phát triển bền vững của vùng và cả nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Ưu tiên đầu tư cho phát triển văn hóa, phân bổ mức đầu tư hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa. Số hóa dữ liệu văn hóa nghệ thuật và di sản văn hóa; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin cơ sở; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở. Hoàn thành xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa một số bảo tàng lớn (Bảo tàng quân sự Việt Nam, Bảo tàng thiên nhiên, Bảo tàng lịch sử quốc gia, Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hà Nội,...), các trung tâm điện ảnh, nhà hát tại Hà Nội và các đô thị lớn trong vùng, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các nhà hát nghệ thuật truyền thống của các tỉnh, thành phố trong vùng.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cổ đô Hoa Lư, các Khu di tích quốc gia, đền, chùa, dân ca quan họ, ca trù, hát chèo, trầu văn, các lễ hội văn hóa,

tín ngưỡng thờ Mẫu, tôn giáo truyền thống... Rà soát, phục dựng trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị, các di tích lịch sử, di sản văn hóa, các khu văn hóa tín ngưỡng lớn của các địa phương trong vùng: Phố Hiến (Hưng Yên); Tràng An, Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình); Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương); Yên Tử (Quảng Ninh); Tam Chúc - Ba Sao (Hà Nam); chuỗi di tích lịch sử, văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc (Bắc Ninh);... Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, di sản văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng của vùng. Xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước, xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội.

- Hình thành một số khu liên hợp thể thao, trung tâm huấn luyện thể thao đạt tiêu chuẩn quốc tế. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế thể thao, tạo nguồn thu cho ngân sách và tái đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao.

- Kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là giảm nghèo đô thị, tạo việc làm. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách về ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội; các chính sách dân tộc, tôn giáo; làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Xây dựng hệ thống y tế của vùng hiệu quả và hội nhập, có dịch vụ chuyên sâu chất lượng cao dẫn đầu cả nước, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân. Phát huy thế mạnh về nguồn nhân lực y tế của vùng, tăng cường đầu tư các cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng về y tế để đào tạo đội ngũ cán bộ y tế đủ về số lượng, chất lượng cung cấp nhân lực cho ngành y tế; rà soát, ban hành các cơ chế nhằm thu hút, đào tạo, đãi ngộ hợp lý đội ngũ thầy thuốc, chuyên gia giỏi.

- Hoàn thành quy hoạch mạng lưới y tế cơ sở thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có tích hợp các cơ sở y tế mang tính liên vùng, liên tỉnh của vùng đồng bằng Sông Hồng. Ưu tiên đầu tư nâng cấp một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa trung ương hạng đặc biệt tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới. Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh hạng I, các bệnh viện vệ tinh để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối nhằm giảm tải cho các tỉnh, thành phố lớn, người dân có thể tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng, toàn diện. Hoàn thành đầu tư xây dựng các cơ sở 2 của Bệnh viện Việt Đức và Bạch Mai tại Hà Nam. Gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Nghiên cứu thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế.

8. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phát triển kinh tế đi đôi với tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai, nước. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia như Bái Tử Long, Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vọc mông trắng Kim Bảng, Hà Nam,... Áp dụng các giải pháp tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học nhằm dựa vào thiên nhiên để phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; giải quyết các sự cố, phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chủ động thích ứng với tình trạng nước biển dâng. Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, vùng cửa sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên để bảo đảm an ninh lương thực, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững theo quy định của pháp luật. Nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở dữ liệu địa chính toàn vùng. Đánh giá đúng hiện trạng đất chưa sử dụng trong vùng. Khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý, thu hồi đúng pháp luật, không để tái diễn tình trạng dự án "treo", sử dụng không đúng quy hoạch, sai mục đích, phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực; lành mạnh hóa thị trường bất động sản.

- Bảo đảm an ninh, an toàn nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh nguồn nước lưu vực sông Hồng, sông Đà, sông Lô và cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các công Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải,... Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng giai đoạn 2021-2030. Huy động nguồn lực quốc tế hỗ trợ vùng đồng bằng Sông Hồng chuyển đổi năng lượng và thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó có bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, với chi phí phù hợp và đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng.

- Tập trung giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị khác, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô, đặc biệt là sông Tô Lịch và các làng nghề khu vực nông thôn. Kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, đông dân cư.

- Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt quy chuẩn gần với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Từng bước hiện đại hóa cơ sở dữ liệu địa chính của toàn vùng. Xây dựng, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia để định hướng vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải và phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt.

9. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Tập trung thực hiện có hiệu quả các quy hoạch trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đầu tư xây dựng các khu kinh tế quốc phòng theo quy hoạch, phù hợp với các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng. Quản lý bảo vệ chặt chẽ các công trình quốc phòng và khu quân sự, điểm cao, khu vực địa hình có giá trị về quốc phòng; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ. Xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc trên nền tảng thế trận toàn dân.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh nhằm vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

- Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô và các tỉnh, thành phố đồng bằng Sông Hồng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, triển khai ứng dụng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm.

- Phát huy tối đa vị thế, lợi thế về vị trí địa chính trị là cửa ngõ kết nối của ASEAN trong công tác đối ngoại để đa dạng hóa đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, hiệu quả thực thi cam kết trong các Hiệp định tự do thương mại thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên. Gắn kết các hoạt động đối ngoại với việc thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Xây dựng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; phát huy hiệu quả liên kết phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững trong khuôn khổ hợp tác hành lang, vành đai.

- Chủ động, tích cực tham gia các sáng kiến liên kết, kết nối với nước láng giềng, các nước trong khu vực và quốc tế. Tăng cường giao lưu nhân dân, thúc đẩy, triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với địa phương của các nước.

Tăng cường vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững các địa phương trong vùng.

10. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của các địa phương vùng đồng bằng Sông Hồng thực sự trong sạch, vững mạnh. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu; triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong một số lĩnh vực, đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện mô hình chính quyền các cấp, phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tụy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng Sông Hồng:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương:

mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 28 tháng 2 năm 2023, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ, giải pháp và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo Trung ương, các bộ, ngành và địa phương chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phổ biến rộng rãi Nghị quyết này.

THÔNG BÁO

**Kết luận của Thủ tướng Phan Văn Khải
tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Ninh Bình**

Ngày 11 tháng 02 năm 2004, Thủ tướng Phan Văn Khải đã đi kiểm tra tình hình phòng, chống dịch cúm gia cầm tại một số cơ sở chăn nuôi gia cầm và làm việc với lãnh đạo tỉnh Ninh Bình. Cùng dự, có đại diện lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giao thông vận tải, Văn phòng Chính phủ và Tổng cục Du lịch. Sau khi nghe lãnh đạo tỉnh Ninh Bình báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2003, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế-xã hội năm 2004 và công tác phòng, chống dập dịch cúm gia cầm của Tỉnh; ý kiến của các Bộ, cơ quan, Thủ tướng Phan Văn Khải đã kết luận như sau:

I- Về chỉ đạo phòng, chống dập dịch cúm gia cầm.

Dịch cúm gia cầm đã xảy ra từ trước Tết Giáp Thân, lây lan nhanh. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan Trung ương, địa phương phải xác định rõ nguyên nhân, sớm rút ra được bài học, có quy chế, biện pháp để phòng, dập dịch tận gốc, tăng cường kiểm tra giám sát chặt chẽ, không để tái diễn các bệnh dịch.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 35- CT/TW ngày 06/02/2004 để huy động toàn bộ hệ thống chính trị và toàn dân tập trung không chế, dập dịch cúm gia cầm. Chính phủ yêu cầu lãnh đạo các tỉnh, đoàn thể nhân dân các địa phương cần thực hiện nghiêm Chỉ thị của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tỉnh phải xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất; triển khai khẩn trương, nghiêm túc.

Để bảo đảm hiệu quả dập dịch, cần khoanh ổ dịch từng xóm, thôn và không tiêu thụ sản phẩm tại xóm, thôn có dịch; hướng dẫn cho dân bảo vệ đàn gia cầm, không ngăn cấm việc tiêu thụ gia cầm trong vùng không bị dịch. Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân, các đoàn thể nhân dân các cấp phân công lãnh đạo, cán bộ về cơ sở, truyền đạt tinh thần của Bộ Chính trị, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tập trung chỉ đạo dập xong dịch cúm gia cầm trong tháng 2 năm

2004, đồng thời, khẩn trương đề ra giải pháp thiết thực để phục hồi, phát triển đàn gia cầm ngay sau khi dập xong dịch.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm huy động, phối hợp với các nhà khoa học nghiên cứu nguyên nhân gây ra dịch cúm gia cầm, đề ra các biện pháp phòng ngừa và sản xuất vac-xin chống dịch.

II- Đánh giá chung về tình hình kinh tế-xã hội của Tỉnh.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh, Ninh Bình đã có bước phát triển khá toàn diện. Năm 2003, trừ chỉ tiêu giá trị xuất khẩu, các chỉ tiêu còn lại đều đạt và vượt kế hoạch: tốc độ tăng trưởng GDP đạt khá (11,76%), vượt gần 4%; cơ cấu sản xuất nông nghiệp có tiến bộ, bước đầu đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh (dứa, cói) có giá trị thu nhập cao hơn; giá trị sản xuất công nghiệp tăng gần 40%, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp của địa phương tăng trên 60%; thu ngân sách vượt 160 tỷ đồng; các lĩnh vực thu hút đầu tư, giáo dục, y tế, xoá đói giảm nghèo có tiến bộ; các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông giảm, tỷ lệ tăng dân số thấp...Đó là những kết quả đáng mừng, tạo đà cho bước phát triển trong những năm tới, nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (2001-2005) Đại hội Đảng bộ Tỉnh đã đề ra.

Tuy nhiên, do điểm xuất phát về kinh tế - xã hội của Tỉnh còn thấp, nên tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhưng tỷ trọng nông-nghiệp còn chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế; giá trị xuất khẩu, quy mô sản xuất còn nhỏ; công tác cổ phần hoá, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước cần tích cực triển khai để tăng cao thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội; đời sống của nhân dân được cải thiện nhưng còn thấp so với khu vực.

III- Phương hướng, nhiệm vụ các năm tới.

Tỉnh đã đề ra các nhiệm vụ, chỉ tiêu cho hai năm còn lại của kế hoạch 5 năm với tinh thần chủ động, tích cực. Để khai thác cao nhất tiềm năng, thế mạnh của mình và tạo bước đột phá để phát triển kinh tế-xã hội, Tỉnh cần làm tốt một số lĩnh vực sau đây:

- Về nông nghiệp, thủy sản: cần chuyển nhanh diện tích nuôi, trồng kém hiệu quả sang nuôi, trồng những cây con có giá trị kinh tế cao hơn (như lúa, cây công nghiệp chất lượng cao, chăn nuôi đặc sản) phù hợp với thị trường trong và ngoài nước; liên kết với các tỉnh trong vùng để hình thành và mở rộng các vùng chuyên canh, kết hợp nuôi, trồng, chế biến, xuất khẩu tập trung, gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội.

- *Về công nghiệp*: Ninh Bình phải phấn đấu trở thành Tỉnh công nghiệp. Theo quy hoạch chung của cả nước, các Bộ, ngành của Trung ương cần nghiên cứu bố trí sản xuất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình một số sản phẩm công nghiệp mà Tỉnh có thể mạnh. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có phương án cụ thể hỗ trợ Tỉnh xây dựng hạ tầng hai khu công nghiệp: Ninh Phúc, Tam Điệp, phát triển các cụm công nghiệp huyện và giúp Tỉnh kêu gọi đầu tư. Tỉnh cần tích cực triển khai công tác cổ phần hoá, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước; có cơ chế hấp dẫn, thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư và các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư; phát triển mạnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo nhiều việc làm cho người lao động.

- *Về dịch vụ, du lịch*: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hoá-Thông tin, Tổng cục Du lịch cần giúp Tỉnh khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế về du lịch của Ninh Bình, để trong thời gian ngắn, xây dựng Ninh Bình trở thành một trong những địa phương có ngành du lịch phát triển đạt tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

IV- Về giải quyết một số đề nghị của Tỉnh.

1- Đồng ý việc hỗ trợ kinh phí để phòng, chống dập dịch cúm và khôi phục đàn gia cầm sau dịch theo quy định chung.

2- Về số thu ngân sách nhà nước hàng năm của thuế xuất nhập khẩu, Tỉnh thực hiện việc nộp ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; đối với những dự án, chương trình quan trọng của Tỉnh cần phải đầu tư, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội bổ sung dự toán ngân sách nhà nước cho Tỉnh theo quy định hiện hành.

3- Về xây dựng Nhà máy phân đạm tại khu công nghiệp Ninh Phúc, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Công nghiệp và các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất, sớm trình Chính phủ xem xét, quyết định.

4- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Tổng cục Du lịch hướng dẫn tỉnh Ninh Bình rà soát lại quy hoạch tổng thể xây dựng Dự án Cụm di tích văn hoá- lịch sử Ninh Bình (Tràng An, Cố đô Hoa Lư...) thành khu du lịch liên hoàn, với chất lượng phục vụ đủ sức hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước, có tầm cỡ quốc gia; trước mắt, phục vụ kịp thời Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội.

- Về Dự án khu du lịch Tràng An, Chính phủ hỗ trợ toàn bộ nguồn vốn để đầu tư hạ tầng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, bố trí vốn để Tỉnh triển khai dần trong một số năm; song song, Tỉnh có cơ

chế kêu gọi đầu tư huy động vốn để làm các sản phẩm du lịch, hướng tới đề nghị UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới (theo Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ).

- Dự án nạo vét, xây kè sông Sào Khê (khu Cố đô Hoa Lư), giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các Bộ liên quan, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai, đáp ứng mục tiêu vừa phục vụ du lịch vừa phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp.

5- Về xây dựng hạ tầng giao thông: đồng ý đề nghị của Tỉnh, giao Bộ Giao thông vận tải sớm khởi công xây dựng nâng cấp tuyến đường quốc lộ 10 (đoạn thị xã Ninh Bình- Kim Sơn- Nga Sơn, Thanh Hoá) vào cuối năm 2004; nâng cấp, mở rộng quốc lộ 12B (Ghènh- Nho Quan) và tuyến nối đường Hồ Chí Minh- quốc lộ 1A vào kế hoạch đầu tư năm 2005.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và các Bộ, ngành liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP,
- Các Bộ: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Công nghiệp, Nông nghiệp & PTNT, Y tế, Thủy sản, GTVT, Xây dựng, VH-TT,
- Tổng cục Du lịch,
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Ninh Bình,
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN,
- Các Vụ: TH, KTTH, NN, CN, KG, VX, TTBC,
- Lưu: ĐP (4), VT.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VPCP
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Công Sự

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số: 323 /TB-VPCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 0930...
	Ngày: 22/8...

THÔNG BÁO

**Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng
tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Nam**

Ngày 09 tháng 8 năm 2013, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã có buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Nam. Sau khi nghe Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013; nhiệm vụ trong thời gian tới và một số kiến nghị, đề xuất của Tỉnh; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Vũ Đức Đam báo cáo tổng hợp ý kiến của các Bộ về xử lý một số kiến nghị của Tỉnh; ý kiến bổ sung của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã kết luận như sau:

I. Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng biểu dương và đánh giá cao những cố gắng, nỗ lực và những kết quả đạt được khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực trong các năm qua của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hà Nam. Năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013, trong điều kiện khó khăn chung, Tỉnh đã phát huy những kết quả đạt được, đề cao tinh thần trách nhiệm, chấp hành nghiêm chỉ đạo của Trung ương và chỉ đạo quyết liệt nên đã đạt được kết quả khá. Năm 2012: Tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 12,5%, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực (tỷ trọng công nghiệp chiếm 51,3%, dịch vụ chiếm 30,3%, nông nghiệp chiếm 18,4%); tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 8,83%. Trong 6 tháng đầu năm 2013, tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 10,1%; thu ngân sách tăng 10,28%; xuất khẩu tăng 50,1%; giải quyết việc làm mới cho gần 01 vạn lao động, tăng 15,4% so với cùng kỳ. Tỉnh đã triển khai tích cực, có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới với tổng vốn đầu tư trên 3.190 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp trên 460 tỷ đồng, xây dựng trên 1.600 km đường giao thông nông thôn, 53 km đường trục nội đồng; trên 2.000 mô hình chăn nuôi lợn trên đệm lót sinh học,...

Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, lao động, việc làm, cải cách hành chính có nhiều tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới: Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục tồn tại, khó khăn, phấn đấu hoàn thành mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ đã đề ra. Nhấn mạnh một số điểm:

1. Khai thác tối đa lợi thế vị trí gần Thủ đô Hà Nội, đầu mối giao thông, nguồn nhân lực có chất lượng cao và lực lượng lao động trẻ để thu hút đầu tư,

phát triển công nghiệp thực hiện mục tiêu tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế; chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ cho ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, sản phẩm có sức cạnh tranh, có giá trị gia tăng lớn, sử dụng tiết kiệm đất đai và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương dồn điền, đổi thửa, thực hiện cơ giới hoá, áp dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát huy hơn nữa cách làm năng động, sáng tạo xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp cho phù hợp với tình hình hiện nay.

3. Huy động, sử dụng tốt nguồn lực của các thành phần kinh tế để tập trung đầu tư, phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, trước hết là hệ thống giao thông, thủy lợi; nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả; có giải pháp tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích, thu hút doanh nghiệp về đầu tư trên địa bàn nông thôn, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động gắn với xây dựng nông thôn mới.

4. Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội; giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, ổn định xã hội; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong quá trình phát triển.

III. Về một số đề nghị của Tỉnh:

1. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi của Khu công nghệ cao đối với Khu công nghiệp Đồng Văn III: Đồng ý về nguyên tắc đối với các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp Đồng Văn III sử dụng công nghệ cao thì được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Khu công nghệ cao. Tỉnh rà soát cụ thể từng dự án, có báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, xử lý cụ thể.

2. Về đầu tư Nhà máy nhiệt điện (công suất 2.400MW): Tỉnh làm việc với Bộ Công Thương để xem xét trong quá trình điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn (2011 - 2020) và trình duyệt theo quy định.

3. Về việc sử dụng quỹ đất hai bên đường để đầu tư tuyến đường nối từ Mỹ Đình (Hà Nội) - Ba Sao (Hà Nam) - Bái Đính (Ninh Bình): Giao Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải chủ trì cuộc họp làm việc với Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình về cơ chế huy động vốn đầu tư dự án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Về Quy hoạch sân golf Đồi con Phượng (huyện Thanh Liêm): Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Về đầu tư cơ sở II bệnh viện Việt Đức, bệnh viện Mắt Trung ương và bệnh viện Lão khoa: Đồng ý về chủ trương, Tỉnh làm việc với Bộ Y tế xem xét, hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6. Về đầu tư trường Dạy nghề quốc tế: Đồng ý về chủ trương, Tỉnh lập dự án, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, xử lý theo quy định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp vào danh mục dự án vận động nguồn vốn ODA để thực hiện.

7. Về vốn đầu tư dự án đường nối 2 cao tốc (Cầu Giẽ - Ninh Bình; Hà Nội - Hải Phòng); dự án cải tạo quốc lộ 21b (qua nút giao Phú Thứ đến đường nối 2 cao tốc): Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Giao thông vận tải xem xét, đề xuất phương án nguồn vốn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Về bố trí vốn đầu tư các dự án thủy lợi (nạo vét, kiên cố kênh tiêu hệ thống trạm bơm Nhâm Trảng - Cổ Đàm) và hệ thống đê, kè bờ hữu sông Hồng (tu bổ, nâng cấp: Đê hữu Hồng; kè mở hàn Nguyễn Lý, Chương Xá, huyện Lý Nhân): Tỉnh tính toán quy mô, lựa chọn dự án, công trình thực sự cấp bách để ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch (2014 - 2015) thực hiện. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, đề xuất việc hỗ trợ cho Tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

9. Về dự án xây dựng Khu đại học tập trung và hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng hạ tầng: Tỉnh rà soát lại Quy hoạch và làm việc với các trường đại học về các dự án cụ thể, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo quy định; giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo đề xuất phương án hỗ trợ vốn đầu tư một số công trình hạ tầng Khu đại học này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sau khi Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Về bố trí vốn hỗ trợ đầu tư hạ tầng Khu du lịch Tam Chúc - Ba Sao: Đây là dự án có ý nghĩa quan trọng, tạo sự liên kết, phát triển du lịch vùng Nam Đồng bằng sông Hồng. Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo tại Thông báo số 136/TB-VPCP ngày 24 tháng 5 năm 2010: Tỉnh tính toán, xác định rõ dự án, công trình do Trung ương đầu tư, địa phương, doanh nghiệp đầu tư theo phương thức xã hội hóa, có báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, đề xuất cơ chế hỗ trợ hạ tầng như Khu du lịch Tràng An (tỉnh Ninh Bình) để bố trí vốn từ năm 2014 và các năm tiếp theo, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

11. Về xử lý nước thải lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy: Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lưu vực sông này; trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường đề xuất nguồn vốn hỗ trợ cho Tỉnh thực hiện.

12. Về sử dụng nguồn vốn ODA để đầu tư Nhà máy nước sạch tại xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên: Đồng ý, Tỉnh hoàn tất hồ sơ, thủ tục theo quy

định, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bổ sung vào danh mục các dự án vận động nguồn vốn ODA, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

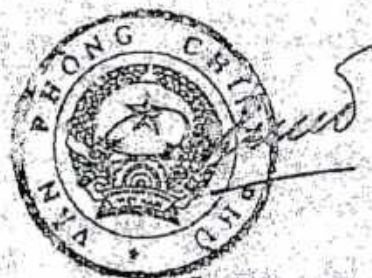
13. Về hỗ trợ vốn các công trình cơ sở hạ tầng phân lũ, chậm lũ: Thực hiện theo chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1859/VPCP-KTN ngày 28 tháng 3 năm 2011. Tỉnh có báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo đề Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam và các Bộ, cơ quan liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- UBND thành phố Hà Nội;
- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hà Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ: TH, KITH, KTN, KGVX, Công TĐT;
- Lưu: VT, V.III (3) Ợ

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Văn Tùng